

# Phước huệ tập 7

## 福慧集（七）

Thích Hậu Quán  
釋厚觀 著述

Việt dịch:

Thích Nguyên Minh, Thích Nhuận Nghĩa, Thích Thị Nghĩa  
Thích Nữ Hạnh Tín, Thích Nữ Diệu Pháp, Thích Nữ Đồng Bảo  
Thích Nữ Thuần Trí, Thích Nữ Hạnh Tường, Thích Nữ Đức Minh

越南文翻譯：

釋源明，釋潤義，釋是義  
釋行信，釋妙法，釋同寶  
釋純智，釋行祥，釋德明

**Printed for free distribution by**  
**The Corporate Body of the Buddha Educational Foundation**  
11F., 55 Hang Chow South Road Sec 1, Taipei, Taiwan, R.O.C.  
Tel: 886-2-23951198 , Fax: 886-2-23913415  
Email: [overseas@budaedu.org](mailto:overseas@budaedu.org)  
Website: <http://www.budaedu.org>  
**This book is for free distribution, it is not to be sold.**  
KINH AN TỔNG KHÔNG ĐƯỢC BÁN

# MỤC LỤC

LỜI TỰA.....	5
1. NHỮNG LÁ CỜ TUY KHÁC MÀU NHƯNG BÓNG CỦA CHÚNG THÌ NHƯ NHAU .....	14
2. LƯƠNG Y TRỊ BỆNH CHO VUA, OÁN TRÁCH VUA BAN THUỞNG ÍT ....	23
3. KINH VUA A-XÀ-THẾ MONG ĐƯỢC PHẬT THỌ KỶ.....	31
4. ĐỨC PHẬT XỎ KIM CHO TÔN GIẢ A-NA-LUẬT.....	46
5. ĐỨC PHẬT ĐỘ ÁC TẶC ƯƠNG-QUẠT-MA-LA .....	57
6. NHÂN DUYÊN KHIẾN CHO CON GÁI CỦA VUA BA-TU-NẶC TRỞ NÊN XẤU XÍ.....	77
7. NHÂN DUYÊN NHỮNG NGƯỜI ẶN XIN ĐƯỢC HÓA ĐỘ .....	91
8. NGƯỜI CÓ LÒNG THAM DỤC SẼ LÀM HẠI CẢ MÌNH VÀ NGƯỜI.....	103
9. HẠNH PHÚC LỚN NHẤT.....	110
10. TÔN GIẢ CA-CHIẶN-DIỆN DẶY BÀ LẶO BẶN NGHỀO .....	120
11. GIEO RUỘNG PHƯỚC THÌ ĐƯỢC PHƯỚC ĐỨC, KHÔNG NẶN PHẶN BIỆT NGƯỜI GIẶ HẶY TRỄ .....	128
12. ĐỒ TỄ CỨNG DƯỜNG PHẶT, THIỆN ẶC KHÔNG THỂ THẶY NHẶU LẶNH THỌ QUẶ BẶO.....	145
13. KINH PHẶT THUYỆT VỀ BẶY NGƯỜI NỮ.....	153
14. HẶI THẶY TỈ-KHEO NHỜ NGHE VỀ NỖI KHỖ CỦA LOẠI SỨC SẶNH MẶ NGỖ ĐẠO.....	174
15. NGHỈ NHỖ CÔNG ĐỨC CỦA TẶNG BẶO, VOI TRẶNG SẶU NGẶ XẶ BỖ THẶN MẶNG, PHẶT KHỖI THIỆN TẶM.....	179
16. NGƯỜI NGU KHÔNG NHẶN ĐƯỢC SỰ MẶNG CHƯỜI PHỄ BẶNG, THÌ CHẶNG KHẶC NẶO TRONG MẶT CỎ HẶI DẶM ĐẶ .....	198

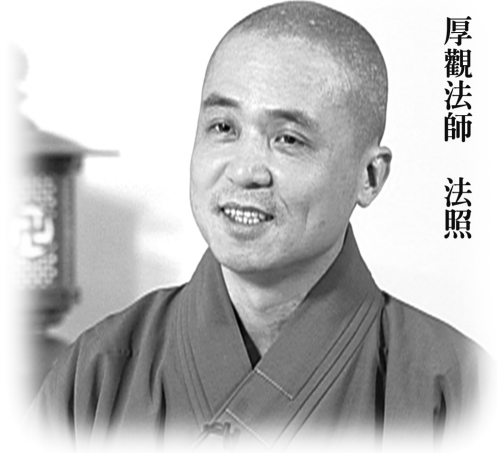


## LỜI TỰA

*Thích Hậu Quán*

Sách *Phước huệ tập*, quyển 7 được phát hành lần này, đã thu thập và ghi chép mười sáu câu chuyện trong kinh Phật.

Trong đó, bao gồm các giáo lý như: Tội lỗi do lòng tham, nghiệp tội do việc hủy báng người khác, nhân quả nghiệp báo, giết người vô số nhờ sám hối mà được giải thoát, thể ngộ vô thường, kịp thời tu phước và huệ, nhẫn nhục v.v., với nội dung rất sinh động và thú vị, ý nghĩa vô cùng sâu sắc.



厚觀法師  
法照

Trong bài *Những lá cờ tuy khác màu, nhưng bóng của chúng thì như nhau*, có kể lại câu chuyện: Có bốn vị vua luôn cho rằng mình là người phước đức lớn nhất, vì việc đó mà cứ tranh luận mãi không ngừng. Sau đó, có viên quan đại thần rất tài trí, lấy bốn lá cờ màu: Xanh, vàng, trắng, đen đem treo trên không, rồi hỏi bốn vị vua rằng:

## **【6】 — Phước huệ tập 7**

- Bốn lá cờ này có gì khác nhau chẳng?

Bốn vị vua đáp:

- Màu sắc của chúng rõ ràng là khác nhau!

Quan đại thần lại hỏi:

- Vậy cái bóng của nó in trên đất có gì khác nhau không?

Bốn vị vua đáp:

- Chúng giống nhau!

Câu chuyện này nhắc nhở chúng ta rằng: Có một số người ham thích so đo hơn thua, kết quả thường là “người thắng thì rơi vào hố kiêu ngạo, kẻ thua thì rớt vào ngục sâu nã”. Thật ra, cho dù bốn màu, xanh, vàng, trắng, đen không giống nhau, nhưng mỗi màu đều có ưu điểm riêng của nó. Cũng vậy, chỉ cần bản thân dốc hết tâm lực, trong lòng cảm thấy an ổn, thoải mái là được, cần chi so đo hơn thua với người khác mà sanh phiền não!

Trong bài *Lương y trị bệnh cho vua, oán trách vua ban thưởng ít*, kể lại câu chuyện: Có một vị lương y trị bệnh cho nhà vua, nhưng nhà vua chưa từng trực tiếp

bày tỏ lòng biết ơn với ông và cũng không ban cho ông chút bổng lộc nào cả. Ngay cả khi lương y từ biệt trở về quê, nhà vua cũng chỉ chuẩn bị cho ông một con ngựa gầy ốm và chiếc xe cũ rích. Trong lòng vị lương y này rất bức bối, nên ông oán trách nhà vua trên suốt cả đoạn đường về nhà. Nhưng lúc sắp đến nơi, thì ông thấy có rất nhiều voi, ngựa, bò, dê,... ngay cả ngôi nhà tồi tàn, cũ kĩ của ông cũng đã được xây dựng lại rất khang trang lộng lẫy. Lúc này, ông mới hiểu ra, những thứ đó đều là sự báo đáp của nhà vua. Ông rất hối hận, vì nếu ban đầu dốc lòng điều trị cho vua, thì nói không chừng, bây giờ bổng lộc còn nhiều hơn nữa.

Phật dạy: “Lương y ví như người tu phước; trị lành bệnh là dụ cho phước đức đã thành tựu viên mãn”. Có người buổi sáng mới tu được chút ít phước đức thì hy vọng tối đến đạt được kết quả lớn; cũng có người, sau một thời gian dài thường làm phước, mà chẳng thấy phước báo đến, nên sanh tâm hoài nghi là không có thiện ác nhân quả. Quả thật, suy nghĩ như vậy là không đúng. Nhân duyên nghiệp báo rõ ràng không chút sai sót. Phước đức là nhân, phước báo là quả. Muốn có được phước báo lớn thì phải siêng năng huân tập ‘phước đức’ mới được; ngược lại, nếu không duy trì tích lũy phước đức, cho dù phước báo lớn, thì cũng có ngày dùng hết!

## 【8】— Phước huệ tập 7

Trong kinh vua A-xà-thế được Phật thọ ký, nói đến việc sau khi vua A-xà-thế cúng dường và đức Phật thọ trai xong, ông hy vọng được nhiều phước đức hơn, nên đã cúng dường thêm dầu đốt đèn. Nhưng không ngờ rằng, một bà lão nghèo dùng hai đồng tiền xin được, mua dầu đốt đèn cúng Phật, thì được Phật thọ ký tương lai sẽ thành Phật; còn vua A-xà-thế tuy cúng dường rất nhiều dầu, nhưng lại không nhận được sự thọ ký của Phật. Xét từ góc độ phát tâm mà nói, bà lão nghèo không có gì cả, chẳng dễ gì xin được hai đồng tiền, nhưng bà không mua đồ ăn để lót dạ, lại đem tất cả đến cúng dường Phật. Sự phát tâm như vậy rất khó có và đáng quý vô cùng!

Vua A-xà-thế lại ra lệnh cho vị cai quản hoa viên, hái những đóa hoa đẹp nhất trong vườn, đem vào cung để dâng lên cúng dường Phật. Không ngờ rằng, vị ấy đang đi được nửa đường thì gặp Phật, ông ta chuyên tâm nghe Phật thuyết pháp, trong tâm vô cùng hoan hỷ, nên đã đem những đóa hoa ấy dâng lên cúng dường Phật, được Phật thọ ký về sau sẽ thành Phật, hiệu là Giác Hoa Như Lai.

Thấy thế, vua A-xà-thế rất chán nản, sầu não: “Tại sao bà lão ăn xin và người cai quản hoa viên đều được Phật thọ ký, còn bản thân mình thì lại không được”.



Quan đại thần nói với vua rằng: “Tuy ngài cúng dường Phật, nhưng đều là lấy đồ trong quốc khố, chứ chưa xả bỏ lòng tham, vẫn còn tự cao ngạo mạn, phần nộ bất mãn. Như vậy thì làm sao được Phật thọ kí?”. Nghe quan đại thần nói như thế, vua A-xà-thế phát nguyện trì trai, giữ giới trong ba tháng và tự tay mình lấy những hạt ngọc, kết thành hoa báu để cúng dường Phật. Thời gian ba tháng trai giới khó khăn đã kết thúc, nhưng đức Phật lại nhập diệt! Câu chuyện này nhắc nhở chúng ta rằng: Tu học phước đức và trí huệ cần phải sốt sắng, kéo sau này hối hận thì cũng không kịp nữa rồi!

Trong bài *Đức Phật xỏ kim cho tôn giả A-na-luật*, có kể lại câu chuyện: Tôn giả A-na-luật đang lúc nghe Phật thuyết pháp mà ngủ gật, nên bị Phật quở trách. Tôn giả cảm thấy vô cùng hổ thẹn, do đó, ngài phát nguyện không ngủ, đến nỗi đôi mắt bị mù lòa. Một hôm nọ, y phục của Tôn giả bị rách, ngài muốn vá lại nhưng không cách nào xỏ kim được. Đức Phật biết như vậy, nên Ngài liền nói:

- Ta là người thích tu phước đức, để Ta xỏ kim cho ông.

Chúng đệ tử thưa:

- Phước đức của Phật đã viên mãn, sao lại nói mình

## 【10】— Phước huệ tập 7

là người thích tu tạo phước đức?

Đức Phật đáp:

- Ta thấu rõ được ân của phước đức và sức mạnh lớn lao của nó, nên làm việc ấy mà không biết chán.

Tôn giả nghe vậy rất cảm động và càng tinh tấn tu tập hơn. Cuối cùng, ngài chứng quả A-la-hán và trở thành ‘Thiên nhân đệ nhất’ trong hàng đệ tử Phật.

Đức Phật quan tâm chúng đệ tử như thế đó, tự tay xỏ kim cho đệ tử. Việc làm này càng hiển bày đức độ cao thượng vĩ đại của Ngài!

Trong bài *Đức Phật độ ác tặc Ưong-quật-ma-la*, kể lại câu chuyện: Ưong-quật-ma-la tin theo lời của thầy tà: “Cần phải giết đủ 1.000 người, rồi chặt lấy 1.000 ngón tay của những người đó, khâu lại thành vòng chuỗi, có như vậy thì chú thuật mới thành tựu viên mãn”. Sau khi ông đã giết được 999 người xong, đúng lúc đó, nhìn thấy mẹ đem đồ ăn đến, ông ta lại sanh tâm muốn giết chết mẹ để lấy ngón tay. Thế Tôn muốn hóa độ ông, nên đã hiện ra trước mặt, thấy vậy, ông liền thay đổi ý định, đuổi theo giết Phật, nhưng không cách nào đuổi kịp. Vì thế, ông lớn tiếng hét rằng:

- Dừng lại! Dừng lại!

Phật nói:

*- Ta dừng lại từ lâu rồi, chỉ có ông là chưa dừng mà thôi!*

Ý của đức Phật là, “Ta đã dứt hết tất cả các hạnh ác, nên không còn bị luân hồi trong ba cõi nữa. Tại sao ông vẫn chưa chịu dứt các việc ác, cứ mãi lần quẩn luân hồi trong ba cõi không dứt?”.

Ương-quật-ma-la vừa nghe xong, lập tức sám hối, xin xuất gia với Phật. Sau khi Phật thuyết pháp cho ông nghe, ông liền chứng quả A-la-hán.

Vua Ba-tư-nặc rất nghi hoặc nói:

- Ương-quật-ma-la giết người vô số, tội nghiệp nặng nề, làm sao có thể chứng được quả A-la-hán?

Phật nói:

*- Trước đây tạo ác, nay nhờ thiện diệt nó, như mặt trăng chiếu soi thế gian, mây mù liền tiêu tan.*

Nghĩa là, nếu như có người thối trước, tạo tác nhiều ác nghiệp, ngày nay nhờ làm điều thiện, nên diệt trừ được ác nghiệp xưa. Cũng giống như ánh sáng của mặt trời chiếu rọi khắp thế gian, một khi ánh nắng xuất

**【12】 — Phước huệ tập 7**

hiện, thì mây đen, sương mù đều biến mất. Vì thế, cho dù đã tạo ác nghiệp, cũng đừng buồn rầu sầu não, hãy khẩn thiết sám hối sửa đổi, tinh tấn tu học thì vẫn còn cơ hội được giải thoát.

Đức Phật thuyết pháp, thường khéo dùng những ví dụ thiện xảo. Như trong bài *Người ngu không nhận được sự mắng chửi, hủy báng, thì chẳng khác nào trong mắt có hai dằm đá*, có kể lại câu chuyện: Khi người ngu bị mắng chửi, hủy báng, thì anh ta cảm thấy hết sức khó chịu, giống như trong đôi mắt bị vướng hai dằm đá, không cách nào chịu nổi. Người trí thì có năng lực nhẫn chịu được lời mắng nhiếc và cả những lời hủy báng rất nặng nề. Họ xem việc đó như những cánh hoa rơi rụng trên thân voi, chẳng có chuyện gì to tát cả. Cũng giống như một trận cuồng phong, thổi bùng ngọn lửa đang cháy trong rừng, trong thoáng chốc, những khu vực lân cận đều bị thiêu rụi, cả khu rừng đều bị đốt cháy gần hết. Tâm sân hận cũng giống như ngọn lửa dữ đó, muốn thiêu đốt người khác, nhưng ngược lại thường thiêu rụi bản thân mình. Đức Phật đã từng dạy rằng: ‘Bậc trí thường dùng tâm từ bi để hóa giải lòng sân hận. Nếu như việc hủy báng là sự thật, khiến người ta sinh tâm hờn giận, nhiếc mắng thì chúng ta nên nghĩ rằng: “Người này nói lời chân thật, ta không nên tức giận”; còn như người ta cố ý dựng chuyện để hủy báng,

chúng ta biết rõ đối phương đang cố ý lừa gạt, thì mình xem như lời nói của người kia chỉ là lời nói nhăng nói cuội, không cần tranh luận đó là sự thật hay giả dối. Bậc có trí huệ thì phân biệt rất rõ ràng, nên không bao giờ sanh tâm giận hờn’.

Còn rất nhiều câu chuyện khác, hàm ý rất sâu xa, độc giả nên dùng tâm để cảm nhận.

Những câu chuyện này đã được chuyển thành sách đọc Mp3, mọi người có thể tìm trên trang web “download băng đĩa ở giảng đường Huệ Nhật”, nguồn: ***<http://video.lwdh.org.tw/html/lecture/story/story.html>***

*Phật học viện Phước Nghiêm,  
ngày 25 tháng 12 năm 2017*

## **1. NHỮNG LÁ CỜ TUY KHÁC MÀU NHỮNG BÓNG CỦA CHÚNG THÌ NHƯ NHAU**

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa quý Phật tử!

Hôm nay, tôi xin chia sẻ với quý vị một câu chuyện được trích từ *kinh Tạp thí dụ*, trong Đại Chánh tạng, quyển 4, trang 507b3-c6.

Thời quá khứ, bên nước Thiên Trúc có ngôi chùa Tùng, trong đó có bốn vị hành giả đều tu chứng được lục thông. Trong nước đó, có bốn vị cư sĩ, mỗi người thỉnh cúng dường mỗi một vị hành giả trong thời gian dài. Sau đó, bốn hành giả này phân chia ra bốn nơi để giáo hóa chúng sanh. Một vị lên cung trời Đê Thích, một vị đến chỗ của Long vương, một vị đến chỗ của đại bàng Kim-sí-điều, vị còn lại đến cung vua.

Bốn vị hành giả đều thọ nhận sự cúng dường từ bốn nơi ấy. Thức ăn còn dư lại trong bát thì đem về cho những vị thí chủ của mình dùng. Những thức ăn này đều đầy đủ trăm món thơm ngon, xưa nay chưa từng thấy. Do đó, bốn vị thí chủ này, hỏi riêng thầy mình là: “Những món ngon này từ đâu mà có?”.

Bốn vị hành giả nói rõ ngọn nguồn cho họ nghe.

Nghe xong, họ liền phát nguyện. Có người nói: “Tôi nguyện đời sau, được sanh vào cung điện của trời Đế Thích”, người khác lại nguyện đời sau được sanh làm rồng, người nữa lại nguyện đời sau được sanh trong loài đại bàng Kim-sí-điều, người còn lại nguyện đời sau sanh làm con vua (tương lai kế thừa ngôi vị vua cha). Sau khi mạng chung, mỗi vị đều tái sanh như nguyện của mình. Về sau, họ chia nhau trở thành Đế Thích thiên vương, Long vương, Kim-sí-điều vương và Đế vương.

Một hôm, bốn vị vua này cùng khởi lên ý niệm muốn tìm một chỗ yên tịnh để thọ trì Bát quan trai giới. Sau khi quán sát xong, họ thấy phía sau hoa viên của vua Ma-kiệt-đà là nơi thích hợp nhất. Do đó, bốn vị này không hẹn mà cùng đến đó. Mỗi vị chọn một góc cây rồi ngồi tĩnh tọa, phát khởi tâm từ bi, phụng trì trai giới và tu Lục niệm<sup>1</sup> trong một ngày một đêm.

Sáng hôm sau, khi khóa tu trai giới kết thúc, mọi người mới hỏi thăm nhau.

Vua Ma-kiệt-đà hỏi:

- Các vị là ai?

---

<sup>1</sup> Lục niệm 六念: Niệm Phật, niệm pháp, niệm tăng, niệm giới, niệm thí, niệm thiên.

**【16】 — Phước huệ tập 7**

Một vị trong số đó trả lời:

- Tôi là Đế Thích thiên vương.

Vị khác đáp:

- Tôi là Long vương.

Vị nữa đáp:

- Tôi là Kim-sí-điều vương.

Vị còn lại trả lời:

- Tôi là Đế vương.

Bốn vị vua nói lai lịch của mình xong thì mọi người đều rất hoan hỷ.

Thiên vương liền hỏi:

- Chúng ta đều thọ trì Bát quan trai, ai sẽ là người được phước đức nhiều hơn?

Đế vương nói:

- Tôi thích chỗ gần bên ngoài hoa viên, ở đó nên sẽ nghe rất rõ âm thanh của từng điệu hát. Tuy vậy, nhưng tôi vẫn giữ tâm chuyên nhất tu trì, cho nên, tôi



là người được phước đức nhiều nhất.

Thiên vương thì nói:

- Tôi sống trong cung điện thất bảo ở trên trời, chẳng những có ngọc nữ múa hát những điệu nhạc hay, mà y phục, thức ăn cũng tự nhiên tùy tâm hiện ra, nhưng tôi không hề tham luyến những thứ ấy. Tôi vượt qua nghìn dặm xa xôi đến đây, chuyên tâm tu trì viên mãn Bát quan trai, cho nên tôi là người được phước đức nhiều nhất.

Kim-sí-điều vương lại nói:

- Món ăn mà tôi thích nhất là thịt rồng, vị ngon của nó vượt hẳn năm món dục (sắc, thanh, hương, vị, xúc). Nhưng hôm nay, ngồi chung với món khoái khẩu của mình, đến một mảy ác niệm nhỏ như sợi tơ cọng tóc, tôi cũng không có, cho nên tôi là người được phước đức nhiều nhất.

Long vương nói:

- Loài rồng chúng tôi là món ăn ưa thích nhất của đại bàng Kim-sí-điều, nên chúng tôi luôn sợ bị ăn thịt, cứ mãi trốn chạy và ẩn núp. Nhưng hôm nay, khi ngồi chung một chỗ với Kim-sí-điều, tôi nghĩ là chết chắc, nhưng cuối cùng, tôi đã hoàn thành khóa tu này, cho

**【18】 — Phước huệ tập 7**

nên tôi là người được phước đức nhiều nhất.

Vua Ma-kiệt-đà nói:

- Tôi có một vị đại thần rất tài trí tên là Phệ-đà-loại. Tôi sẽ bảo ông ấy đến đây, giúp các vị phán xét việc này cho ra lẽ.

Sau khi đại thần Phệ-đà-loại đến và hiểu rõ đầu đuôi sự việc, ông liền lấy bốn lá cờ có màu khác nhau: Xanh, vàng, trắng, đen, treo trên không, rồi hỏi bốn vị vua rằng:

- Màu sắc của bốn lá cờ này, có gì khác nhau chẳng?

Bốn vị vua nói:

- Rõ ràng là bốn màu khác nhau.

Quan đại thần lại hỏi:

- Bóng của chúng in trên đất thì thế nào?

Mọi người đều trả lời:

- Giống nhau!

Quan đại thần nói:

- Tuy hiện tại hình tướng của các Ngài không giống nhau, như màu sắc và chất lượng của bốn tấm lụa này, nhưng hôm nay, bốn vị cùng chung chí hướng, đến đây tu học Phật pháp, thọ trì trai giới, cũng giống như cái bóng in trên đất, không có gì khác nhau cả. Hôm nay, cả bốn đức vua tôn quý đều phát Bồ-đề tâm, tinh tấn thọ trì trai giới, trưởng dưỡng từ tâm, đến lúc thành Phật thì sẽ được tướng hảo trang nghiêm thanh tịnh, bình đẳng không chút khác biệt.

Bốn vị vua nghe xong, vô cùng hoan hỷ, liền chứng được Đạo nhãn.

Câu chuyện này nhắc đến bốn vị vua là Đế Thích thiên vương, Đế vương, Kim-sí-diêu vương và Long vương, không hẹn mà cùng phát tâm đến sau hoa viên của vua Ma-kiệt-đà để tu trì Bát quan trai giới trong một ngày một đêm. Bốn vị ấy so sánh với nhau xem ai là người có công hạnh đáng quý hơn; ai là người đạt được phước đức nhiều hơn.

Thiên vương nghĩ rằng: “Tôi có thể rời xa thiên cung, chẳng nhớ nghĩ đến dục lạc cõi trời, như ngọc nữ, những món ăn, v.v., mà đi đến nhân gian, thọ trì trai giới, như vậy thì phước đức của tôi sẽ nhiều nhất”.

Đế vương thì cho rằng: “Trong cung vua vang ra

**【20】 — Phước huệ tập 7**

những khúc nhạc du dương, trong hoàn cảnh đó mà tâm tôi không chút dao động, chuyên lòng thọ trì trai giới, cho nên phước đức của tôi sẽ nhiều nhất”.

Kim-sí-điều vương lại nghĩ: “Tôi thích nhất là ăn thịt rồng. Món khoái khẩu đang ở bên cạnh, mà tôi có thể kìm chế được sự thèm thuồng, cho nên, tôi đã làm điều khó làm nhất”.

Long vương thì nghĩ rằng: “Tôi vốn dĩ muốn tìm một chỗ yên tĩnh để tu trì Bát quan trai giới, nhưng lại không ngờ gặp phải oan gia là Kim-sí-điều vương. Nó không ăn một bữa thì không sao cả, nhưng nếu tôi trở thành bữa ăn của nó, thì đời tôi coi như xong! Nhưng từ lúc bắt đầu khóa tu, tôi không trốn tránh, cuối cùng cũng hoàn thành viên mãn. Công hạnh đáng quý như tôi, ai mà hơn được?”.

Có thể thấy, công hạnh của bốn vị này đều có chỗ đáng quý riêng. Giống như câu nói của quan đại thần: “Màu sắc và tính chất của bốn tấm lụa xanh, vàng, trắng, đen khác nhau, nhưng cái bóng của chúng in trên đất hoàn toàn giống nhau”.

**Câu chuyện này muốn nhắn nhủ đến chúng ta rằng:**

Có rất nhiều người thường xem trọng vẻ bề ngoài, thích so đo hơn thua, cao thấp, kết quả thường là ‘*người thắng thì rơi vào hố kiêu ngạo, kẻ thua thì rớt vào ngục sâu nã*’ (người thắng thì thường vui vẻ, đắc ý, một khi vui quá thì dễ rơi vào hố hiểm ngạo mạn; kẻ thua thì luôn âu sầu, thảm nã cũng giống như bị đày vào địa ngục). Song, có người thì cho rằng, chỉ cần dốc hết tâm sức để làm là được, cũng như màu xanh, vàng, trắng, đen không giống nhau, nhưng mỗi loại đều có ưu điểm riêng. Mặt khác, tuy màu sắc không đồng, nhưng cái bóng in trên đất giống nhau không khác, như vậy thì có gì đáng để so bì hơn thua?

Bậc trí nhìn nhận sự việc rất sâu sắc. Cho dù pháp lành, cũng là sanh diệt vô thường, không nên chấp chặt. Giống như trong kinh dạy:

*Pháp còn phải bỏ, huống gì phi pháp!*

*Kinh Kim cang cũng dạy rằng:*

*Tất cả pháp hữu vi*

*Như mộng, ảnh, bào, huyễn,*

*Như sương mai, sấm chớp*

*Đều phải quán như thế.*

**【22】 — Phước huệ tập 7**

Hy vọng đại chúng có thể thấu hiểu được hàm ý sâu xa qua những hình ảnh thí dụ trong câu chuyện này. Thể hội được hàm ý trong câu chuyện ‘bốn lá cờ khác màu, nhưng bóng của chúng như nhau’ và thâm ý của câu kệ: *‘Tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn bào ảnh...!’*. Hơn nữa, trong kinh thường dạy: ‘Nhân quả, nghiệp báo như bóng theo hình’, nghĩa là người đi đến đâu thì bóng in theo đến đó, nên biết, nhân quả nghiệp báo, rõ ràng không chút sai sót.

Từ câu chuyện trên, mong mọi người cùng nhau cố gắng!

*Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,  
ngày 31.10.2015*

## 2. LƯƠNG Y TRỊ BỆNH CHO VUA, OÁN TRÁCH VUA BAN THƯỜNG ÍT

Kính bạch quý Thầy cô! Kính thưa quý Phật tử!

Hôm nay, tôi xin chia sẻ với quý vị một câu chuyện được trích từ *kinh Tạp thí dụ*, trong Đại Chánh tạng, quyển 4, trang 526a13-b19.

Thuở xưa, có vị vua ở một nước lớn bị bệnh rất nặng, điều trị suốt mười hai năm mà vẫn không khỏi. Triều đình mời tất cả các lương y giỏi trong nước đến, nhưng bệnh tình của vua vẫn không có dấu hiệu khởi sắc.

Lúc đó, trong một nước nhỏ ở vùng biên địa, thuộc quyền cai quản của đại quốc ấy, có một vị lương y rất tinh thông y thuật, có khả năng đặc biệt chữa trị được mọi loại bệnh. Sau khi biết tin này, nhà vua liền hạ lệnh, truyền ông ta đến hoàng cung trị bệnh. Chỉ trong thời gian ngắn, bệnh lâu năm của vua đã dần dần thuyên giảm.

Nhà vua cảm niệm ân đức của vị lương y này nên nhiều lần phái sứ giả đến chỗi vua nước nhỏ, truyền đạt mệnh lệnh của nhà vua rằng: “Vị lương y này đã trị

**【24】 — Phước huệ tập 7**

lành bệnh của ta, lập được công lớn. Thế nên, hãy trọng thưởng cho ông ấy nhiều voi, ngựa, xe, bò, dê, ruộng đất, nhà cửa, tùy tùng và các món trang sức”.

Vị vua của nước nhỏ đó vâng theo mệnh lệnh của vua nước lớn, liền xây dựng lại cho vị lương y một ngôi nhà mới, lầu gác, lại ban cho vợ ông ta rất nhiều y phục, thức ăn, vàng bạc châu báu, nhiều món trang sức và voi, ngựa, bò, dê, v.v., tất cả đều đầy đủ.

Vị lương y luôn bên cạnh trị bệnh cho nhà vua, nhưng chưa bao giờ nghe thấy nhà vua nói với ông lời nào. Trong lòng ông ấy nghĩ rằng: “Mình đã tốn rất nhiều tinh lực và thời gian để trị bệnh cho nhà vua, bệnh tình đã chuyển biến tốt, không biết ngài ấy có ban thưởng hay báo đáp gì không?”.

Trải qua một thời gian nữa, sức khỏe của nhà vua dần bình phục, vị lương y đó muốn cáo biệt trở về quê. Nhà vua đồng ý và chuẩn bị cho ông ấy một con ngựa gầy và cỗ xe tồi tàn.

Lúc đó, vị lương y này vô cùng ngao ngán và hối hận, ông thầm nghĩ: “Ta đã hao phí rất nhiều tinh lực và công phu để trị lành bệnh cho nhà vua, nhưng ngài ấy lại không biết tri ân, báo đáp hay tiến cử, mà lại để cho ta trở về tay không”. Vì thế, cả đoạn đường về nhà,



trong lòng ông ấy đầy âu sầu, than trách và oán hận.

Thế rồi, ngay lúc ông về đến quốc gia của mình thì trông thấy một đàn voi, ông ta liền hỏi người chăn voi:

- Đây là voi của nhà ai?

Người chăn voi đáp:

- Đây là voi của một vị lương y nào đó.

Ông ta hỏi tiếp:

- Vì sao vị ấy có được đàn voi này?

Người chăn voi đáp:

- Vì ông ta trị lành bệnh cho vua nước lớn, nên được ban thưởng.

Lương y đi tiếp, lại trông thấy một đàn ngựa, ông ta liền hỏi người chăn ngựa rằng:

- Đây là ngựa của nhà ai?

Người chăn ngựa đáp:

- Đây là ngựa của một vị lương y nào đó.

Ông ta lại đi tiếp thì thấy một đàn bò và dê, ông lại

**【26】 — Phước huệ tập 7**

hỏi người chăn bò và dê rằng:

- Số bò dê này là của ai?

Họ đáp:

- Đây là bò và dê của một vị lương y nào đó.

Ông ta tiếp tục đi, nhìn thấy ngôi nhà cũ của mình nay biến thành một ngôi nhà rộng lớn, kang trang, với nhiều lầu gác, khác hẳn với ngôi nhà cũ. Ông ta liền hỏi người gác cửa:

- Đây là nhà của ai?

Người gác cửa đáp:

- Đây là nhà của một vị lương y nào đó.

Ông ta bước vào nhà thì nhìn thấy một vị phu nhân dáng dấp mỹ miều, đoan trang xinh đẹp, khoát trên người nhiều lụa là gấm vóc lộng lẫy. Ông ta cảm thấy rất kì lạ nên hỏi:

- Vị phu nhân này là vợ của ai?

Đứa tớ gái đáp:

- Đây là vợ của một vị lương y nào đó.

Từ lúc nhìn thấy đàn voi, ngựa, bò, dê, cho đến bước vào nhà, thì ông ta biết rằng, tất cả đều do công của ông đã trị lành bệnh cho nhà vua, nên được đền đáp. Lúc đó, ông ta cảm thấy rất hối hận, lúc trị bệnh cho nhà vua, ông không dốc hết tâm lực nên nhận được phước đức không nhiều.

Sự khó khăn và chướng ngại của việc tu phước đức giống như bệnh tình của nhà vua. Vị lương y ví như người đang tu phước đức. Chữa bệnh cho nhà vua ví như những việc mà người đang tu tạo phước đức làm. Bệnh của vua được trị lành ví như việc tu phước đức đã thành tựu viên mãn. Nhà vua hạ lệnh ban thưởng voi, ngựa, nhà lớn v.v., đều là sự báo đáp do tích lũy phước đức mà có được.

Hầu hết, mọi người đều hy vọng sớm đạt được nguyện vọng của mình, nhưng lại thường suy tư, tại sao nguyện vọng của mình chưa thành hiện thực. Điều này cũng như người có lòng tin mỏng manh, buổi sáng mới tu tạo được chút ít phước đức, tối đến đã mong chờ có được sự báo đáp. Một khi rơi vào cảnh bệnh, già, chết thì cho rằng tu tạo thiện pháp không có thiện báo.

Có người sau khi chết được sanh lên cõi trời, đang lúc thân trung ấm còn chưa lên tới đó thì thấy được

## **【28】— Phước huệ tập 7**

muôn vãn cảnh tượng tốt đẹp hiện bày. Giống như vị lương y chưa về đến nhà, dọc đường đã thấy voi, ngựa v.v.; sau khi thân trung âm lên đến cõi trời và tái sanh, thấy được cảnh thiên đường lộng lẫy, trang nghiêm, lúc đó, họ mới hối hận không thôi. Họ tiếc nuối, tại sao lúc trước không tu tạo phước đức nhiều thêm nữa. Giống như vị lương y, sau khi thấy được ban thưởng bổng lộc, thì mới hối hận, sao lúc đầu không dốc lòng điều trị cho nhà vua!

### **Câu chuyện này nhắn nhủ chúng ta:**

Vị lương y hối tiếc, vì nếu ban đầu tận tâm trị bệnh cho nhà vua thì nhận được phước đức nhiều hơn nữa! Có người bị bệnh thì lương y mới có thể phát huy sở trường của mình, cũng vậy, có người khốn khổ, thì chúng ta mới có cơ hội tu phước đức, cho nên phải cảm ơn họ. Lương y là dụ cho người tu phước đức, việc trị lành bệnh ví như phước đức đã thành tựu viên mãn.

Chúng ta làm việc gì, cũng đừng quá để ý là làm cho quốc gia, cha mẹ, công ty hay cho một ai đó. Thật ra, làm được một việc lành, thì phước đức đó thuộc về bản thân mình, người khác muốn lấy đi cũng không được.

Phước đức và phước báo không giống nhau. Phước đức là nhân, phước báo là quả. Muốn có được phước báo lớn, thì cần phải siêng năng tu tập ‘phước đức’. Ngược lại, nếu không tích lũy phước đức, cho dù có được phước báo lớn, thì sẽ cũng có ngày dùng hết!

Ngoài ra, những vị tu phước đức, mà trong tâm còn nhiều tạp niệm tham lam hay háo thắng, thì sẽ đạt được phước đức là pháp hữu lậu, không thanh tịnh. Và lại, sau khi có phước báo thì chỉ bản thân hưởng thụ, hay cùng lắm là chia sẻ với bà con, bạn bè cùng chung hưởng mà thôi. Nhưng hàng Bồ-tát thì khác, lúc tu tạo phước đức thì tâm các ngài thanh tịnh, không có tham sân si. Phước báo có được đều dùng để làm lợi ích cho chúng sanh. Đây là sự khác biệt giữa Bồ-tát và phàm phu.

*Đại trí độ luận* nói:

*Năm pháp ba-la-mật: Bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, là để trồng các công đức, còn bát-nhã ba-la-mật có công năng trừ bỏ tâm niệm chấp trước và tà kiến. Giống như có người trồng lúa, thì cũng có người diệt trừ cỏ dại, như vậy thì lúa mới sinh trưởng tốt và bội thu.*

Ý nói: Tuy chúng ta tu phước đức thì có thể hưởng

**【30】 — Phước huệ tập 7**

được phước báo, nhưng cần phải tu thêm trí huệ bát-nhã, để phá trừ tà kiến và vọng niệm chấp trước. Chúng ta cần phải phước huệ song tu, như thế mới được.

Từ câu chuyện trên, mong mọi người cùng nhau cố gắng!

*Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,  
ngày 26.03.2016*

### 3. KINH VUA A-XÀ-THẾ MONG ĐƯỢC PHẬT THỌ KÝ

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa quý Phật tử!

Hôm nay, tôi xin được chia sẻ cùng quý vị một câu chuyện Phật giáo. Câu chuyện này được trích từ *kinh Vua A-xà-thế mong được Phật thọ ký*, trong Đại Chánh tạng, quyển 14, trang 777a23-778b2.

Thuở trước, có một khoảng thời gian, đức Phật ở tại núi Linh Thứu, nước La-duyệt-kỳ. Lúc bấy giờ, vua A-xà-thế thỉnh đức Phật đến vương cung để cúng dường. Đức Phật thọ trai xong, trở về tinh xá Kỳ Hoàn.

Vua A-xà-thế nói với đại thần Kì-bà:

- Hôm nay, vương cung thỉnh đức Phật cúng dường, bây giờ, Ngài đã thọ trai xong, cần phải chuẩn bị thêm gì nữa?

Kì-bà nói rằng:

- Nên thắp nhiều đèn để cúng dường Phật.

Vua liền lệnh cho thuộc hạ chở một trăm thùng dầu thắp đèn, từ trong cung đến tinh xá Kỳ Hoàn.

**【32】 — Phước huệ tập 7**

Lúc ấy, có một bà lão rất nghèo, có tâm chí thành muốn cúng dường Phật nhưng không có tiền. Bà nhìn thấy vua A-xà-thế làm được công đức như vậy nên rất cảm kích, cũng phát khởi tâm muốn cúng dường Phật. Bà đi xin được hai đồng tiền, liền đem hết số tiền này đến cửa tiệm dầu để mua dầu.

Chủ cửa tiệm dầu hỏi:

- Bà nghèo như vậy, chỉ xin được hai đồng tiền, sao không để dành mua đồ ăn duy trì cuộc sống, mà lại mua dầu làm gì?

Bà lão trả lời:

- Tôi nghe nói gặp được Phật ra đời là rất khó, trải qua trăm kiếp mới có dịp được gặp Phật một lần. Tôi may mắn sinh vào thời đức Phật ra đời, vậy mà tôi chưa có cơ hội cúng dường Ngài. Hôm nay, tôi thấy vua làm được việc đại công đức, vĩ đại vô cùng, nên trong tâm tôi cũng phát khởi ý niệm muốn cúng dường Phật giống như vua. Tuy tôi vô cùng cực khổ nhưng cũng muốn thắp một ngọn đèn để làm tư lương tu hành cho đời sau.

Người bán dầu biết được tâm nguyện chí thành của bà lão. Với hai đồng tiền, vốn chỉ có thể mua được hai



cáp<sup>2</sup> dầu (một cáp bằng 1/10 thăng<sup>3</sup>), nhưng người chủ tiệm lại đặc biệt đong tặng bà lão thêm ba cáp dầu nữa, tổng cộng bà được năm cáp dầu.

Bà lão đi đến trước đức Phật thắp đèn lên, trong lòng nghĩ với số dầu này, đèn sáng không quá nửa đêm là sẽ tắt. Bà bèn nguyện rằng: “Nếu như sau này, con được chứng đạo như đức Phật, thì ngọn đèn này sẽ sáng suốt đêm không tắt”. Phát nguyện xong, bà lễ Phật rồi ra về.

Lúc bấy giờ, các ngọn đèn của vua cúng dường, có ngọn sáng, có ngọn tắt, tuy có người chăm nhưng không chu toàn. Riêng ngọn đèn của bà lão thì sáng hơn các ngọn đèn khác, suốt cả đêm không tắt, đến sáng dầu vẫn không hao. Đến sáng sớm hôm sau, bà lão lại đi đến trước đức Phật đánh lễ rồi lùi về đứng một bên.

Đức Phật bảo ngài Mục-kiền-liên:

- Trời đã sáng rồi, ông hãy đi tắt tất cả các ngọn đèn.

Ngài Mục-kiền-liên vâng lời Phật, lần lượt đi tắt

---

<sup>2</sup> Cáp 合: Tức là đêxilit.

<sup>3</sup> Thăng 升: Tức là lít.

**【34】 — Phước huệ tập 7**

các ngọn đèn. Các ngọn đèn khác đều tắt, riêng ngọn đèn của bà lão, tôn giả thổi ba lần vẫn không tắt. Ngài lấy áo ca-sa quạt, thì ngọn đèn này càng sáng hơn. Ngài bèn dùng sức oai thần dẫn gió mạnh vô cùng để thổi đèn, nhưng ngọn đèn của bà lão càng sáng rực hơn, chiếu lên đến trời Phạm thiên, lại chiếu khắp ba ngàn thế giới, tất cả các nơi đều thấy ánh sáng của ngọn đèn này chiếu đến.

Đức Phật bảo ngài Mục-kiền-liên:

- Dừng lại! Dừng lại! Ngọn đèn đó được thắp lên từ ánh sáng công đức của một vị Phật tương lai, không thể dùng sức thần thông của ông mà thổi tắt được. Bà lão này đời trước đã từng cúng dường một trăm tám mươi ức đức Phật, từ xưa đã được một đức Phật thọ ký. Bà luôn hết lòng đem kinh Phật để hướng dẫn người dân tu học, vì không có thời gian thực hành hạnh bố thí, nên đời này nghèo khó không có của cải. Trải qua ba mươi kiếp về sau, công đức viên mãn, bà sẽ thành Phật hiệu là Tu-di Đăng Quang Như Lai Chí Chân. Cõi nước Phật ấy không có mặt trời, mặt trăng, thân của người dân đều có ánh sáng lớn, cùng với ánh sáng của vô số châu báu trong cung điện chiếu sáng lẫn nhau như cõi trời Đao Lợi.

Bà lão nghe đức Phật thọ ký, lòng rất vui mừng, lập

tức thân nhẹ nhàng bay lên hư không, cách mặt đất một trăm tám mươi trượng, rồi hạ người xuống đất, đầu mặt đánh lễ Phật rồi lui ra.

Vua A-xà-thế nghe được việc này, bèn hỏi Kì-bà:

- Ta làm công đức nhiều như vậy nhưng Phật không thọ ký cho ta, còn bà lão chỉ cúng dường một ngọn đèn lại được Phật thọ ký, tại sao lại như vậy?

Kì-bà đáp:

- Vua tuy cúng nhiều đèn nhưng tâm không chuyên nhất, chẳng bằng bà lão thành tâm cúng dường lên Đức Phật.

Nghe Kì-bà nói vậy, vua quyết định đến thỉnh Phật một lần nữa, để dâng hoa cúng dường. Ngay trong đêm, vua ra lệnh những người giữ vườn hoa, sáng sớm hôm sau phải chọn hái các hoa đẹp nhất, đem vào trong cung.

Vừa sáng sớm, đức Phật đã rời tinh xá Kỳ Hoàn, khoan thai cất bước đến vương cung. Dọc đường đi, Phật thuyết pháp cho dân chúng, đến gần trưa mới tới gần vương cung.

Có một người giữ vườn hoa, ông ta cầm giỏ hoa

**【36】 — Phước huệ tập 7**

vừa ra khỏi vườn trên một lối đi nhỏ thì gặp đức Phật từ trên đường lớn đi tới. Ông được đức Phật thuyết pháp, nên hết lòng chăm chú lắng nghe, lòng rất vui mừng, liền đem bao nhiêu hoa cầm trên tay tung lên đức Phật, hoa đều trụ ở không trung, ngay trên đỉnh đầu của đức Phật.

Đức Phật liền thọ ký:

- Ông đã từng cúng dường chín mươi ức vị Phật, một trăm lẻ bốn kiếp về sau, sẽ thành Phật hiệu là Giác Hoa Như Lai.

Vị giữ vườn hoa này rất vui mừng, lập tức thân nhẹ nhàng bay lên hư không rồi hạ xuống đất, kính lễ đức Phật. Lúc đó, ông chột nghĩ: “Nhà vua của ta là người tính tình rất nghiêm khắc và nóng nảy, nửa đêm hôm qua ra lệnh ta giữ trai giới, hái hoa để cúng Phật, nhưng ta đã đem tất cả hoa dâng cúng Phật rồi, giờ đi tay không về cung thì chắc chắn sẽ bị giết”. Thế là, ông ta liền đi thẳng về nhà, để giỏ đựng hoa ngoài cửa, vào trong nhà nói với vợ:

- Tôi từ sáng đến giờ chưa ăn gì hết, nhà vua nhất định sẽ giết tôi, bà mau mau làm thứ gì cho tôi ăn với!

Người vợ nghe chồng nói vậy, vô cùng hoảng sợ,

bà hỏi:

- Vì sao ông lại bị nhà vua đem giết?

Người chồng liền kể đầu đuôi sự việc cho vợ nghe.

Người vợ vội chạy vào bếp làm thức ăn. Ngay lúc đó, trời Đế Thích liền đem hoa trời để đầy trong giỏ.

Người vợ đem thức ăn từ nhà bếp ra, thấy cái giỏ trông không lúc nãy chồng bà để ngoài cửa, bây giờ đã đầy tràn những bông hoa, màu sắc rực rỡ khác thường, nên vội vàng báo lại với chồng.

Người chồng ra ngoài cửa xem, biết đây là hoa trời, nên rất vui mừng, ông không ăn nữa, mà liền mang hoa vào cung.

Nhà vua đích thân đi đón đức Phật. Trên đường đi, gặp người giữ vườn mang hoa tới, vua thấy hoa rất đẹp, ở thế gian hiếm có, liền hỏi người giữ vườn:

- Trong vườn của ta có nhiều hoa đẹp như vậy, mà người lâu nay không dâng lên, tội người đáng chết có biết không?

Người giữ vườn thưa:

**【38】 — Phước huệ tập 7**

- Tâu đại vương! Trong vườn không có loại hoa này. Hạ thần vào sáng sớm đem hoa trong vườn về cung, trên đường đi gặp đức Phật, không nén nổi lòng vui mừng, nên hạ thần đã đem hết hoa dâng lên Phật, liền được Ngài thọ ký cho hạ thần. Biết sẽ bị đại vương không tha tội, nên hạ thần về nhà tìm món gì để ăn trước khi chịu chết. Nhưng sau đó, hạ thần ra cửa thì lại thấy trong cái giỏ không trống không trước đó, nay đã có đầy những hoa đẹp, đây chắc là hoa trời, chứ trong vườn chẳng thể có loại hoa này. Đời này, hạ thần sinh ra làm hạng người thấp kém, vâng lời đại vương mà giữ vườn hoa, ít nhiều bị ràng buộc nơi vương cung không thể chuyên tâm tu đạo. Một khi đã được đức Phật thọ ký rồi, dù ngay bây giờ hạ thần có chết, cũng chắc chắn sinh lên cõi trời, ở trước mười phương Phật không bị ràng buộc, có thể tùy ý tu đạo. Nếu bây giờ đại vương muốn giết hạ thần, hạ thần cũng cam lòng!

Nhà vua nghe người giữ vườn hoa đã được đức Phật thọ ký, nên vua vừa hổ thẹn, vừa xúc động vô cùng. Vua sinh tâm cung kính, đứng dậy đánh lễ, quỳ xuống hướng về người giữ vườn hoa mà sám hối.

Đức Phật đến vương cung, sau khi thọ thực, chúc phúc nhà vua xong, Ngài trở về tịnh xá.

Nhà vua lại hỏi Kì-bà:

- Ta lần trước chuẩn bị rất nhiều dầu thắp đèn, thỉnh Phật cúng dường, thì bà lão chỉ cúng dường một ít dầu lại được Phật thọ ký. Hôm nay, ta dùng rất nhiều hoa đẹp trong vương cung cúng dường Phật, muốn tu công đức thì người giữ vườn hoa được Phật thọ ký. Chỉ một mình ta vì có gì không được Phật thọ ký? Trong lòng ta thật sự rất phiền muộn. Ta phải làm những công đức gì thì mới được Phật thọ ký đây?

Kì-bà đáp:

- Đại vương tuy hàng ngày làm phước, nhưng chỉ dùng của cải trong kho của quốc gia, sử dụng sức của dân chúng, trong tâm vẫn còn chứa đầy kiêu ngạo tự đại, hoặc bực tức bất mãn, cho nên chưa được Phật thọ ký. Nay nhà vua nên đem các vật trang sức nơi thân mình làm vật cúng dường và cỡi vòng ngọc bảy báu như anh lạc... để làm hoa báu; cần phải có sự trợ giúp của phu nhân, thái tử, cùng nhau hợp lực tạo những vật do chính mình làm ra, một lòng dâng lên cúng Phật. Phật thấy vua chí thành thì chắc chắn sẽ thọ ký.

Bấy giờ, vua giảm thiểu triệt để sự ăn uống trong cung, cỡi những đồ báu trên mình, ngày đêm giữ gìn trai giới. Vua triệu tập những người thợ giỏi mỗi ngày đến hướng dẫn làm hoa trân bảo. Nhà vua và phu nhân, thái tử đều tự tay mình làm, cho đến chín mươi ngày

**【40】 — Phước huệ tập 7**

sau mới hoàn tất hoa báu. Nhà vua ra lệnh chuẩn bị xe ngựa thật trang nghiêm, để tự mình đem hoa dâng lên cúng dường Phật. Thế nhưng, một cận thần của nhà vua thưa:

- Hạ thần nghe nói mấy ngày trước, đức Phật đi đến nước Cưu-di-na-kiệt và đã nhập niết-bàn ở đó'.

Nhà vua nghe vậy, lòng rất đau buồn, roi lệ nghẹn ngào than:

- Ta thành tâm thành ý, tự tay mình làm những vòng hoa này. Đức Phật tuy đã nhập niết-bàn, ta vẫn đến núi Kỳ-xà-quật đặt vòng hoa lên chỗ Phật ngồi, để dâng lên lòng thành kính của ta.

Kì-bà thưa:

- Pháp thân Phật không có hình tướng cũng không có niết-bàn, chẳng thường trụ cũng chẳng nhập diệt, chỉ có người nào chí thành mới gặp được Phật. Phật tuy hiện hữu ở đời, nhưng nếu người không chí thành thì không gặp được Phật. Đại vương chí thành như vậy, Phật tuy thị hiện nhập niết-bàn, nhưng nếu đại vương đến núi Linh Thứu thì chắc chắn sẽ được gặp Phật.

Nhà vua lập tức đến núi Kỳ-xà-quật. Vừa tới nơi, vua liền thấy Phật, vua vừa buồn, vừa vui, roi lệ khóc



thương tiến về phía trước, đầu mặt đánh lễ đức Phật. Vua dùng hoa bằng bảy báu tung lên, tất cả hoa đều trụ ở giữa hư không, hóa thành lọng báu ngay trên thân đức Phật. Đức Phật thọ ký cho nhà vua:

- Tám vạn kiếp sau, có kiếp tên là Hỷ Quán, đại vương sẽ thành Phật ở cõi ấy, hiệu là Tịnh Kỳ Sở Bộ Như Lai, quốc độ ấy tên là Hoa Vương. Khi đó, dân chúng thọ bốn mươi tiểu kiếp.

Lúc ấy, thái tử con vua A-xà-thế tên là Chiên-đà-hòa-lợi vừa lên tám tuổi, thấy cha được thọ ký nên rất vui mừng, liền cởi những đồ báu trên thân tung lên cúng dường đức Phật, rồi thưa:

- Con nguyện sau khi đức Tịnh Kỳ Sở Bộ thành Phật, con sẽ làm Kim luân thánh vương, được cúng dường Phật. Sau khi đức Phật đó nhập Niết-bàn, con sẽ kế thừa làm Phật.

Bấy giờ, các vật báu mà thái tử cúng dường đều tự kết thành màn anh lạc che phía trên đức Phật.

Đức Phật nói:

- Con chắc chắn sẽ đạt như sở nguyện. Khi nhà vua thành Phật, con sẽ làm Kim luân thánh vương, hết tuổi thọ sẽ sinh lên cõi trời Đâu-suất. Sau khi hết thọ mạng

ở cõi trời này, con sẽ thành Phật, hiệu là Chiên Đàn, giáo hóa ở cõi nước Dược Vương. Thọ mạng của nhân dân, sự trang nghiêm của cõi nước v.v., cũng giống như cõi Hoa Vương của đức Phật Tịnh Kỳ Sở Bộ.

Sau khi đức Phật thọ ký xong, vua A-xà-thế và thái tử Chiên-đà-hòa-lợi đến trước đức Phật đánh lễ, khi ấy bỗng có một luồng ánh sáng bay lên, không ai còn thấy đức Phật nữa.

**Câu chuyện này có đôi chỗ đáng để chúng ta suy ngẫm:**

Việc bố thí không đặt nặng ở tiền tài, phẩm vật bố thí nhiều hay ít, mà quan trọng là ở việc phát tâm. Chẳng hạn như bà lão vô cùng nghèo khổ, không dễ gì mới xin được hai đồng tiền, nhưng bà không dùng tiền này mua đồ ăn sống qua ngày, mà cảm thấy đức Phật xuất hiện ở thế gian trăm nghìn vạn kiếp khó gặp được, nếu không nhân cơ hội này cúng dường, thì lúc nào mới có dịp được cúng dường Phật đây? Dầu thấp đèn mà vua A-xà-thế cúng dường tuy nhiều, nhưng xét theo phương diện phát tâm, thì bà-lão vốn chẳng có gì, lại có thể đem hết tâm thành dâng dầu lên cúng Phật, sự phát tâm như thế thật không gì quý hơn.

Kế đến, vua A-xà-thế lại ra lệnh cho người giữ

vườn hoa chọn ra những bông hoa đẹp nhất đem vào trong cung, để vua dâng lên cúng Phật. Vua không ngờ rằng người giữ vườn hoa giữa đường đã gặp Phật, một lòng nghe Phật thuyết pháp, vô cùng hoan hỷ, liền dâng hoa lên cúng dường Phật. Đức Phật thọ ký cho ông ấy tương lai sẽ thành Phật, hiệu là Giác Hoa Như Lai.

Vua A-xà-thế rất buồn bã, nghĩ rằng vì sao bà lão ăn mày và người giữ vườn hoa đều được Phật thọ ký, mà mình lại không được thọ ký. Đại thần Kì-bà nói với Quốc vương rằng:

- Thưa Quốc vương, ngài tuy cúng dường đức Phật, nhưng đều sử dụng tài sản trong ngân khố quốc gia, lại chưa buông bỏ tâm xan tham, trong lòng lại đầy ắp kiêu ngạo, tự cao, phẫn nộ, bất mãn, như thế thì làm sao được Phật thọ ký?

Vua A-xà thế nghe như vậy, liền giữ gìn trai giới trong ba tháng, đồng thời tự tay mình dùng châu báu làm thành vòng hoa để dâng lên cúng dường Phật. Nhưng khi vừa làm xong vòng hoa, nhà vua nghe nói đức Phật đã viên tịch rồi! Kì-bà nói với vua A-xà-thế rằng:

- Sắc thân của Phật tuy đã nhập diệt, nhưng pháp

**【44】 — Phước huệ tập 7**

thân của Ngài luôn luôn hiện hữu, chỉ cần thành tâm muốn gặp Phật thì có thể thấy được pháp thân Phật.

Cuối cùng, vua A-xà-thế đem hết tâm thành, dâng hoa cúng dường, được Phật thọ ký.

Câu chuyện này nhắc nhở chúng ta: Có nhân duyên gặp được Tam bảo, thì nên trân quý, phát tâm trồng phước điền.

Ngoài ra, nói đến hương hoa cúng dường, kinh thứ hai trong *kinh Trường A-hàm* là *kinh Du hành*, nhắc đến câu chuyện, lúc đức Thích Tôn sắp nhập niết-bàn bên hai cội cây sa-la. Khi ấy, vốn chẳng phải là mùa trở hoa, nhưng hai cây sa-la bỗng nhiên trở hoa đẹp, cùng lúc ấy, Thiên long bát bộ cũng rải rất nhiều hoa và hương chiên đàn cúng dường Phật. Đức Phật nói với A-nan:

- Nếu thật tâm muốn cúng dường báo ân, thì không phải là cúng dường hoa thế gian hay hoa trời, mà cần cúng dường hoa giác ngộ, cũng chính là trì giới thanh tịnh, đọc tụng kinh điển, thọ trì chánh pháp, y pháp mà thực hành, đây mới là chân thật cúng dường. Hoa giác ngộ thù thắng hơn hoa thế gian và hoa cõi trời, thể hội được vô ngã mới là sự cúng dường tối thượng.

Xin chia sẻ những điều trên đây cùng đại chúng để  
mọi người cùng nhau sách tấn tu học!

*Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,  
ngày 19.12.2015*

## 4. ĐỨC PHẬT XỎ KIM CHO TÔN GIẢ A-NA-LUẬT

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa quý Phật tử!

Hôm nay, tôi xin chia sẻ cùng với mọi người một câu chuyện trong kinh điển của Phật giáo. Câu chuyện này được trích từ *kinh Tăng Nhất A-hàm* trong Đại Chánh tạng, quyển 2, trang 718c17-719b19.

Câu chuyện này mọi người nghe quen tai thì có thể rõ tường tận, có điều là, hàm ý của nó đáng để cho chúng ta phải suy ngẫm nhiều.

Thuở quá khứ, có một thời, đức Phật ở tại nước Xá-vệ, trong rừng Kì-đà, vườn Cấp Cô Độc. Lúc đó, đức Thế Tôn nói pháp cho vô số chúng sanh nghe, tôn giả A-na-luật cũng ngồi tại vị trí của mình để nghe pháp, nhưng Tôn giả lại ngủ gật.

Khi đó, đức Phật nhìn thấy tôn giả A-na-luật ngủ gật, Ngài liền nói một bài kệ, đại ý là:

“Lúc nghe pháp lại buông lung nên ngủ gật, như vậy tâm niệm không thể rời loạn được không? Giáo

pháp của bậc Thánh hiền được tuyên thuyết, khiến cho người trí ưa thích. Như nước trong vực sâu, trong suốt, thanh khiết, không có tạp chất; người nghe pháp cũng vậy, phải dùng tâm thanh tịnh, hoan hỷ tín thọ Phật pháp. Cũng giống như một tảng đá lớn, gió như thế nào cũng không thể xô dịch được nó; người tu hành cũng như thế, bất luận bị phỉ báng hoặc được khen ngợi, tâm cũng không dấy lên một mảy may dao động nào”.

Lúc đó, Thế Tôn hỏi tôn giả A-na-luật:

- Ông vì sợ pháp luật của nhà vua và giặc trộm cướp nên mới tu hành phải không?

Tôn giả trả lời:

- Bạch Thế Tôn! Không phải như vậy ạ!

Phật lại hỏi:

- Vậy ông vì cái gì mà xuất gia tu hành?

A-na-luật thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con vì chán ghét già, bệnh, chết, ưu sầu, khổ não; vì bị các khổ não ràng buộc, con hy vọng có thể xả bỏ những tội lỗi, cho nên mới xuất gia tu hành.

**【48】 — Phước huệ tập 7**

Thế Tôn nói :

- Thiện nam tử! Ông vì có tín tâm kiên cố nên mới xuất gia tu hành, mà sao hôm nay Thế Tôn thuyết pháp, ông lại ngủ gật?

Lúc đó, tôn giả A-na-luật lập tức từ chỗ ngồi đứng dậy, trích y vai phải, quỳ gối, chấp tay, đối trước Thế Tôn thưa rằng:

- Từ nay về sau, dù cho thân thể này thối rữa, mục nát, ở trước đức Thế Tôn, con tuyệt đối không ngủ gật.

Thế là từ đó, suốt đêm tôn giả không ngủ. Nhưng con người thì không thể không ngủ, do vì tôn giả không chịu ngủ nghỉ, cho nên cặp mắt của ngài bị tổn thương và mù.

Lúc đó, Thế Tôn nói với A-na-luật:

- Tinh tấn quá mức thì dễ tương ưng với trạo cử cái<sup>4</sup>, còn nếu buông lung thì phiền não hôn trầm dễ dấy khởi. Cho nên, ông hãy nương vào trung đạo mà tu hành.

A-na-luật bạch với Phật:

---

<sup>4</sup> Trạo cử cái 掉舉蓋: Là một trong ngũ cái, chỉ sự phiền não bút rút, đứng ngồi không yên.



- Trước kia, đệ tử đã phát thệ ở trước đức Như Lai, nên hôm nay không thể lại làm trái lời thề ban đầu.

Vì thế, đức Thế Tôn liền nói với danh y Kì-vực:

- Ông hãy chữa trị đôi mắt cho A-na-luật!

Kì-vực thưa:

- Bạch Thế Tôn! Nếu tôn giả A-na-luật chịu ngủ trong chốc lát, chắc chắn con có thể chữa lành đôi mắt cho ngài ấy.

Đức Thế Tôn nói với A-na-luật:

- Ông hãy nằm xuống nghỉ ngơi một lát! Bởi vì tất cả các pháp đều nương vào y thực mà tồn tại (mỗi một pháp đều cần phải có chất dinh dưỡng để nuôi lớn nó). Nếu như không có y thực để sinh trưởng và hỗ trợ, thì pháp ấy không tồn tại. Giác ngủ là thức ăn của đôi mắt, âm thanh là thức ăn của tai, mùi hương là thức ăn của mũi, vị là thức ăn của lưỡi, xúc chạm trơn mịn là thức ăn của thân, pháp là thức ăn của ý, hiện tại, Ta nói niết-bàn cũng có thức ăn.

Tôn giả liền thưa:

- Bạch Thế Tôn! Thức ăn của niết-bàn là gì?

**【50】 — Phước huệ tập 7**

Đức Phật đáp:

- Thức ăn của niết-bàn là không phóng dật, hành giả nhờ không phóng dật mà đắc được Vô vi.

A-na-luật bạch đức Phật rằng :

- Bạch Thế Tôn! Tuy nói giấc ngủ là thức ăn của đôi mắt, nhưng con cũng không thể ngủ.

Về sau, tôn giả A-na-luật dùng kim vá lại chiếc y đã cũ. Lúc đó, đôi mắt của ngài dường như chẳng thể nhìn thấy được nữa, nhưng ngài đã đắc được thiên nhãn nên không có sai sót gì. Chẳng qua lúc đó, ngài lấy thường pháp của phàm phu để may y phục, nên không cách nào xỏ chỉ qua lỗ kim được. Vì thế, ngài liền nghĩ: “Các bậc A-la-hán đắc đạo trong thế gian, xin hãy đến đây xỏ kim giúp tôi!”.

Lúc đó, đức Thế Tôn dùng thiên nhĩ thanh tịnh, nghe biết tâm niệm của tôn giả A-na-luật: “Các bậc A-la-hán đắc đạo trong thế gian, xin hãy đến đây xỏ kim giúp tôi!”.

Thế là, Thế Tôn liền đi đến trước mặt tôn giả, nói với ngài rằng:

- Ông hãy đem kim chỉ ra, Ta sẽ giúp ông.

A-na-luật bạch với đức Phật:

- Con vừa khởi nghĩ như thế, là muốn cho người muốn cầu phước đức ở thế gian hãy đến xỏ kim giúp con.

Vốn dĩ ngài nghĩ: ‘Bậc A-la-hán đắc đạo đến đây giúp tôi’, ý là chỉ bậc A-la-hán bình thường, rốt cuộc là đức Phật đến, do đó, tôn giả cảm thấy rất ngại ngùng, liền đổi giọng, thưa: “Ý nghĩ vừa rồi của con kì thực là chỉ nói: Có ai muốn cầu phước đức thì đến giúp con xỏ kim”.

Đức Thế Tôn nói với A-na-luật:

- Trong thế gian này, người muốn tìm cầu phước đức không có ai hơn Ta. Ta là người yêu thích phước đức đệ nhất. Như Lai ở nơi sáu pháp vĩnh viễn không cảm thấy đầy đủ. Những gì là sáu? Đó là: 1. Bồ thí, 2. Giáo giới (tức là chỉ dẫn, răn dạy), 3. Nhẫn nhục, 4. Pháp thuyết, nghĩa thuyết (‘pháp thuyết’ tức là giải thích nghĩa trọng yếu của chánh pháp; ‘nghĩa thuyết’ tức là giải nghĩa tường tận nội dung của chánh pháp), 5. Hộ niệm chúng sanh, 6. Tìm cầu đạo Vô thượng Chánh chân. Nay A-na-luật! Đức Như Lai đối với sáu pháp trên, vĩnh viễn không cảm thấy đủ.

**【52】 — Phước huệ tập 7**

Tôn giả A-na-luật thưa :

- Thân Như Lai là pháp thân chân chánh, lại còn muốn cầu pháp gì nữa? Như Lai đã vượt qua biển lớn sinh tử luân hồi, thoát ly tham ái, tạp nhiễm, vậy mà hôm nay vẫn còn mong cầu phước đức, trở thành một người có phước đức đệ nhất (Người cầu phước đức trong nhân gian, tôn Như Lai là thượng thủ).

Thế Tôn bảo A-na-luật rằng :

- Phải rồi! A-na-luật! Giống như những gì ông nói, đức Như Lai cũng biết sáu pháp này vĩnh viễn không thể cảm thấy thỏa mãn. Nếu có chúng sinh nào biết căn nguyên của tội ác là do thân khẩu ý tạo ra, như vậy, họ tuyệt đối sẽ không bị đọa lạc vào ba đường ác. Bởi vì chúng sinh không biết căn nguyên của tội ác, cho nên, mới đọa vào đó.

Ngay sau đó, đức Thế Tôn liền nói một bài kệ, đại ý là:

“Dùng tất cả của cải trong thế gian để bố thí khắp chư thiên loài người, nhờ phước đức thù thắng đó mà có thể thành tựu Phật đạo. Do đó, A-na-luật! cần phải tìm kiếm phương tiện thiện xảo để đạt được sáu pháp này. Các tì-kheo! Các ông cũng nên học tập như vậy”.

Lúc đó, các vị tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ, vâng làm.

**Câu chuyện này có mấy điểm đáng cho chúng ta suy ngẫm:**

Dùng tâm thanh tịnh để nghe Phật pháp thì được lợi ích lớn, không nên buông lung, ngủ gật khi nghe pháp. Phật pháp tôn quý như thế, sao chúng ta có thể không chuyên tâm, không cung kính, thậm chí còn ngủ gật? Như trong quyển *Con đường thành Phật*, Đạo sư Ân Thuận có nói:

*Nhờ nghe, biết các pháp; nhờ nghe, ngăn các ác; nhờ nghe, dứt vô nghĩa; nhờ nghe, được niết-bàn.*

Nghĩa là: Nghe Phật pháp có thể đạt được bốn lợi ích, đó là: 1. Giúp cho chúng ta biết thế nào là thiện, thế nào là ác, thế nào là pháp hữu lậu, thế nào là pháp vô lậu, 2. Sau khi biết được thế nào là thiện ác, thì phải tiến thêm một bước nữa là thực hành thiện pháp, như xả bỏ những hạnh ác của thân và miệng, hơn nữa, phải xả bỏ ác niệm của nội tâm, những ác niệm đã sinh khởi thì đoạn trừ, những ác niệm chưa sinh không cho nó sinh khởi, 3. Nghe thiện pháp còn có thể khiến chúng ta lìa xa kiến thủ, giới cấm thủ, đoạn trừ những hạnh khổ vô nghĩa, 4. Nghe chánh pháp có thể đạt được giải

**【54】 — Phước huệ tập 7**

thoát niết-bàn, thành tựu Phật đạo.

Tôn giả A-na-luật đang nghe pháp mà ngủ gật, nên bị đức Thế Tôn quở trách. Tôn giả cảm thấy rất hổ thẹn nên phát thệ không ngủ, đến nỗi đôi mắt bị mù. Y phục của tôn giả bị rách, ngài muốn vá lại nhưng không có cách nào để xỏ kim, đức Thế Tôn biết được, nên tự mình xỏ kim cho đệ tử. Thế Tôn quan tâm đệ tử như thế, càng hiển lộ sự cao thượng vĩ đại của Ngài!

Nội dung câu chuyện ‘Phật xỏ kim cho vị tì-kheo mù’ cũng được nói đến trong *luận Đại trí độ*.

Có người hỏi: Phước đức và trí tuệ của Phật đều đã viên mãn, tại sao còn xỏ kim giúp đệ tử?

Trong *luận Đại trí độ*, có nêu ra một ví dụ để trả lời:

Có một nghệ nhân, lúc trẻ thường đi các nơi để biểu diễn khiêu vũ, đến khi 100 tuổi mà ông ta vẫn còn khiêu vũ. Có người hỏi ông ấy:

- Ông đã là 100 tuổi rồi, tại sao vẫn còn tiếp tục khiêu vũ như thế?

Ông trả lời:

- Hiện tại tôi không phải khiêu vũ vì nghệ thuật, đây là vì muốn chỉ dạy cho con cháu mà thôi !

Đức Phật cũng như vậy, tuy phước đức đã viên mãn, nhưng vì giáo hóa đệ tử, nên Ngài vẫn không ngừng tích lũy phước đức và dạy chúng đệ tử rằng: “Tuy Ta đã thành Phật rồi nhưng còn phải tu phước đức. Còn các ông, phước đức và trí tuệ đã viên mãn rồi phải không? Nếu chưa viên mãn thì tại sao không tu hành?”.

Trong *kinh Tăng nhất a-hàm* có nói, đức Như Lai thực hành sáu pháp vĩnh viễn không cảm thấy viên mãn, để cho dễ nhớ, tôi phân thành ba nhóm, vì thuận theo thứ tự nên có điều chỉnh một chút:

Nhóm thứ nhất là ‘bồ thí’ và ‘nhẫn nhục’.

Nhóm thứ hai là ‘giáo giới đệ tử’ và ‘giải thuyết chánh pháp’, tức là dạy dỗ đệ tử không bao giờ thấy chán, giảng nói chánh pháp mà không cảm thấy mệt.

Nhóm thứ ba là ‘lấy từ bi hộ niệm chúng sinh’ và lấy ‘trí tuệ cầu đạo Vô thượng Chánh chân’. Chúng ta học Phật cũng nên giống như vậy, tu học thiện pháp thì vĩnh viễn không cảm thấy chán nản và mệt mỏi.

Ngoài ra, đứng trên phương diện đệ tử để nhìn

**【56】 — Phước huệ tập 7**

nhận, tôn giả A-na-luật nghe Phật nói pháp, kết quả chứng được Thánh quả, còn đạt thiên nhãn thông và được tán thán là ‘Thiên nhãn đệ nhất’, hơn nữa, còn là một trong mười vị đại đệ tử của Phật.

Từ câu chuyện của tôn giả A-na-luật có thể biết, cho dù trước đây có buông lung, lười biếng, thậm chí bị sư trưởng trách mắng cũng không có ảnh hưởng gì! Chỉ cần tinh tấn tu hành, vĩnh viễn không buông lung nữa thì vẫn có thể đạt được cứu cánh giải thoát.

Từ câu chuyện trên, mong mọi người chúng ta cùng cố gắng!

*Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,  
ngày 26.12.2015*



## 5. ĐỨC PHẬT ĐỘ ÁC TẶC ƯƠNG-QUẬT-MA-LA

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa quý Phật tử!

Hôm nay, tôi xin chia sẻ cùng quý vị một câu chuyện Phật giáo. Câu chuyện này được trích từ *kinh Xuất diệu*, trong Đại Chánh tạng, quyển 4, trang 703a23-704c13.

Trong kinh từng dạy, nếu có ai trước kia đã từng làm sai, sau đó biết dừng lại, không tiếp tục sai phạm, chẳng khác nào như khi ánh trăng chiếu xuống thế gian, một khi ánh sáng xuất hiện thì đám mây u ám liền tiêu tan.

Lúc đức Phật còn tại thế, có một khoảng thời gian, Ngài trú ngụ tại vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc, thuộc nước Xá-vệ. Lúc ấy, tại một vùng cách Xá-vệ không xa, có một người con trai của Bà-la-môn, tên là Vô Hại (có nơi dịch là Ương-quật-ma hoặc Ương-quật-ma-la, có nơi lại dịch là Chỉ Man). Anh ta thường nghiên cứu kinh điển Bà-la-môn cùng với thầy giáo và bạn bè, lại được gần gũi hầu hạ người thầy tuổi cao đức trọng. Vị thầy này đã ngoài tám mươi tuổi, nhưng lại có một cô vợ rất trẻ, cô này có dung mạo rất xinh đẹp, hội đủ lễ

tiết và uy nghi của nữ nhi. Còn tướng mạo của anh chàng Bà-la-môn Vô Hại cũng là bậc đại trượng phu, đoan chánh không ai sánh bằng, đúng là độc nhất vô nhị.

Một hôm, vợ của người thầy vì dục vọng bộc phát quá mãnh liệt, không làm chủ được mình nên cô ôm chặt cánh tay của Vô Hại và nói:

- Tôi rất ngưỡng mộ và yêu mến đức tính tốt của anh. Tôi muốn tiến thêm một bước nữa, kết mối quan hệ tình cảm đặc biệt với anh, anh thấy thế nào?

Vô Hại vừa nghe xong, lập tức đưa tay bịt kín hai tai, và nói:

- Tôi thà chết chứ tuyệt đối không làm theo lời cô.

Cô vợ của người thầy nói rằng:

- Trong lúc người ta đang bị đói khát thì cho họ thức ăn nước uống, như thế chẳng lẽ không phải là đang thổ lộ tình cảm hay sao? Bây giờ, ngọn lửa dâm dục hừng hực đang bốc cháy trong tôi, cho nên, tôi mới cần dòng nước dâm dục của anh để dập tắt, tại sao anh không đáp lại sự khao khát của tôi? Nếu vì anh mà hại đến mạng sống của tôi, như thế thì anh học những kinh điển này có ý nghĩa gì?

Vô Hại đáp:

- Nếu tôi làm theo nguyện vọng của cô, tức là vi phạm pháp của Bà-la-môn. Sau khi chết phải đọa vào địa ngục, như thế chẳng phải quá oan uổng sao?

Nói xong, Vô Hại gỡ tay của cô ta ra, rồi đi ra ngoài. Vì không được chàng đáp ứng, nên cô ta liền vò đầu bứt tóc cho rối bời lên, bốc đất chà lên cho mặt mày lấm lem, cố ý xé y áo rách tả toai, xong ngồi bệt xuống đất, ôm mặt gào thét, khóc lóc sụt sùi.

Ngay lúc đó, trưởng lão Phạm chí trở về, nhìn thấy cảnh tượng như thế, ông vô cùng hốt hoảng, vội vã đến dìu nàng lên và hỏi:

- Ai đã đánh nàng ra nông nỗi này?

Người vợ đáp:

- Chính là người đệ tử thân tín của ông đó!

Sau khi nghe xong, ông liền nghĩ: “Bây giờ không phải lúc thích hợp để làm rõ việc này. Nếu hấn ta biết được, chắc chắn sẽ hại mình. Ta phải tính kế một chút, để hấn rơi vào bẫy, đợi đến khi bắt được, ta sẽ giết chết hấn.

**【60】 — Phước huệ tập 7**

Sau đó, trưởng lão Phạm chí liền gọi Vô Hại đến, nói:

- Tất cả những chú thuật con học từ trước đến nay đã thông thạo rồi, không có thiếu sót gì. Nay nên chọn ngày lành tháng tốt để cúng tế thần, như vậy thì chú thuật của con mới được thành tựu viên mãn. Bây giờ, tay trái con hãy cầm lá chắn, tay phải cầm kiếm, đến các con đường hiểm, gặp người thì chém ngay. Con phải giết đủ một nghìn người, mỗi người chỉ chặt lấy một ngón tay của họ, xâu thành vòng tròn. Lúc ấy, chú thuật của con sẽ thành tựu viên mãn.

Lúc này, ác quỷ sai quỷ ăn tinh khí người, đi theo để xúi sử Vô Hại, dung túng cho anh ta tạo ác, khiến anh ta chặn đón những người đi đường, sát hại để chặt ngón tay, làm cho dân làng không còn ai dám đi lại trên đường nữa. Vô Hại chuyên hướng về phía bìa rừng, không kể là thôn xóm hay nơi hoang vắng, người dân khắp nơi đều phải chịu họa chung, thế nhưng đếm lại số ngón tay đã chặt được, thì Vô Hại thấy vẫn còn thiếu một ngón tay, chưa đủ số một nghìn.

Người mẹ của Vô Hại luôn nhớ đến con trai: “Con trai của tôi đã đợi lâu nơi hoang vắng, chắc phải chịu đựng giá lạnh, bị sự đói khát hành hạ, thật là tội nghiệp quá!”. Nghĩ thế, bà liền khăn gói mang lương thực vào

rùng tìm con.

Từ xa, Vô Hại nhìn thấy mẹ, hấn liền nghĩ: “Ta nghe lời của thầy căn dặn phải hoàn thành râu chuối ngón tay, nhưng bây giờ còn thiếu một ngón nên số lượng vẫn chưa đủ. Nay đúng lúc đích thân mẹ mang thức ăn đến, nếu ta ăn cơm xong mới chặt ngón tay của mẹ, thì chú thuật không thể thành tựu, nhưng nếu giết chết mẹ mình, thì sẽ phạm tội ngũ nghịch”.

Vô Hại nhờ gieo trồng duyên lành trong quá khứ, nên được đức Phật đến hóa độ. Trí tuệ của đức Thế Tôn có đủ Túc mạng minh, Thiên nhãn minh và Lậu tận minh, Ngài quán sát biết được anh ta quyết định giết mẹ, như thế sẽ bị phạm vào tội ngũ nghịch. Đức Phật liền suy nghĩ: “Nếu Vô Hại quyết giết mẹ, thì dù có vài ức đức Phật xuất hiện cũng không thể cứu được. Bây giờ, Ta phải đến cứu anh ta thoát khỏi biển khổ, giúp cho hai mẹ con họ đều được an toàn, không bị tổn hại, như thế chẳng phải là rất tốt sao?”.

Thế là đức Phật liền hóa thành vị từ-kheo, hai tay ôm bình bát, rồi đi từng bước trên con đường Vô Hại thường đi, sau đó rẽ vào viên lâm. Những người trên đường, hay những người chăn trâu thấy vậy liền ngăn:

- Sa-môn! Mau dừng lại! Đừng có đi vào con

**【62】 — Phước huệ tập 7**

đường nguy hiểm đó. Phía trước có kẻ rất tàn nhẫn tên là Chỉ Man, mấy hôm nay hắn đã giết không biết bao nhiêu người. Chúng tôi rất dè chừng, cũng vô cùng sợ hãi, không một ai dám bước đến con đường này nữa. Sa-môn đi một mình, lại ốm yếu như thế, nếu không may bị ác tặc hại, như thế chẳng phải sẽ rất thảm hại sao?

Hóa thân từ-kheo đáp:

- Xin đừng quá lo lắng! Tôi có đủ chú thuật để điều phục ác tặc đó, khiến anh ta không thể nào hại tôi được.

Nói xong, Ngài tiếp tục nhắm hướng viên lâm mà đi.

Từ xa, Chỉ Man nhìn thấy có vị từ-kheo đang đi đến, anh ta vô cùng mừng rỡ, không nén nổi niềm vui trong lòng: “Ước mơ của ta cuối cùng sắp thành hiện thực rồi! Xâu chuỗi ngón tay này chắc chắn sẽ hoàn thành mà ta không cần phải giết mẹ. Chú thuật sẽ được thành tựu viên mãn. Trước hết, mình tạm thời không giết mẹ, cũng không vội ăn, đợi giết vị từ-kheo đó xong rồi hãy ăn cơm”.

Lúc đó, anh ta một tay cầm kiếm, tay kia cầm lá

chấn, chạy đến chỗ vị tì-kheo.

Lâu nay, Vô Hại vốn là người dũng mãnh và cường tráng, tốc độ chạy của anh ta như ngựa Bôn (một giống ngựa hiếm, chạy nhanh như bay), do vậy, anh ta chạy thật nhanh, đuổi theo đức Phật. Lúc đó, đức Phật dùng thần thông, khiến anh ta đột nhiên không bước được, còn bước chân của đức Phật thì cứ sải đều, chính vì thế, Vô Hại mệt lả người nhưng vẫn không đuổi kịp đức Phật.

Chỉ Man hét lớn:

- Dừng lại! Dừng lại! Sa-môn! Tôi có chuyện muốn hỏi.

Tì-kheo đáp:

- Ta đã dừng lại từ lâu rồi, chính anh mới chưa dừng lại!

Lúc ấy, Chỉ Man dùng một bài kệ nói với thầy tì-kheo, đại ý như sau:

“Thầy cứ đi mãi mà nói mình đã dừng lại, còn tôi đã dừng bước, mà lại nói tôi còn đi. Xin hãy nói rõ nghĩa của ‘dừng’ và ‘đi’. Tại sao Thầy dừng lại, còn tôi không dừng lại được?”.

Lúc đó, đức Phật cũng dùng kệ để đáp:

“Này Chỉ Man! Ta đã dừng lại, vì Ta không còn mang khổ đau đến cho nhân loại; còn anh là người rất tàn nhẫn, tại sao không sửa đổi tội lỗi đã gây nên?”.

Đức Phật nói: ‘Ta sớm đã dừng lại’, không có nghĩa là dừng hành động bước đi của đôi chân, ở đây, ý của đức Phật là Ngài đã chấm dứt việc làm tổn hại tất cả chúng sanh. Câu ‘tự mình chưa dừng lại’ là nói: “Chỉ Man! Tại sao vẫn anh chưa dừng hành động tạo ác lại?”. Nói rộng ra như bài kệ trong kệ kinh.

Lúc ấy, ác tặc Chỉ Man lập tức quăng cây kiếm và lá chắn trong tay, ngay cả chiếc vòng ngón tay đang đội trên đầu cũng xuống vút dưới núi sâu, nước thẳm. Anh chấp hai tay lại, đối trước đức Phật thành tâm sám hối, lại dùng kệ tán thán đức Phật:

“Con xin nương tựa bậc Thánh vĩ đại, mong được đánh lễ bậc Sa-môn tôn kính, giờ này, xin cho con được sám hối những lỗi lầm mà con đã tạo từ trước đến nay”.

Lúc ấy, đức Thế Tôn hiện thân tướng trang nghiêm trở lại, uy nghiêm tột bậc, Ngài nắm lấy tay của Chỉ Man rồi trở về tịnh xá Kỳ Hoàn. Đến nơi, Ngài dạy



chúng đệ tử:

- Các thầy hãy chỉ dạy cho Chỉ Man, để anh ta trở thành tì-kheo!

Chỉ Man nương vào sự giáo hóa của đức Phật và chư tăng, được trở thành một vị sa-môn Thích tử.

Sáng sớm, thầy đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Lúc ấy, trong thành có một con voi mẹ mang thai, đã đến lúc sinh nở, nhưng voi con mãi không ra được (trong *kinh Xuất diêu* thì nói có một con voi mẹ khó sanh, lại có kinh nói là bà mẹ khó sinh con, chúng ta đang dựa theo *kinh Xuất diêu*, là voi mẹ khó sanh con).

Từ xa, người chủ của voi nhìn thấy có thầy tì-kheo đang đi đến, vội vàng đứng lên chặn đường, ông ta nói:

- Nếu thầy giúp cho voi mẹ sinh được suông sẻ thì mới được vào trong thành khát thực; bằng không, thì tôi không cho thầy vào thành.

Thầy tì-kheo đáp:

- Tôi chưa từng đọc tụng qua các bài chú nguyện này. Ông đợi tôi trở về thưa hỏi đức Thế Tôn, xong rồi tôi sẽ trở lại chú nguyện cho chúng được mẹ tròn con vuông.

**【66】 — Phước huệ tập 7**

Trở về tịnh xá, thầy Chỉ Man đến đánh lễ đức Thế Tôn và thưa:

- Bạch Thế Tôn! Sáng nay, con đi vào thành khát thực, vừa đến cửa thành thì gặp một con voi mẹ sắp sinh con. Chủ của voi muốn con chú nguyện cho nó, nói là nếu con giúp cho voi mẹ sinh nở được thuận duyên, thì con mới được đi vào thành khát thực. Xin Thế Tôn từ bi dạy cho con bài thần chú, giúp cho voi mẹ sinh nở được suông sẻ, và cũng giúp cho con được vào thành đi khát thực.

Đức Phật bảo thầy Chỉ Man:

- Thầy đi đến nơi đó và nói như vậy: “Giờ đây, lấy tâm chí thành chú nguyện, tôi từ lúc chào đời cho đến nay, chưa một lần sát hại chúng sanh”. Do lời chân thành chú nguyện của thầy như thế, voi con chắc chắn sẽ suông sẻ ra đời.

Lúc ấy, thầy Ương-quật-ma học được chú thuật nơi đức Phật xong, liền đi đến chú nguyện cho voi mẹ. Cuối cùng, nó đã sinh con một cách dễ dàng.

Khi ấy, người dân đều nhón nháo lên:

- Lành thay! Thế gian quả nhiên có chuyện kỳ lạ thế này. Tên Chỉ Man từ trước đến nay giết hại không

biết bao nhiêu sanh mạng, bây giờ lại chú nguyện rằng: “Tôi từ khi sanh ra cho đến nay chưa từng giết hại một chúng sanh”. Chí thành chú nguyện như thế, mà giúp cho voi mẹ sinh con nhẹ nhàng.

Nhờ thế, thầy Chỉ Man mới được vào thành để khát thực. Trong số những người dân đi đường nhìn thấy thầy đi đến, có những người là cha mẹ, hoặc anh em của những người không may trước đây bị Chỉ Man giết hại, đều đến báo thù. Có người cầm dao gậy, ngói đá ra sức ném vào thầy, khiến cho đầu thầy bị chảy máu, thân thể bầm dập, y áo rách nát, đến cả bình bát cũng bị vỡ vụn. Cuối cùng, thầy chỉ còn cách chạy nhanh ra khỏi thành, không thể đi khát thực được nữa.

Thầy Chỉ Man trở về nơi đức Thế Tôn đang cư trú, đánh lễ đức Phật xong, thưa với đức Thế Tôn những gì vừa xảy ra. Đức Thế Tôn biết được tâm niệm của thầy, liền nghĩ: “Thọ mạng của thầy Chỉ Man này sắp kết thúc rồi!”.

Khi đó, đức Thế Tôn giảng pháp cho Chỉ Man nghe, nhờ thế mà thầy chứng được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, đầy đủ sáu món thần thông, thanh tịnh sáng suốt.

Lúc ấy, vua Ba-tu-nặc đã triệu tập bốn loại binh

**【68】 — Phước huệ tập 7**

chúng: Mã binh, tượng binh, xa binh và bộ binh muốn tiến về phía viên lâm để vây bắt Ương-quật-ma. Vừa ra khỏi thành Xá-vệ, đi được nửa đường thì có người báo tin, tên đại tặc Ương-quật-ma đã tiếp nhận sự giáo hóa của Như Lai, trở thành từ-kheo rồi. Nghe vậy, nhà vua bèn rút quân, chuyển hướng về tịnh xá Kỳ Hoàn, bái kiến đức Như Lai.

Lúc ấy, đức Phật biết vua Ba-tư-nặc sắp đến, liền dùng thần thông ẩn kín thân hình của thầy Ương-quật-ma, khiến cho không ai thấy được.

Vua Ba-tư-nặc đến trước đức Phật, sau khi đánh lễ xong, nhà vua ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã biết sự việc, nhưng vẫn hỏi nhà vua rằng:

- Đại vương chuẩn bị binh khí, triệu tập bốn loại binh chủng, để làm gì?

Nhà vua thưa với đức Phật:

- Trong nước có giặc, tên là Ương-quật-ma, hấn trốn trong núi rừng, tìm cách giết hại người dân, bạo ngược không thể nói. Vì thế, con phải triệu tập binh chủng muốn đến trừng trị hấn, nhưng đi được nửa đường thì nghe rằng: “Ương-quật-ma đã tiếp nhận sự giáo hóa của đức Phật, trở thành một thành viên của

Tăng đoàn”. Bạch Thế Tôn! Không biết bây giờ thầy ấy đang ở đâu?

Đức Phật biết được tâm tư của vua, liền thâm nhiếp thần thông, khiến cho nhà vua nhìn thấy thầy Ương-quật-ma. Nhà vua vừa nhìn thấy thầy, thì kinh hãi đến nỗi bị ngất, ngã ra trên đất. Các đại thần vội vã dìu vua dậy, lấy nước rải lên mặt cho nhà vua tỉnh lại.

Đức Phật nói với vua rằng:

- Chỉ nhìn thấy sự khiếp sợ nhỏ nhặt, là may mắn cho nhà vua đó! Hiện giờ thầy ấy đã chứng quả A-la-hán. Nếu trước đây trong viên lâm, ngài nhìn thấy hình tướng của thầy ấy, trên đầu đội chiếc vòng được khâu bằng ngón tay người, trên thân ướt đẫm máu, tay cầm kiếm bén, khuôn mặt hung dữ, lộ rõ nét tàn ác, chỉ cần nhìn thấy, tim gan ngài sẽ tan nát mà chết mất.

Nhà vua bạch đức Phật rằng:

- Hôm nay, đức Như Lai đã điều phục người chưa từng được điều phục, độ người khó hóa độ. Thế Tôn! Kẻ giết người không gớm tay, tại sao có thể chứng được quả A-la-hán?

Đức Phật dạy:

**【70】— Phước huệ tập 7**

- Không nên ưu sầu khổ não! Chúng sanh tạo nghiệp báo có trước, có sau; có nghiệp báo đã chín mùi, có nghiệp báo chưa đến lúc thọ báo; có nghiệp báo vừa mới tạo, lại có loại đã kết thúc.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn quán sát nhân duyên quá khứ, liền vì đại chúng nói một bài kệ. Đại ý như sau:

“Trước đây tạo ác, nhờ thiện diệt nó, như mặt trăng chiếu soi thế gian, một khi vừa xuất hiện, mây mù liền tiêu tan”.

Nghĩa là người trước đây tạo ác, bây giờ cần phải làm thiện để diệt ác; ánh sáng chiếu xuống thế gian, chẳng khác nào ánh trăng vừa soi sáng, xóa tan đám mây đen.

‘Trước đây tạo ác, nhờ thiện diệt nó’, cũng giống như thầy Chi Man, từng sát hại vô số người; ‘nhờ thiện diệt nó’ có ý nghĩa như thế nào? Tức sau đó dùng Bát chánh đạo của bậc Thánh hiền để diệt ác. Vô số tội lỗi đều được rửa sạch, đến cả gốc tạo tội cũng được bứng lên, hoàn toàn thanh tịnh, chứng đắc Vô sanh pháp (không còn tái sanh trong tam giới nữa). Vì thế nói: ‘Trước đây tạo ác, nhờ thiện diệt nó’.

‘Như mặt trăng chiếu soi thế gian, một khi vừa xuất

hiện, mây mù liền tiêu tan’, ý nghĩa của thế gian có ba: Một là chúng sanh thế gian; hai là quốc độ thế gian; ba là ngũ ấm thế gian. Chẳng khác nào ánh trăng của mùa thu, được các vì sao bao quanh, mặt trăng nằm giữa các vì sao, vô cùng sáng rõ. Ánh sáng của nó có thể soi rọi xa muôn vạn dặm. Cũng vậy, những nghiệp ác mà thầy từ-kheo đã tạo trong quá khứ, đã được dứt sạch, tu hành tịnh hạnh, có thể độ khắp chúng sanh. Do đó nói: Như mặt trăng chiếu soi thế gian, một khi vừa xuất hiện, mây mù liền tiêu tan.

‘Trước đây tạo ác, tu thiện để diệt nó; ái nhiễm ở thế gian, nên nhớ đều là Không’, ý muốn nói là người trước kia làm ác, bây giờ cần phải tu thiện để tiêu trừ nghiệp ác; người thế gian vì tham ái mới bị nhiễm trước, nên nhớ đến đạo lý của tánh Không.

‘Trước đây tạo ác, tu thiện để diệt nó’, chúng sanh do tham ái nhiễm trước nên tạo nghiệp bất thiện. Như vợ của trưởng lão Phạm chí, khởi ý niệm hại anh chàng Vô Hại cũng vì tâm tham ái. Do đó nói: “Trước kia đã tạo ác, giờ đây cần phải tu thiện để tiêu diệt ác”.

‘Ái nhiễm ở thế gian, nên nhớ đều là Không’, vì tâm niệm tham ái sâu nặng, kiên cố, nên khiến chúng sanh lưu chuyển không ngừng trong tam giới, thọ sanh trong bốn loài: Thai sanh, noãn sanh, thấp sanh hoặc

hóa sanh; lưu chuyên trong năm ác đạo, đều do không buông bỏ được tham ái, nhiễm trước. Người tu tập cần phải hiểu rõ sự vô thường của thế gian, chỉ là giả tạm không thật có, biết được tất cả là rỗng lặng, không phải nơi nương tựa vững chắc, cho nên nói: “Vì tham ái nhiễm trước nên phải luân hồi trong thế gian. Người tu tập cần phải nghĩ nhớ đạo lý tánh Không, biết thế gian đều là sanh diệt vô thường, không phải nơi có thể nương tựa”.

**Trong câu chuyện này, có nhiều điểm mà chúng ta cần chiêm nghiệm kỹ càng:**

Nguyên nhân chủ yếu khiến chúng sanh tạo ác, phần nhiều là do ba độc tham, sân, si dẫn dắt. Ví như vợ của trưởng lão Phạm chí vì sanh tâm ái nhiễm, nhưng không đạt được mục đích, liền muốn hãm hại Chỉ Man. Người thầy của Chỉ Man vừa mới nghe lời oán trách của vợ, liền ùng ùng nổi giận, chưa tìm hiểu sự thật đúng sai, đã vội tìm cách hãm hại học trò mình. Còn Chỉ Man chỉ biết ngoan ngoãn nghe theo lời thầy mà không phân biệt được thiện ác, giết hại không biết bao nhiêu người vô tội, đến nỗi suýt nữa là phạm vào nghịch tội. Vì vậy, chúng ta cần phải đoạn trừ phiền não tham, sân, si, thì mới không còn tạo nghiệp ác, không phải chịu khổ trong luân hồi. Nếu muốn hết



khô, nên như lý mà tư duy đạo lý của tánh Không.

Sau khi giết hết chín trăm chín mươi chín người, Chỉ Man vốn muốn đuổi theo để giết đức Phật, nhưng không cách gì đuổi theo kịp, liền thét lớn: “Dừng lại! Dừng bước lại!”. Đức Phật đáp: “Ta đã dừng lại từ lâu rồi, chính anh mới chưa dừng lại”. Câu nói này mang ý nghĩa rất sâu sắc.

‘*Ta đã dừng lại rồi*’: Ý muốn nói tôi đã chấm dứt hành động bất thiện, đã kết thúc sự luân hồi sanh tử trong tam giới.

‘*Chính anh mới chưa dừng lại*’: Ý nói tại sao anh không dừng hành động tàn ác lại, cứ phải bị đọa lạc trong tam giới, chịu luân hồi không dứt.

Chỉ Man vừa nghe xong, lập tức hướng về đức Phật cầu xin sám hối, xin được xuất gia. Sau khi thọ lãnh giáo pháp của đức Thế Tôn, thầy Chỉ Man chứng được quả A-la-hán. Vua Ba-tư-nặc sanh tâm hoài nghi, nên thưa hỏi đức Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thầy Chỉ Man giết chết vô số người như thế, nghiệp chướng sâu dày, tại sao có thể chứng quả A-la-hán?

Đức Phật đáp:

**【74】 — Phước huệ tập 7**

- Nghiệp báo mà chúng sanh đã tạo có trước, có sau, có quả báo đã đến lúc chín muồi, có loại chưa đến lúc, có quả báo chỉ vừa mới bắt đầu, có quả báo đã trả xong.

*Kinh Diêm dụ* trong Trung a-hàm cũng có nói:

*Dù phạm nghiệp ác sâu dày, nhưng chỉ cần có đủ thời gian, hạ quyết tâm khẩn trương tu tập, tu thân, tu giới, tu định và tu huệ thì quả báo đã tạo tuy nặng, nhưng quả báo phải nhận có thể nhẹ. Giống như lượng muối lớn nếu đổ vào sông thì nước sông vẫn không có vị mặn. Ngược lại, tuy tạo tội nhỏ, nhưng không biết tu thân, tu giới, tu định, tu tập trí huệ thì vẫn phải chịu quả báo như thường, cũng như lượng muối tuy ít nhưng thả vào trong một ly nước nhỏ thì vị mặn chát.*

Chính vì thế, nếu biết đã tạo phải nghiệp ác, cần phải biết ăn năn, chí thành sám hối, tận dụng thời gian tinh tấn tu tập.

Ngoài ra, *luận Đại trí độ* cũng có nói:

*Như có người lợi căn, phiền não lại nhẹ, nếu tu tập thì dễ dàng đắc quả, như ngài Xá-lợi-phất hay Mục-kiền-liên. Thế nhưng, cũng có người tuy lợi căn nhưng lại bị phiền não ngăn che, dù có tu tập cũng*

*không dễ dàng chứng quả, nhưng nếu nhân duyên đầy đủ, họ cũng được chứng quả, cũng như anh chàng Chỉ Man.*

Trong luận Đại trí độ còn nói:

*Có người tu tập vì muốn được giải thoát, nhưng cuối cùng lại bị đọa vào ác đạo; lại có người tạo nghiệp ác, kết quả lại được giải thoát. Tại sao có người muốn được giải thoát, lại bị đọa vào ác đạo? Như có thầy tà-kheo tu tập chứng được tứ thiên, sau đó khởi tâm tăng thượng mạn, tự cho rằng mình đã chứng đắc Tứ quả, không còn phải tái sanh. Đâu biết lúc lâm chung, tướng nghiệp hiện tiền, vị này sanh tâm đại tà kiến, nói: “Đức Phật nói dối!”. Do sanh tâm đại tà kiến như thế, khiến thầy bị đọa vào địa ngục, cho nên cần phải ghi nhớ, chánh tri, chánh kiến là vô cùng quan trọng.*

*Có người vốn sắp tạo ác, vậy mà nhân duyên chín muồi, giúp họ được giải thoát. Giống như Chỉ Man, ban đầu định giết mẹ mình, hại đức Phật, rồi cuộc, gặp được nhân duyên bất khả tư nghì, được đức Phật giáo hóa nên anh ta được giải thoát.*

Liên quan đến nhân duyên của Chỉ Man trong quá khứ, có viết lại rất chi tiết trong kinh Hiền ngu và kinh

**【76】 — Phước huệ tập 7**

*Tăng nhất a-hàm.* Đại chúng có thể tự tìm đọc.

Qua câu chuyện trên, mong mọi người cùng nhau cố gắng.

*Lớp giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,  
ngày 14.11.2015*

## 6. NHÂN DUYÊN KHIẾN CHO CON GÁI CỦA VUA BA-TU-NẶC TRỞ NÊN XẤU XÍ

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa quý Phật tử!

Hôm nay, tôi chia sẻ cùng quý vị một câu chuyện Phật giáo. Câu chuyện này được trích từ *kinh Hiền ngu*, trong Đại Chánh tạng, quyển 4, trang 357b10-358b19.

Thời quá khứ, lúc đức Phật ngụ tại thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc, phu nhân của vua Ba-tu-nặc tên là Ma-lợi (có kinh dịch là Mạc-lợi), hạ sanh được một công chúa, đặt tên là Ba-xà-la, nghĩa là Kim Cương. Cô công chúa này có tướng mạo vô cùng xấu xí, da thì thô và dày như da lừa, tóc thì khô và cứng cứ dựng đứng lên như cái đuôi ngựa. Mỗi lần nhìn thấy công chúa là nhà vua không vui, nên vua ra lệnh cho các cung nữ:

- Các người phải canh chừng cẩn thận, không được để người khác nhìn thấy công chúa Ba-xà-la.

Vì sao vậy? Vì cô công chúa xấu xí này không giống ai, nhưng lại do Mạc-lợi phu nhân sanh ra, cho nên, dù xấu đến mấy, nhà vua cũng phải bí mật sai người chăm sóc, nuôi dưỡng công chúa.

**【78】 — Phước huệ tập 7**

Công chúa dần dần trưởng thành, đến tuổi cập kê, phải tính chuyện gả chồng cho nàng. Lúc đó, vua Ba-tư-nặc lo lắng, suy nghĩ mãi nhưng vẫn không tìm ra biện pháp, đành ra lệnh cho các đại thần:

- Các khanh đi tìm thử xem, chàng trai nào vốn thuộc gia đình phú quý, chủng tánh cư sĩ, nhưng nay đang rơi vào cảnh nghèo cùng thiếu thốn. Tìm được người như vậy thì dẫn về đây.

Các đại thần tuân theo lệnh của nhà vua, đi khắp nơi tìm kiếm. Cuối cùng, tìm được một chàng trai xuất thân phú quý, nhưng hiện tại đang bị phá sản. Đại thần dẫn anh ta vào cung để diện kiến nhà vua.

Ba-tư-nặc vừa nhìn thấy, liền dẫn chàng ta đi vào nơi kín đáo, rồi kể lại đầu đuôi sự việc:

- Trẫm có một cô công chúa nhưng dung mạo quá khó xem. Nay trẫm muốn tìm người để gả công chúa, nhưng tìm kiếm mãi vẫn không tìm ra đối tượng phù hợp. Trẫm được biết, khanh xuất thân phú quý nhưng bây giờ đang bị túng thiếu. Trẫm sẽ cung cấp mọi vật dụng, cho đến tiền tài, vàng bạc cho khanh. Hy vọng khanh không từ chối, mà hãy đón nhận công chúa con của trẫm!

Lúc ấy, chàng trai quỳ sụp xuống và tâu:

- Thần nhất định phụng mệnh của đại vương. Dù đại vương cho thần một con chó, thần cũng nhất định tiếp nhận, huống gì là con gái ruột của Ngài? Thần cảm tạ đại vương ban ân. Thần xin tiếp nhận mệnh lệnh của đại vương.

Vua Ba-tu-nặc liền gả công chúa cho chàng trai nghèo này, còn xây cả cung điện riêng cho họ, nhưng phòng xá thì xây đến bảy lớp cửa.

Nhà vua căn dặn con rể:

- Chìa khóa cửa con phải tự giữ lấy, nếu có việc ra ngoài, phải khóa cửa cẩn thận. Con gái của ta quá xấu xí, trên thế gian này chắc không tìm ra được người thứ hai xấu như thế, cho nên con không được để người ngoài nhìn thấy mặt của nó; lúc thường cũng phải khóa cửa thật cẩn thận, phải nhốt nó ở mãi trong cung điện.

Nhà vua cung cấp đầy đủ tiền tài và vật dụng sinh hoạt hằng ngày, khiến cho cuộc sống của gia đình con gái không bị thiếu thốn bất cứ thứ gì.

Sau đó, vua Ba-tu-nặc sắc phong con rể làm đại thần. Cũng kể từ đó, anh ta có vô số tài bảo, nên thường cùng các tầng lớp hào quý tổ chức các buổi tiệc

tùng. Ngày qua ngày, những buổi yến tiệc được mở liên tục, không ngừng nghỉ. Lúc dự tiệc, ai cũng vợ vợ chồng chồng cùng đến dự yến tiệc, nam nữ tụ họp một nơi, nói chuyện cười đùa vui vẻ. Ai cũng có vợ lẽ đẽo theo bên cạnh, riêng một mình vị đại thần này từ trước đến nay, chỉ đơn độc một mình đi dự tiệc.

Mọi người đều lấy làm lạ:

- Vợ của người này chẳng lẽ đẹp đến nỗi không ai sánh kịp, là mỹ nhân tuyệt trần hay sao? Hay là cô nàng xấu xí nhất trần gian, cho nên anh ta mới không dám mang nàng theo. Chúng ta phải tìm cách dò xét xem thử dung nhan nàng ấy như thế nào.

Mọi người đều đồng ý, bí mật bàn tán, dự cho vị đại thần này uống thật nhiều rượu, khiến cho anh ta uống say như như xác chết, sau đó lấy chìa khóa, sai năm người đến mở cửa nhà của đại thần.

Lúc ấy, cô công chúa xấu xí trong lòng rất buồn tủi, tự trách mình: “Tôi đã tạo tội gì mà bị chồng chán ghét, thường bị giam mãi trong chỗ tối tăm, cả đời không bao giờ được nhìn thấy mặt trời, mặt trăng và đến cả con người?”. Nàng lại nghĩ: “Đức Phật hiện còn tại thế, giáo pháp của Ngài mang lợi ích cho chúng sanh, người gặp phải khổ đau, đều nhờ vào sự dẫn dắt của



đức Phật mà vượt qua khổ não”. Nghĩ như thế xong, nàng từ nơi xa, hướng về đức Thế Tôn thành tâm kính lễ: “Nguyện cầu đức Thế Tôn từ bi thương xót, xin Ngài đến giảng dạy giáo pháp, khai thị cho con”. Vị công chúa này một lòng cung kính, vô cùng chân thành cầu khẩn.

Đức Phật biết được lòng thành kính của công chúa, Ngài liền xuất hiện ngay trước mặt nàng. Lúc đó, đức Phật hiện tóc của Ngài biến thành màu đen huyền cho công chúa xem. Lúc công chúa ngược đầu lên, nhìn thấy màu tóc của đức Phật, niềm vui của nàng càng tăng bội phần, do tâm hoan hỷ nên càng cung kính, thành khẩn hơn, ngay khi ấy, mái tóc của công chúa tự nhiên cũng biến đổi vừa óng mượt vừa mềm mại, tóc có màu đen pha chút màu hồng tím.

Kế đến, đức Phật hiện tướng trên gương mặt, công chúa vừa nhìn thấy nét mặt từ bi của đức Phật, trong lòng nàng tràn ngập vui sướng, nhờ đó mà nét mặt của nàng cũng thay đổi thành đoan chánh, tướng mạo xấu xí và làn da thô cứng tự nhiên biến mất.

Đức Phật thị hiện tiếp phần thân tướng, từ hông trở lên, màu vàng chiếu sáng rực rỡ, để cho cô được chiêm ngưỡng. Công chúa vừa nhìn thấy thân tướng của đức Phật, niềm vui sướng tràn ngập cả tâm hồn, nhờ tâm

hoan hỷ mà các tướng xấu của nàng lập tức biến mất, thân thể đoan chánh trang nghiêm, đẹp không khác các tiên nữ trên trời, người ở trần gian không ai có thể sánh bằng. Đức Phật vì thương xót cô gái, liền hiện toàn thân, cô gái quan sát một cách tỉ mỉ, nhìn đến nỗi không nháy mắt, không kiềm chế được sự vui mừng, cô gái bèn hoa chân múa tay vui sướng. Nét đẹp toàn thân của cô bây giờ không ai bằng được, người thường không thể có, thế gian hiếm thấy, những tướng xấu bây giờ đã không còn, đến cả một vết sẹo vẫn không lưu lại.

Đức Phật giảng pháp cho công chúa nghe, công chúa vừa nghe pháp, những nghiệp ác đã tạo từ trước lập tức diệt sạch, ngay lúc ấy, nàng chứng đắc sơ quả. Biết công chúa đã đắc đạo, đức Thế Tôn liền rời khỏi.

Vừa lúc ấy, năm người mở cửa bước vào, nhìn thấy dung nhan của vợ đại thần đẹp tuyệt trần, chưa từng thấy ai có nét đẹp tuyệt vời như thế, có thể nói trần gian này không thể tìm thấy người thứ hai. Mọi người thăm bảo nhau:

- Tôi cảm thấy thật kỳ lạ, tại sao đại thần không lần nào dẫn vợ mình ra ngoài, nguyên do là vì nhan sắc của nàng ấy quá diễm lệ!

Họ nhìn thấy dung nhan của công chúa xong, thỏa mãn sự tò mò từ lâu, liền đóng cửa lại, trả chìa khóa về lại túi áo cho vị đại thần.

Sau khi đại thần tỉnh dậy thì buổi tiệc đã kết thúc từ lâu. Anh ta một mình trở về nhà, vừa mới bước chân vào cửa, liền nhìn thấy một cô gái nhan sắc thật yêu kiều, vô cùng mỹ lệ, từ trước đến nay, anh ta chưa thấy qua người phụ nữ nào đẹp đến thế. Anh ta nhìn say đắm một hồi, cảm thấy rất thích thú, liền hỏi:

- Nàng là ai?

Công chúa đáp:

- Thiếp chính là vợ của chàng!

Người chồng lấy làm ngạc nhiên hỏi lại:

- Trước kia, tướng mạo nàng vô cùng xấu xí, sao giờ đây lại trở thành một cô gái xinh đẹp đoan chánh thế này?

Người vợ liền kể lại đầu đuôi câu chuyện cho chồng nghe:

- Thiếp nhờ được gặp đức Phật, sanh tâm hoan hỷ, tâm cung kính và tâm thanh tịnh đối với Ngài, cho nên

**【84】 — Phước huệ tập 7**

bây giờ có được nhan sắc như thế này.

Nàng lại nói với chồng:

- Thiếp muốn được diện kiến vua cha một lần, xin chàng giúp thiếp chuyển lời đến người.

Người chồng nhận lời xong, liền đến diện kiến tâu lên vua Ba-tư-nặc:

- Tâu đại vương! Công chúa muốn được diện kiến ngài.

Nhà vua đáp:

- Ái chà! Đừng bao giờ nhắc đến việc này, nhanh đóng kín cửa phòng lại, đừng bao giờ để con ta bước ra ngoài.

Người con rể liền thưa:

- Sao phải làm như vậy? Công chúa nhờ ân đức của đức Phật, bây giờ xinh đẹp như tiên không khác.

Nhà vua nghe xong liền đáp:

- Nếu đúng thật như thế thì mau dẫn công chúa đến đây.

Lập tức, vua cho người chuẩn bị kiệu đến đón công chúa vào hoàng cung. Vua cha vừa nhìn thấy sắc đẹp rạng rỡ của công chúa, vui mừng đến không thể đứng yên được. Thật lâu sau, nhà vua mới bình tĩnh trở lại, liền sai người chuẩn bị xe, sau đó, vua Ba-tư-nặc, phu nhân Mạc-lợi và vợ chồng công chúa đến nơi đức Phật đang trú ngụ.

Sau khi đánh lễ đức Phật xong, mọi người đứng qua một bên. Lúc ấy, nhà vua quỳ xuống trước đức Thế Tôn thưa hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Trẫm không biết đời trước công chúa đã gieo trồng phước đức hoặc đã tạo nghiệp báo gì, mà đời này được sanh vào trong gia đình quyền quý? Công chúa cũng đã tạo nghiệp gì, mà đời này phải chịu tướng mạo xấu xí như thế, da dẻ, tóc tai đều thô cứng, thậm chí còn tệ hơn cả loài súc sanh?

Đức Phật trả lời:

Con người sanh ra trong thế gian này, hình tướng đẹp hay xấu đều do hành vi trong quá khứ tạo ra hoặc là quả báo nhờ tu tập phước đức.

Từ nhiều đời trong quá khứ, có một quốc gia tên là Ba-la-nại, trong nước đó, có một vị đại trưởng giả, của

báu nhiều vô số. Cả gia đình ông thường cúng dường cho một vị Bích-chi-phật. Tướng mạo vị Bích-chi-phật này rất thô, không được trang nghiêm, nét mặt lúc nào cũng tiêu tụy, khắc khổ.

Lúc ấy, trưởng giả có một cô con gái, mỗi ngày đều nhìn thấy vị Bích-chi-phật đến thọ nhận cúng dường, cô sanh tâm chán ghét, xem thường bậc Thánh nhân, có lúc lại chửi mắng và chê rằng:

Tướng mạo gì đâu mà xấu xí, da dẻ thì thô cứng, chẳng ai muốn nhìn thấy!

Lúc bấy giờ, Bích-chi-phật đến nhà này rất nhiều lần, nhận cúng dường của họ, trụ ở thế gian này đã lâu, nên nay ngài muốn vào Niết-bàn, bèn thị hiện nhiều loại thần biến như: Bay vào trong không trung, trên thân ra nước và lửa, trong chốc lát bay về hướng đông, ẩn mất ở hướng tây; hoặc từ hướng tây bay lên, ẩn mất ở hướng đông; từ phía nam bay lên, ẩn mất ở phía bắc; hoặc từ phía bắc bay lên, ẩn mất ở phía nam; trong không trung hoặc ngồi hoặc nằm, biến hiện đủ các thứ như thế, khiến cho cả gia đình trưởng giả tận mắt nhìn thấy đủ các món thần biến, sau đó, từ trong không trung xuống, đi đến nhà của họ.

Sau khi nhìn thấy, ông trưởng giả càng sanh tâm

hoan hỷ, còn con gái của ông thì lập tức thành tâm sám hối những lỗi lầm trước đây, rồi tự trách rằng:

Cầu xin Tôn giả khoan dung tha thứ! Trước đây con khởi lên những ý niệm không tốt đối với ngài, đã phạm phải tội lỗi sâu nặng, xin ngài từ bi bỏ qua và tiếp nhận sự sám hối của con, để cho tội lỗi mà con đã tạo, đều được xóa sạch.

Lúc ấy, vị Bích-chi-phật tiếp nhận sự ăn năn, sám hối của cô gái.

Đức Phật bảo nhà vua:

Cô gái ấy nay chính là công chúa. Do kiếp trước khởi tâm bất thiện, chê bai, chửi mắng bậc Hiền thánh, tạo khẩu nghiệp quá nặng, từ đó về sau cô thường phải nhận quả báo thân hình xấu xí. Sau đó, thấy vị Bích-chi-phật hiện thân thông biến hóa, nhờ cô đã biết phát tâm thay đổi, hối cải nên tướng mạo mới thay đổi đoan chánh xinh đẹp như thế, lại được tài trí hơn người, không ai có thể sánh bằng. Nhờ được cúng dường Bích-chi-phật, mà đời đời nàng thường được giàu có, như đời này nhờ được gặp đức Phật, được nghe giáo pháp mà giải thoát.

Cũng như thế, đại vương! Tất cả chúng sanh hữu

tình, cần phải hết lòng giữ gìn và tu tập thân nghiệp cũng như khẩu nghiệp, không nên tùy tiện tạo nghiệp, chê bai người khác.

Lúc bấy giờ, đức vua cùng các đại thần, lắng lòng nghe đức Phật giảng nhân duyên của quả báo, mọi người đều phát khởi tâm cung kính tín ngưỡng, vô cùng biết ơn đức Phật. Nhờ tín tâm kiên cố nên có người chứng được Sơ quả, có người chứng được đến Tứ quả, có người phát tâm tâm Vô thượng bồ-đề, cũng có người đắc được giai vị Bất thoái chuyển. Tất cả đều ngưỡng mộ và tôn kính đức Phật, cung kính tín phụng, hoan hỷ tin nhận, vâng làm theo lời Phật dạy.

### **Nội dung của câu chuyện này là:**

Công chúa của vua Ba-tư-nặc, vì xem thường Thánh nhân, chửi mắng vị Bích-chi-phật, cho nên phải chuốc lấy quả báo thân hình xấu xí. Cũng may, cô ấy kịp thời sám hối, nếu không sẽ bị sa đọa trong ba đường ác. Trong đời này may mắn được gặp đức Phật, sanh tâm hoan hỷ, nhờ tâm thanh tịnh và cung kính nên từ cô gái có tướng mạo xấu xí biến thành xinh đẹp tuyệt trần.

Chúng ta thường nói, không nệ hà con cái xấu xí, chó còn không kén chọn nhà nghèo. Nhưng vua



Ba-tư-nặc vì thể diện, nên đã lén lút gả công chúa cho một anh chàng nghèo.

Trong kinh *Tạp a-hàm*, kinh số 1278 có nói:

*Sĩ phu sanh thế gian, phủ tại khẩu trung sanh, hoàn tự trảm kỳ thân, tư do kỳ ác ngôn*<sup>5</sup>.

Có nghĩa là: Con người sanh ra trong thế gian này, nếu mở miệng nói lời bất thiện, thì chẳng khác gì chiếc búa nằm trong miệng, muốn nói cho người đau khổ đến khắc cốt ghi tâm, nhưng trên thật tế là đang tự hại chính mình. Đó đều là do nghiệp bất thiện của miệng tạo ra.

Trong kinh còn dạy:

*Ứng hủy tiện xưng dự, ưng dự nhi tiện hủy, kỳ tội sanh u khẩu, tử đạo ác đạo trung. Bác dịch vong thất tài, thị phi vi đại cữu, hủy Phật cập Thanh văn, thị tặc vi đại quá*<sup>6</sup>.

Ý muốn nhắc nhở chúng ta: Khi gặp phải người hay sự việc không tốt, đáng lẽ nên quở trách thì chúng ta lại khen ngợi; đối với người hay sự việc tốt phải nên

---

<sup>5</sup> 士夫生世間，斧在口中生，還自斬其身，斯由其惡言。

<sup>6</sup> 應毀便稱譽，應譽而便毀，其罪生於口，死墮惡道中。博奕亡失財，是非為大咎；毀佛及聲聞，是則為大過。

## 【90】— Phước huệ tập 7

hết lòng khen ngợi thì ngược lại, chúng ta lại chê bai, trách móc. Những lỗi lầm như thế đều do nghiệp của miệng gây ra, sau khi chết sẽ bị đọa vào địa ngục. Vì ham chơi cờ bạc mà bị tán gia bại sản, như thế cũng chưa phải là tội lỗi lớn; nhưng nếu chê bai đức Phật và hàng Thanh văn đệ tử của đức Phật, mới là đại tội lỗi!

Thế gian có câu: “*Lương ngôn nhất cú tam đông noãn, ác khẩu thương nhân lục nguyệt hàn*”<sup>7</sup>, cũng là lời nói, nhưng nếu nói ra một câu nói hay thì mang đến cho người nghe cảm giác ấm áp trong lòng; cũng là lời nói, nhưng có tác dụng tương phản, ví dụ một câu nói độc ác, sẽ khiến cho trong lòng đối phương cảm thấy như băng giá.

Hầu hết chúng ta đều chú trọng hình tướng đẹp xấu bên ngoài, nhưng thật ra, nội tâm chân thật, lương thiện mới đáng quý hơn cả. Chính vì thế, người lương thiện và có tấm lòng từ ái mới xứng đáng được xem là người đẹp nhất, trang nghiêm nhất, có đúng vậy không?

Qua câu chuyện trên, chúng ta cùng cố gắng.

*Lớp giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,  
ngày 14.11.2015*

---

<sup>7</sup> 良言一句三冬暖，惡口傷人六月寒。

## 7. NHÂN DUYÊN NHỮNG NGƯỜI ĂN XIN ĐƯỢC HÓA ĐỘ

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa quý Phật tử!

Hôm nay, tôi xin chia sẻ với quý vị một câu chuyện Phật giáo. Câu chuyện này được trích từ *kinh Hiền ngu*, trong Đại Chánh tạng, quyển 4, trang 386a5-387a26.

Thời quá khứ, khi đức Phật ở tại thành Xá-vệ, trong vườn cây của ông Cấp Cô Độc và thái tử Kỳ-đà, cùng với 1.250 vị sa-môn. Bấy giờ, trong nước có năm trăm người ăn xin thường nương vào đức Phật và theo sau Tăng đoàn vào giờ khát thực để xin ăn sống qua ngày.

Trải qua nhiều năm, một ngày họ chợt cảm thấy chán ghét cuộc sống như vậy, liền nói với nhau rằng:

- Chúng ta nhờ vào phước của chư Tăng mới có thể kéo dài mạng sống, nhưng những nỗi khổ đau trong cuộc đời còn quá nhiều. Chúng ta nên cầu thỉnh Phật cho chúng ta xuất gia thôi!

Do vậy, họ đến nơi Phật ở và cùng bạch với đức Phật rằng:

**【92】— Phước huệ tập 7**

- Đức Như Lai ra đời rất khó gặp, chúng con xuất thân nghèo hèn, được nương nhờ ân đức của Ngài mới có thể sống qua ngày. Đã nhận được sự cứu giúp của Ngài như vậy rồi, nên giờ đây chúng con muốn xin được xuất gia. Không biết đức Thế Tôn có đồng ý không ạ?

Đức Phật nói với những người ăn xin rằng:

- Pháp của ta thanh tịnh, không phân biệt sang hèn. Giống như dòng nước trong mát có thể gột rửa mọi thứ dơ bẩn, bất luận là kẻ giàu người nghèo, xấu hay đẹp, nam hay nữ, nếu dùng nước gội rửa thì đều được sạch sẽ. Giáo pháp của ta cũng giống như lửa, những nơi mà lửa thiêu đốt, thì dù là núi sông hay vách đá, tất cả muôn vật trong thiên hạ không kể lớn bé, chỉ cần gặp phải lửa thì sẽ đều bị thiêu đốt (ví như các phiền não không luận là nặng hay nhẹ chỉ cần siêng năng tu tập thì đều có thể diệt trừ). Phật pháp của ta cũng lại giống như hư không vậy, bất luận là nam nữ già trẻ, hay giàu nghèo sang hèn, nếu đã phát nguyện vào nhà Phật pháp này thì đều được như ý nguyện, không có gì trở ngại.

Những người ăn xin nghe đức Phật dạy như vậy thì đều rất vui mừng, lòng tin của họ thêm lớn, thành kính quy y Phật, mong cầu xuất gia vào trong tăng đoàn để cùng tu hành. Đức Phật vừa nói: “Thiện lai, tì-kheo!”,

tự nhiên râu tóc của họ liền rơi rụng, ca-sa đắp lên mình, đầy đủ hình tướng của bậc sa-môn. Đức Phật lại nói pháp cho họ nghe, mọi người đều mở lòng đón nhận và lĩnh hội, hết thấy phiền não đều đoạn trừ, cùng chứng quả A-la-hán.

Bấy giờ, những phú hào, trưởng giả trong nước và ngay cả những người dân thường, nghe nói đức Phật cho phép những người ăn xin xuất gia tu hành, đều sinh tâm khinh mạn, nói rằng:

- Vì sao đức Phật lại cho phép những người hạ tiện này gia nhập vào hàng ngũ tăng đoàn? Như vậy, khi chúng ta muốn tạo phước, mà thỉnh đức Phật và chúng Tăng đến để cúng dường, thì làm sao có thể để những người hạ tiện ấy được ngồi trên tòa ngồi của gia đình chúng ta, sử dụng những đồ dùng để ăn cơm của chúng ta đây?

Thời đó, có vị thái tử tên là Kì-đà, muốn thiết lễ để thỉnh Phật và chư tăng đến cúng dường, bèn sai sứ giả đến bạch Phật:

- Mong đức Phật và chư tăng nhận lời mời thỉnh cúng dường của con vào ngày mai.

Thái tử còn dặn thêm sứ giả bạch Phật:

**【94】 — Phước huệ tập 7**

- Những người ăn xin được Phật hóa độ thành tì-kheo, con xin phép không mời, xin Thế Tôn đừng để họ tới.

Đức Phật nhận lời mời của thái tử. Ngày hôm sau, tới giờ thọ trai, trước khi đi đức Phật dặn dò các vị tì-kheo mà trước từng làm ăn xin rằng:

- Ta và các thầy tì-kheo này nhận lời mời thỉnh cúng dường, còn các thầy không được mời. Bây giờ các thầy có thể đến Bắc Câu Lô châu lấy gạo tẻ mọc tự nhiên ở đó, rồi đến cung thái tử, tùy theo thứ lớp mà ngồi, mỗi người tự thọ dụng phần gạo tẻ mà mình đã lấy được.

Do vậy, các vị tì-kheo ấy đều theo lời Phật dạy, dùng thần túc thông của bậc A-la-hán để đến Bắc Câu Lô châu, mỗi vị tự lấy một phần gạo, đựng đầy bát sau đó theo thứ lớp nương hư không mà trở về, vô cùng trang nghiêm tề chỉnh, giống như Nhạn chúa bay đến cung của thái tử, rồi theo thứ lớp ngồi xuống, mỗi người tự thọ dụng đồ ăn của mình đem tới.

Lúc ấy, thái tử Kì-đà nhìn thấy các vị tì-kheo rất oai nghi, phong thái vô cùng trang nghiêm, đầy đủ thần thông, lại có phước đức, nên ông liền khởi tâm vui mừng, cung kính, khen rằng chưa từng thấy được sự

việc như vậy, bèn bạch Phật rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Các bậc Đại đức Hiền thánh này có sức đại oai thần, đầy đủ tướng tốt trang nghiêm, không biết các vị ấy từ đâu tới đây khiến người ta khâm phục, kính ngưỡng? Mong đức Như Lai có thể giảng nói rõ nhân duyên của các vị ấy cho chúng con nghe.

Đức Phật nói với thái tử rằng:

- Nếu thái tử muốn biết thì xin lắng lòng, Ta sẽ nói rõ cho ngài nghe. Các vị tì-kheo đây chính là những vị mà hôm qua thái tử không muốn thỉnh mời. Ta và các thầy tì-kheo đến trước vì nhận lời mời của thái tử, còn các vị tì-kheo này do không được mời, nên đã đến Bắc Câu Lô châu, lấy gạo tẻ mọc tự nhiên để ăn.

Thái tử nghe Thế Tôn nói cảm thấy vô cùng xấu hổ và hối hận, tự trách mình rằng:

- Con sao mà ngu si như vậy, vì sao không biết phân biệt đúng sai phải trái?

Thái tử lại nói:

- Công đức của Thế Tôn thật không thể nghĩ bàn. Những người ăn xin ở trong đất nước này là những

**【96】 — Phước huệ tập 7**

người nghèo hèn nhất, vậy mà hôm nay lại có thể được đức Thế Tôn giáo hóa cho giác ngộ, để có được ân đức lớn lao ấy, lại có thể thọ hưởng được hạnh phúc an lạc thật sự ngay đời này và có được niềm vui vĩnh viễn của cõi Vô vi niết-bàn. Đức Phật ngày nay xuất hiện ở đời là vì để cứu độ cho họ. Kính bạch Thế Tôn! Không biết những người ăn xin này đời trước đã tạo duyên lành gì, tu công đức gì mà đời nay được gặp Ngài, tiếp nhận được ân huệ đặc biệt của Ngài như vậy? Con cũng lại không biết họ đã phạm phải tội lỗi gì mà từ khi sinh ra tới nay phải ăn xin để sống khổ sở như vậy? Đức Thế Tôn từ bi, mong Ngài chỉ dạy cho chúng con hiểu.

Đức Phật dạy rằng:

- Thái tử nếu muốn biết xin hãy lắng nghe, Ta sẽ nói rõ ngọn nguồn nhân duyên của những người ăn xin này cho ngài biết.

Khi đó, đức Phật nói với thái tử Kì-đà:

- Thời quá khứ cách đây vô lượng vô số kiếp, ở cõi Diêm-phù-đề này có một nước lớn tên Ba-la-nại, trong nước đó có đỉnh núi tên Lợi Sư (nghĩa là Tiên Sơn), các đức Phật thời quá khứ phần nhiều ở tại đỉnh núi này, khi không có Phật ra đời thì sẽ có những vị Bích-chi-phật, nếu khi nào không có Bích-chi-phật thì



các vị tiên có ngũ thông sẽ ở đó, nên đỉnh núi đó không bao giờ hoang vắng.

Bấy giờ, trên núi có hơn hai nghìn vị Bích-chi-phật ở, gặp lúc trong nước có sao hỏa xuất hiện, đó là điềm báo có tai họa. Khi sao này xuất hiện ở nơi nào, thì trong vòng mười hai năm, nơi ấy sẽ bị khô hạn, không có mưa, không thể trồng cây, khiến cho quốc gia đó dần suy yếu. Bấy giờ, trong nước có một vị trưởng giả tên là Tán-đà-ninh (có chỗ dịch là Tán-đàn-ninh), vô cùng giàu có, của báu vô số, thường cúng dường người tu hành. Do vậy, một nghìn vị Bích-chi-phật đến nhà trưởng giả để mong được cúng dường, liền nói với ông ấy:

- Chúng tôi ở trong núi đó, chẳng may gặp lúc đại hạn, khát thực không được, nếu trưởng giả có thể cúng dường thức ăn thì chúng tôi sẽ ở lại đây, nếu không thì chúng tôi sẽ phải đi nơi khác.

Trưởng giả liền hỏi người quản kho rằng:

- Hiện giờ lương thực trong kho có đủ để cúng dường các vị Bích-chi-phật nhiều như vậy không?

Người giữ kho đáp:

- Mong ngài đúng thời mời thỉnh, lương thực trong

**【98】 — Phước huệ tập 7**

kho rất nhiều, đủ để cúng dường cho các vị ấy.

Do đó, trưởng giả mời một nghìn vị Bích-chi-phật đến để cúng dường thức ăn. Một nghìn vị Bích-chi-phật khác trong núi cũng đến nhà trưởng giả để xin được cúng dường thức ăn. Trưởng giả lại hỏi người giữ kho:

- Trong kho người giữ còn bao nhiêu lương thực? Ta cũng muốn cúng dường một nghìn vị nữa, người coi có đủ không?

Người giữ kho nói:

- Lương thực trong kho tôi thấy là sẽ đủ, nếu ngài muốn cúng dường, có thể mời các vị ấy đến để thọ cúng.

Do đó, trưởng giả lại mời một nghìn vị Bích-chi-phật này và sai năm trăm người hầu mỗi ngày đều chuẩn bị thức ăn để cúng dường cho các vị ấy. Những người hầu này phải chuẩn bị thức ăn cho nhiều người như vậy, một thời gian lâu bèn sinh tâm chán ghét, nên nói với nhau rằng:

- Chúng ta vất vả như vậy đều là do những người ăn xin này.

Thời điểm đó, trưởng giả thường sai một người hầu trước giờ thọ trai, đến thông báo với các vị Bích-chi-phật. Người này có nuôi một con chó, mỗi ngày khi anh ta đi thông báo, nó đều đi theo anh ta, không bỏ sót một ngày nào.

Một bữa nọ, người hầu này bất chợt quên đi thông báo giờ thọ trai. Nhưng con chó này đứng giờ vẫn biết tự mình chạy đến chỗ chư Tăng ở, hướng về phía chư Tăng mà sủa vang lên. Các vị Bích-chi-phật nghe tiếng chó sủa biết là đến mời họ đi thọ trai, liền đến nhà trưởng giả như pháp mà đón nhận cúng dường và nói với trưởng giả:

- Trời sắp mưa, ông có thể trông lương thực rồi.

Trưởng giả nghe theo lời của các vị Bích-chi-phật, lập tức sai người làm chuẩn bị đầy đủ nông cụ và bắt tay vào trông lúa và các loại ngũ cốc có thể ăn được đều trông xuống hết. Nhưng trải qua một thời gian, tất cả các hạt giống trông xuống đều biến thành hồ lô. Trưởng giả thấy vậy vô cùng ngạc nhiên, liền đi hỏi các vị Bích-chi-phật và được trả lời rằng:

- Việc này ông không phải lo lắng, chỉ cần chăm chỉ trông trọt, đúng thời tưới nước là được thôi.

Trưởng giả bèn theo lời của các vị Bích-chi-phật siêng năng tưới nước. Đợi đến khi chín, các quả hồ lô đều rất to và số lượng rất nhiều, bỏ ra xem thì thấy bên trong đầy ắp các loại ngũ cốc đã trồng, hơn nữa đều đã chín và rất sạch sẽ, tốt đẹp.

Trưởng giả vô cùng vui mừng, dùng tất cả các phòng để cất chứa, khi nhà mình chứa đầy rồi bèn đem các ngũ cốc còn dư ra chia cho thân tộc. Nhân dân trong cả nước đều cảm động trước ân đức của trưởng giả.

Khi đó, năm trăm người làm hầu chuyên làm cơm kia đều nghĩ rằng: “Những thành quả này đều là nhờ ân đức của các vị Bích-chi-phật mới có, sao chúng ta lại dám nói ra những lời ác với họ?”. Do đó, họ bèn đi đến chỗ các vị Bích-chi-phật cầu xin sám hối và nguyện sửa đổi.

Thái tử nên biết! Trưởng giả Tán-đàn-ninh giàu có khi đó chẳng phải là ai khác, đó chính là Ta, người coi kho đó chính là Tu-đạt bây giờ, còn người hầu ngày ngày đến chỗ Tăng chúng ở thông báo giờ thọ trai chính là vua Ưu-điền. Con chó đó vì nhân duyên từng đến thông báo cho tăng chúng thọ trai, cho nên đòi đòi được âm thanh tốt đẹp đó chính là trưởng giả Mỹ Âm, còn năm trăm người hầu chuyên làm cơm khi ấy chính

là năm trăm vị A-la-hán này.

Thái tử Kì-đà và mọi người có mặt trong pháp hội, nghe được sự thần biến như vậy đều cảm niệm công đức của Phật và khắc ghi trong lòng, tinh tấn tu hành, có người chứng được sơ quả và có người chứng đến quả vị A-la-hán, có người siêng tu hạnh Bích-chi-phật, cũng có người phát tâm cầu Phật đạo. Mỗi mỗi đều hết lòng tinh tấn, mong được thành tựu bản nguyện của riêng mình, mọi người hân hoan vui mừng, cảm niệm đánh lễ Thế Tôn, nguyện y giáo phụng hành.

### **Câu chuyện này nhắc đến việc:**

Vào thời quá khứ, có hai nghìn vị Bích-chi-phật tu hành trong một ngọn núi, bởi vì gặp hạn hán, đi khát thực không dễ dàng, may mà có một vị trưởng giả giàu có phát tâm cúng dường. Trưởng giả sai năm trăm người hầu hàng ngày chuẩn bị cơm canh cho các vị ấy. Trải qua một thời gian lâu, năm trăm người này bắt đầu than trách: “Chúng ta từ sáng tới tối bận bịu vất vả đều do những người ăn xin này hại cả.” Vì họ khởi tâm chán ghét, ác khẩu gọi các vị thánh Bích-chi-phật là ăn xin, cho nên sau khi họ chết thì hết đời này sang đời khác, thường phải tái sinh làm người ăn xin.

Khi chúng ta tổ chức pháp hội, các hoạt động, hoặc

những khi cần thời gian dài để chăm sóc người bệnh, có những người ban đầu tâm rất hoan hỷ vui vẻ ‘nhận vát vả, nhận trách móc’, dù có người chê bai trách móc họ cũng vui vẻ đón nhận. Nhưng trải qua một thời gian, liền biến thành ‘nhận vát vả, nhưng không nhận trách móc’, nghĩa là dù vẫn tiếp tục làm, nhưng không thể nhẫn chịu người khác chê bai, trách móc. Qua một thời gian nữa liền biến thành ‘không nhận vát vả, cũng không nhận trách móc’, không còn phát tâm làm việc nào nữa.

Chúng ta nhìn lại bản thân mình xem, có phải có tình trạng như vậy không? Ban đầu thì ‘nhận vát vả, nhận trách móc’, sau đó ‘nhận vát vả, nhưng không nhận trách móc’ và cuối cùng là ‘không nhận vát vả, cũng không nhận trách móc’ rồi không? Nếu có thì đó là một lời cảnh báo.

Mong tất cả mọi người đồng khởi tâm hoan hỷ để có thể luôn luôn hết lòng phục vụ chúng sinh mà không thoái tâm.

Một vài lời xin được chia sẻ với đại chúng để chúng ta cùng nhau cố gắng!

*Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,  
ngày 09.04.2016*

## 8. NGƯỜI CÓ LÒNG THAM DỤC SẼ LÀM HẠI CẢ MÌNH VÀ NGƯỜI

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa quý Phật tử!

Hôm nay, tôi xin chia sẻ cùng quý vị một câu chuyện cổ Phật giáo. Câu chuyện được trích từ *kinh Pháp cú thí dụ*, trong Đại Chánh tạng, quyển 4, trang 602c8-603a22.

Một thời, đức Phật ở tại thành Xá-vệ, trong vườn cây của ông Cấp Cô Độc và thái tử Kì-đà, Ngài nói pháp cho hàng trời người, thiên long và quỷ thần nghe.

Khi ấy, có một vị trưởng giả giàu có, có rất nhiều của cải. Ông ta có một người con trai khoảng 12, 13 tuổi. Một thời gian sau, vợ chồng ông trưởng giả đều qua đời. Vì còn quá nhỏ, cậu bé không biết tính toán, kinh doanh để quản lý sự nghiệp của gia đình nên chỉ trong vài năm sau của cải trong gia đình đều bị tiêu tán. Dù cậu ta đi khắp nơi để xin ăn, nhưng vẫn không đủ để nuôi sống bản thân.

Cha của cậu có một người bạn là một trưởng giả rất giàu có. Một ngày nọ, trưởng giả này gặp được cậu, ông rất quan tâm hỏi han tường tận về tình cảnh hiện

tại. Ông vô cùng cảm thông với cảnh ngộ của cậu ta liền đưa về nhà nuôi dạy, còn gả con gái, cho nhiều nô tì, xe ngựa và rất nhiều tài sản, lại xây dựng nhà cửa, giúp cậu xây dựng lại gia nghiệp.

Thế nhưng, tính cậu ta vốn lười biếng, làm việc hoàn toàn không có kế hoạch nên không thể kiếm sống, cuối cùng đã dùng hết tất cả của cải mà trưởng giả cho và trở nên nghèo nàn hơn trước. Ông trưởng giả vì lo lắng cho con gái của mình nên một lần nữa lại cho chàng con rể nhiều của cải hơn. Nhưng ông không ngờ chàng con rể của ông ta vẫn như trước, cuối cùng vẫn nghèo rớt mồng tơi. Cứ thế, ông trưởng giả giúp đỡ rất nhiều lần nữa, nhưng chàng rể đều không biết trân trọng mà mặc tình ăn tiêu, không biết tiết kiệm. Trưởng giả thấy chàng rể này bất tài vô dụng, không có tương lai nên tính bắt con gái mình về để gả cho người khác. Vì thế, trưởng giả đã triệu tập bà con, họ hàng để cùng nhau thương lượng. Người con gái biết được chuyện đó, bèn vội vàng về nhà nói với chồng:

- Thế lực của dòng họ nhà thiếp rất lớn, có thể lấy lại tất cả mọi thứ của chàng, bởi vì chàng không biết làm ăn. Chàng nói xem, bây giờ chúng ta phải làm sao? Chàng có cách gì không?

Người chồng nghe vợ nói như vậy thì vô cùng xấu



hồ nghĩ rằng: “Ôi! Là do phước mình mỏng, từ bé đã mất đi sự bảo bọc của cha mẹ, không được học ngành nghề gì để tự kinh doanh kiếm sống, giờ không những mất đi vợ hiền, lại phải sống những ngày cơ cực như trước đây. Nghĩ lại những ngày qua, vợ chồng tình cảm mặn nồng, thật khó phân ly, nếu như giờ đây đột nhiên bị chia cắt, thì nỗi khổ đau này làm sao ta chịu nổi đây!”. Nghĩ đi nghĩ lại, cuối cùng anh ta khởi lên tâm niệm ác, liền kéo vợ vào phòng nói:

- Ta muốn chết cùng nàng!

Nói xong liền đâm người vợ chết, sau đó tự vẫn. Hai vợ chồng chết ngay tại chỗ.

Người hầu kẻ hạ hoảng hốt sợ hãi vội vàng chạy đi báo với trưởng giả. Gia đình trưởng giả lớn nhỏ đều vô cùng kinh hoàng sợ hãi, cùng nhau đến xem xét thì thấy hai người đều đã chết, chỉ đành dùng quan tài, đem thi thể hai vợ chồng đi táng liệm và theo tục lệ thời đó mà làm lễ an táng cho họ. Mọi người lớn nhỏ trong nhà trưởng giả vì cảnh ngộ của cô con gái đều cảm thấy vô cùng thương tâm, đau khổ, lưu luyến không dứt. Sau đó, họ nghe nói đức Phật đang giảng pháp giáo hóa, những người có đủ duyên đành lễ Phật đều vô cùng hoan hỷ, có thể nhân đó mà quên được những nỗi đau thương, dứt trừ hết phiền não, do đó, trưởng

giả liền đưa cả gia đình cùng đến trước Phật. Sau khi lễ Phật xong, họ lui sang một bên.

Đức Phật hỏi trưởng giả:

- Ông từ đâu đến? Vì sao ông râu rĩ không vui, nét mặt buồn bã như vậy?

Trưởng giả bạch Phật:

- Gia đình con phước đức mỏng manh, trước đây có gả con gái đi lấy chồng, không ngờ lại gặp phải một kẻ ngu xuẩn, không có khả năng buôn bán làm ăn. Chúng con muốn đưa con gái về nhà để con bé tái giá, nhưng người con rể ấy lại giết chết con gái con, rồi tự sát. Hai đứa chúng nó đã ra đi như vậy. Chúng con vừa an táng cho chúng xong, đang trên đường trở về nhà thì liền ghé qua để đánh lễ Thế Tôn.

Đức Phật nói với trưởng giả:

- Tham dục và sân giận đều là bệnh chung của người thế gian, ngu si không có trí tuệ là cửa ngõ dẫn đến tai họa. Ba cõi, năm đường đều do đây mà rơi xuống vực sâu. (Ba cõi gồm: Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; Năm đường chỉ cho: Trời, người, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Chúng sinh trong năm đường này đều là do tham, sân, si mà rơi xuống vực sâu). Chúng

sinh qua lại trong sinh tử luân hồi vô số kiếp, dù gặp phải bao nhiêu đau khổ nhưng cũng không biết hối lỗi, giác ngộ. Kẻ ngu si làm sao có thể hiểu được đạo lý này? Sự độc hại của tham dục không chỉ hại bản thân mình, cũng sẽ hủy hoại tất cả mọi người trong thân tộc, càng có thể làm hại đến tất cả chúng sinh, huống gì là đôi vợ chồng này?

Do đó, đức Thế Tôn bèn nói bài kệ đại ý như sau:

“Người ngu si lấy lòng tham dục để trói buộc bản thân, không tìm cầu giác ngộ, giải thoát. Vì tham lam tiền tài, tình ái nên không chỉ hại người mà còn trở lại hại chính bản thân mình. Lấy tâm ái dục làm ruộng, lấy dâm, nộ, si làm hạt giống, như thế thì sẽ không thể sinh ra phước đức, đạo quả được. Do vậy, chỉ có thể dùng tâm thanh tịnh để cúng dường cho người đã siêu thoát thế tục mới có thể đạt được phước đức vô lượng.

Cũng giống như người đồng hành thì ít mà hàng hóa đem theo lại nhiều, do đó, người thương buôn sẽ cảm thấy sợ hãi, lo lắng sợ kẻ trộm đến để cướp đoạt. Bởi vì lòng tham dục sẽ dẫn đến trộm cắp, tổn hại đến tính mạng của mình, cũng bởi lòng tham dục mà sẽ nguy hại cho tuệ mạng của mình. Vì thế, người có trí tuệ sẽ không có tâm tham dục và sẽ vĩnh viễn xa lìa tâm tham dục”.

Trưởng giả nghe bài kệ đức Phật khai thị thì vô cùng hoan hỷ, không còn đau buồn nữa, phiền não nhân đó được tiêu trừ. Những người trong gia đình và rất nhiều thính chúng ngồi trong pháp hội đều phá trừ được hai mươi ức tội ác, liền chứng đắc sơ quả Tu-đà-hoàn.

**Câu chuyện này có mấy điểm đáng để chúng ta phản tỉnh lại bản thân:**

Người con trai của trưởng giả trong câu chuyện này bản tính lười biếng, không biết làm nghề gì. Dù cho bạn thân của cha mình hết sức giúp đỡ, còn gả cả con gái cho anh ta, đối với anh ta có thể nói là tận tình tận nghĩa, nhưng anh ta không biết trân trọng, không biết nỗ lực vươn lên, không biết tri ân, báo ân, trái lại còn đem tiền bạc tiêu hết, giết chết cả con gái của ân nhân, bản thân cũng tự vẫn, thật là bi ai. Nhân đây, chúng ta cần biết trân quý sự giúp đỡ, trợ duyên của người khác, hơn nữa, cần nuôi dưỡng khả năng tự lập của bản thân, có một nghề thành thạo, không thể ỷ lại hoàn toàn vào người khác.

Đức Phật dạy: “Người ngu si lấy lòng tham dục để trói buộc bản thân, như thế, không chỉ hại mình mà còn hại cả người khác”. Chúng ta xét lại xem mình đã lìa bỏ tham dục chưa? Nếu tâm tham dục còn nặng thì

không phải người có trí tuệ. Người có trí tuệ sẽ không buông lung theo tham dục mà tự trói buộc mình.

Đức Phật lại dạy: “Nếu có một mảnh ruộng chứa đầy ái dục tạp nhiễm, lại gieo xuống đó những hạt giống tham sân si thì không thể nào sinh ra phước đức, đạo quả được”. Nhân như thế nào thì quả như thế đó. Chúng ta xét lại bản thân xem mảnh đất tâm của chúng ta có phải là thanh tịnh, không ô nhiễm hay không? Những thứ chúng ta đang gieo trồng là những hạt giống tham, sân, si hay hạt giống giới, định, tuệ thanh tịnh? Nếu mảnh đất tâm đầy những ái nhiễm, lại trồng xuống những hạt giống tham sân si, như thế những gì chúng ta gặt hái được nhất định sẽ là quả báo khổ đau của luân hồi sinh tử, làm sao có thể mong đợi gặt hái được quả báo phước đức, đạo quả đây?

Một vài lời xin được chia sẻ với đại chúng để chúng ta cùng nhau cố gắng!

*Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,  
ngày 09.05.2015*

## 9. HẠNH PHÚC LỚN NHẤT

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa quý Phật tử!

Hôm nay, tôi xin chia sẻ với quý vị một câu chuyện Phật giáo. Câu chuyện này được trích từ *kinh Pháp cú thí dụ*, trong Đại Chánh tạng, quyển 4, trang 595b23-596a3.

Thuở xưa, đức Phật ở tại tinh xá Kỳ-viên, nước Xá-vệ, bấy giờ có bốn vị tân học từ-kheo cùng tọa thiền tu tập dưới gốc cây nài. Lúc đó, hoa nài nở rộ, màu sắc rực rỡ, tỏa hương thơm ngát, bốn vị tân học từ-kheo nhân đó cùng nhau thảo luận: “Vạn vật trên thế gian, điều gì là vui thích nhất khiến lòng người say đắm?”.

Vị thứ nhất nói:

- Tháng thứ hai của mùa xuân, khi muôn hoa đua nở, được dạo chơi ngắm cảnh trên cánh đồng bát ngát, đó là việc vui thích nhất.

Vị thứ hai nói:

- Bà con quyền thuộc sum vầy trong những ngày vui trọng đại, mọi người cùng nhau rót rượu chung vui,

diễn tấu âm nhạc, ca hát nhảy múa, đó là điều vui thích nhất.

Vị thứ ba lại nói:

- Tích trữ được nhiều của báu, muốn gì được nấy. Ngựa xe, y phục, trang sức hiếm lạ hơn người, đi lại xa hoa lộng lẫy, trở thành tâm điểm chú ý của mọi người, đó là điều vui thích nhất.

Vị cuối cùng nói:

- Thê thiếp dung mạo đoan chính, y phục hoa lệ, hương thơm khắp thân, mọi việc đều như ý, đó là điều vui thích nhất.

Đức Phật nhìn thấy nhân duyên của bốn vị tì-kheo đã hội đủ, nhưng do không tư duy về pháp vô thường, nên tâm ý của họ mãi chìm đắm trong sáu pháp, đam mê sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Ngài liền gọi bốn vị đến và hỏi rằng:

- Các ông ngồi dưới gốc cây bàn luận về việc gì vậy?

Bốn người họ liền kể lại tường tận về vấn đề họ đang thảo luận.

Đức Phật dạy:

- Điều các ông đang bàn luận, tất cả đều hướng về con đường đau khổ, sợ hãi, nguy hiểm và tàn lụi, vốn không phải là cái vui an ổn lâu dài. Xuân đến, vạn vật tươi tốt, nhưng khi thu sang đông về chúng lại nhanh chóng lụi tàn. Bà con quyến thuộc gặp nhau chỉ là cái vui ngắn ngủi, cuối cùng rồi cũng phải chia ly. Của báu, xe ngựa là tài sản của năm nhà (quốc vương, kẻ trộm cướp, nước, lửa và những đũa con bất hiếu). Thê thiếp xinh đẹp là đầu mối của tham ái và khổ đau, chúng không ngừng tạo ra oán thù và tai họa cho con người, không chỉ nguy hại cho bản thân mà còn khiến thân tộc phải đối mặt với nguy hiểm và diệt vong, cuối cùng chúng đem đến sự đau khổ và sợ hãi không cùng. Con người sau khi chết bị đọa vào ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, hoặc rơi vào tám nạn xa rời Phật pháp, chịu muôn vàn thống khổ, tất cả đều do chúng mà ra. Bởi vậy, các tì-kheo lìa bỏ thế tục, quyết chí đến chỗ vô vi, không tham lam danh lợi, đạt đến tịch diệt. Đây mới là điều an vui nhất vậy.

Lúc ấy, Thế Tôn liền nói kệ rằng:

“Yêu thương sanh âu lo, yêu thương sanh sợ hãi,  
yêu thương nếu chẳng có, sợ hãi lấy gì sanh?”



Mong cầu sanh âu lo, mong cầu sanh sợ hãi, mong cầu nếu chẳng có, sợ hãi lấy gì sanh?

Tham dục sanh âu lo, tham dục sanh sợ hãi, tham dục nếu chẳng có, sợ hãi lấy gì sanh?

Trì pháp, giới thành tựu, chí thành biết xấu hổ, tu hành gần với đạo, mọi người đều mến thương.

Chẳng phóng túng tham dục, suy nghĩ kỹ mới nói, tâm không tham ái dục, luân hồi ắt chặt đứt”.

Phật bảo bốn vị tì-kheo:

- Thuở xưa, có vị quốc vương tên Phổ An, cùng kết bạn với bốn ông vua ở nước lân cận. Một hôm, ngài mời bốn ông vua bạn cùng dự yến tiệc suốt một tháng, họ ăn uống chơi đùa, vui sướng không gì sánh bằng. Vào ngày sắp từ biệt, vua Phổ An hỏi bốn người bạn của mình: “Con người sống trên thế gian này, điều gì là vui thích nhất?”.

Vị thứ nhất nói:

- Dạo chơi ngắm cảnh là điều vui thích nhất.

Vị thứ hai nói:

**【114】 — Phước huệ tập 7**

- Thân quyền sum vầy, ca hát nhảy múa là điều vui thích nhất. Vị thứ ba nói:

- Tích trữ nhiều của báu, muốn gì được nấy là điều vui thích nhất.

Vị cuối cùng nói:

- Đắm say trong ái dục là điều vui thích nhất.

Vua Phổ An bảo rằng:

- Điều mà các ông nói đều là gốc của khổ đau, là đầu mối của các nỗi lo buồn sợ hãi. Tuy trước có vui, nhưng sau sẽ chịu muôn vàn đau khổ. Đau khổ đều do chúng mà sinh ra. Nếu tịch tĩnh, chẳng cầu chẳng muốn, sống đạm bạc với chánh niệm thì sẽ đạt được an vui.

Nghe xong, bốn vị vua đều hoan hỷ và tin hiểu.

Phật bảo bốn vị tì-kheo:

- Vua Phổ An thuở xưa chính là tiền thân của Ta. Còn bốn vị vua kia chính là bốn ông đây vậy. Đời trước, các ông đã nghe Ta nói về điều này rồi, sao nay còn chưa rõ. Sanh tử triền miên như thế đến bao giờ mới thôi dứt?

Một lần nữa được nghe đức Phật dạy, bốn vị tì-kheo càng thêm hồ thẹn, họ sám hối lỗi lầm, tâm ý khai ngộ, đoạn trừ mọi vọng tưởng, diệt trừ mọi dục niệm, liền chứng quả A-la-hán.

*Kinh Pháp cú thí dụ*, phẩm An ninh và *kinh Tăng già la-sát sở tập* đều có đoạn kinh, nội dung cũng tương tự, nhưng luận bàn về việc trên thế gian này, điều gì là đau khổ nhất.

Thuở xưa, có một vị tì-kheo tu tập dưới gốc cây trong rừng. Lúc ấy, bồ câu, quạ, rắn và nai thường thân cận bên vị tì-kheo nên chúng cũng được an ổn. Một ngày nọ, chúng cùng nhau thảo luận: “Trên thế gian này, điều gì là đau khổ nhất?”.

Quạ bảo:

- Đói khát là đau khổ nhất, đói khát làm cho thân thể suy yếu, do không ngại hiểm nguy tìm kiếm thức ăn nên phải mất mạng. Vì vậy, đói khát là điều đau khổ nhất.

Bồ câu nói:

- Dâm dục là đau khổ nhất, sắc dục lũng lầy thiêu đốt tất cả, che mờ tâm trí, dâm dục làm cho thân thể suy mòn, thậm chí nguy hại đến tính mạng. Vì vậy,

dâm dục là điều đau khổ nhất.

Rấn bảo:

- Sân hận là đau khổ nhất, một khi ý niệm sân hận dấy khởi lên thì không kể gì bà con quyến thuộc đều có thể sát hại. Mọi người đều không thích nhìn thấy tôi. Tâm sân hận cũng như lửa vậy, thiêu đốt tất cả công đức, thêm lớn các tội căn. Vì vậy, sân hận là điều đau khổ nhất.

Nai nói:

- Sợ hãi là đau khổ nhất. Bọn chúng tôi đi trong rừng hoang, tâm luôn bất an, sợ gặp phải thợ săn và lũ sói, hễ nghe tiếng động là bốn phương tám hướng trốn chạy, có khi rơi xuống hố sâu, mẹ con chia lìa, sợ đến nổi tim gan lẫn lộn. Vì vậy, sợ hãi là điều đau khổ nhất.

Vị tì-kheo nghe vậy, bèn bảo với bọn chúng:

- Điều mà các người luận bàn chỉ là ngọn ngành, chưa phải cái gốc của khổ đau. Đau khổ nhất trong đời chính là cái thân ngũ ấm này, thân là món đồ chứa các khổ, là nơi tích tập các phiền não, chính thân này đem đến cho chúng ta cái khổ về đói khát, dâm dục, sân hận, sợ hãi. Muốn chấm dứt gốc khổ, phải đoạn trừ được

các phiền não, đạt đến cảnh giới giải thoát.

Vị tì-kheo ấy chính là tiền thân của Thế Tôn.

Trong *Phật pháp khái luận*, Đạo sư Ân Thuận có dạy: Phật pháp hướng đến hữu tình chúng sanh, nếu bỏ mặc chúng sanh ở trước mắt, mà luận bàn đến xã hội, vũ trụ xa xôi, đồng nghĩa với việc không hiểu rõ ý nghĩa chân thật của Phật pháp.

Cái khổ của chúng sanh thì muôn hình vạn trạng, khoa học kỹ thuật phát triển, sự giúp đỡ các tổ chức phúc lợi xã hội hay từ thiện cứu trợ được lan rộng, nhưng cái khổ của chúng sanh cũng chỉ có thể giảm nhẹ được phần nào. Cho dù sanh, già, bệnh, chết có thể được chữa trị bằng y tế, nhưng cuối cùng chúng ta cũng phải đối mặt với vấn đề sanh tử, tự thân chúng ta vẫn phải giải quyết vấn đề này. Cái thân này là nơi hội đủ các khổ, nào là mong cầu không được toại ý, yêu thương phải xa lìa, oán hận lại gặp gỡ. Chúng ta phải nhận thức được rằng cái khổ của thân ngũ ấm là do phiền não tích tập, do nghiệp lực mà cảm thọ lấy, chỉ có chấm dứt luân hồi trong tam giới, mới là cách dứt khổ chân chính.

Để có thể đoạn diệt khổ đau một cách triệt để, chúng ta cần phải biết cái gốc rễ của khổ đau là ở đâu.

Tại sao chúng ta mãi đau khổ trong luân hồi? Điều quan trọng cần quán xét chính là hành vi, tư tưởng của chúng ta. Nếu chúng ta không có chánh kiến, chạy theo dục vọng tạo nghiệp một cách tùy ý, thì việc chịu khổ luân hồi trong ba cõi là điều đương nhiên. Nếu chúng ta đã biết được cái gốc của khổ rồi, thì nên tùy bệnh mà cho thuốc.

Ấn Thuận đạo sư đúc kết lại rằng, chúng sanh là trung tâm của Phật pháp, cái khổ của chúng sanh thì nhiều vô cùng, nhưng có thể quy thành tám loại, trong đó quan trọng nhất là cái khổ của thân ngũ ấm, gốc của cái khổ này chính là các phiền não trói buộc. Vì vậy, chỉ có thanh tịnh thân khẩu ý, tăng trưởng trí tuệ, đoạn trừ phiền não thì mới có thể dứt khổ hoàn toàn .

Chúng ta nên cùng nhau nhìn lại, tư tưởng, hành vi, ngôn ngữ của chúng ta phải chăng luôn thanh tịnh, luôn đúng pháp? Mong mọi người có thể thanh tịnh thân khẩu ý, mọi người cùng thanh tịnh thì chúng sanh thanh tịnh, chúng sanh thanh tịnh thì quốc độ thanh tịnh. Chúng sanh hòa hợp không tranh chấp thì mới có được sự an lạc cứu cánh!

Trên đây là những điều tôi muốn chia sẻ cùng đại chúng, mong chúng ta cùng nhau cố gắng.

**Phước huệ tập 7 — 【119】**

*Lớp giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,  
ngày 26.09.2015*

## 10. TÔN GIẢ CA-CHIÊN-DIÊN DẠY BÀ LÃO BÁN NGHÈO

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa quý Phật tử!

Hôm nay tôi xin chia sẻ với quý vị một câu chuyện Phật giáo. Câu chuyện này được trích từ *kinh Hiền ngu*, trong Đại Chánh tạng, quyển 4, trang 383c29-384b19.

Thuở xưa, đức Phật trú tại nước A-lê-đề, trong quốc gia này, có ông trưởng lão vô cùng giàu có, của cải nhiều không kể xiết, nhưng hết sức keo kiệt, tham lam, tính tình hung ác, không có lòng thương người.

Bà lão nữ tỳ trong nhà ông, phải sống hết sức nghèo túng, áo mặc không đủ che thân, cơm ăn không đủ no bụng, đã vậy còn thường xuyên bị hành hạ đánh đập dù đã già yếu. Bà lão muốn chết đi cho thoát khổ mà không chết được.

Một hôm, bà lão mang bình ra bờ sông lấy nước, nghĩ phận mình, bà tủi thân khóc lóc thảm thiết. Lúc đó, Tôn giả Ca-chiên-diên thương xót, bèn đến bên hỏi:

- Có việc gì mà bà lại khóc thương thế này?



- Bạch tôn giả, con nay tuổi tác già yếu, ngày ngày làm việc khổ sai, lại thêm nghèo khổ túng thiếu, cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, chết cũng không được, sống cũng không xong, nghĩ vậy nên con khóc!

- Bà nghèo như vậy, sao không bán cái nghèo đi?

- Cái nghèo làm sao mà bán đi được, có ai lại chịu mua cái nghèo chứ?

- Cái nghèo quả thật có thể bán được.

Tôn giả Ca-chiên-diên nói ba lần như thế.

Bà lão tự nghĩ: “Cái nghèo nếu quả thật có thể bán, thì mình nên hỏi Tôn giả cách bán nghèo”. Nghĩ vậy, bà bèn hỏi:

- Bạch đại đức, làm cách nào để bán cái nghèo?

- Nếu quả thật bà muốn bán cái nghèo đi, thì phải hết lòng tin theo lời ta dạy.

- Dạ!

- Trước khi bán nghèo, bà phải tắm gội cho sạch sẽ.

Bà lão theo lời dạy của Tôn giả. Sau khi bà tắm gội xong, Tôn giả bảo:

- Bà nên thực hành pháp bố thí.

- Thừa tôn giả, con nghèo cùng lắm, không đồng xu dính túi, thì lấy gì mà bố thí. Cả cái bình này cũng là tài sản của chủ nhân, không phải của con, con lấy gì mà bố thí chứ?

Tôn giả Ca-chiên-diên đưa bình bát của mình cho bà lão, dạy rằng:

- Bà cầm cái bát này đi lấy một ít nước sạch.

Bà lão nghe theo lời chỉ dạy của Tôn giả Ca-chiên-diên, đi lấy một ít nước dâng lên cho Tôn giả. Tôn giả Ca-chiên-diên thọ nhận thọ nhận sự cúng dường đó, rồi truyền dạy bát quan trai giới cho bà lão, dạy bà niệm Phật và giảng về công đức niệm Phật. Tôn giả lại hỏi bà lão:

- Bà có chỗ nghỉ ngơi không?

- Bạch tôn giả, con vốn không có chỗ nghỉ ngơi, nếu xay thóc giã gạo thì con ngủ bên cối xay; đi phơi thóc, nấu cơm, làm xong ở đâu thì ngủ ở đấy; lúc không làm việc, thì ngủ bên cạnh nhà xí.

Tôn giả Ca-chiên-diên nói với bà lão:

- Bà hãy giữ tâm chánh niệm, làm việc chăm chỉ, cung kính hầu hạ chủ nhân, chớ sanh lòng hiềm thù, oán giận, đêm đến, khi mọi người đều đã ngủ, hãy nhẹ nhàng mở cửa ra ngoài, tìm một nơi yên tĩnh, trải cỏ khô mà ngồi, tĩnh lặng và cung kính nghĩ nhớ đến hình tướng đức Phật, chớ có khởi tâm niệm ác.

Bà lão làm đúng theo lời dạy của Tôn giả Ca-chiên-diên, đến quá nửa đêm thì bà lão chết, được sanh lên cõi trời Đao-lợi (cõi trời thứ hai, trong sáu cõi trời Dục giới).

Sáng sớm ngày hôm sau, ông trưởng giả thức dậy, thấy bà lão nằm chết ngoài cửa, tức giận nói:

- Mụ già này vốn dĩ không được ngủ trong nhà, tại sao hôm nay lại chết ở chỗ này?

Bèn cho người dùng dây buộc chân lồi bà lão vút ngoài bãi tha ma.

Cùng lúc đó, trên cung trời Đao-lợi, vị Thiên tử hưởng hết phước báo cõi trời, chết đi, bà lão sanh thiên, thay thế vị trí của vị thiên tử này, sống trong cung điện tráng lệ trang nghiêm, có năm trăm thiên tử làm quyến thuộc.

Những người lợi căn thông minh sau khi chết sanh

lên cõi trời, họ tự nhiên nhớ biết nhân duyên sanh thiên của mình, còn những người độn căn ngu tối thì quên hết, chỉ biết thọ hưởng dục lạc.

Bà lão cũng vậy, sanh lên cõi trời, chỉ mãi vui dục lạc với năm trăm vị thiên tử, hoàn toàn không nhớ biết nhân duyên sanh thiên của mình.

Lúc đó, ngài Xá-lợi-phất cũng ở tại cõi trời Đao-lợi, biết rõ nhân duyên sanh thiên của vị thiên tử này, bèn hỏi:

- Thiên tử, ngài nhân phước gì mà được sanh lên đây?

- Bạch tôn giả, con không nhớ.

Khi ấy, ngài Xá-lợi-phất bèn dùng thần thông cho vị thiên tử nhớ biết tiền thân của mình, nhân duyên được Tôn giả Ca-chiên-diên chỉ dạy mà được sanh lên cõi trời.

Sau khi nhớ biết nhân duyên sanh thiên của mình, vị thiên tử liền đưa năm trăm vị thiên tử xuống nhân gian, đến bãi tha ma, đốt hương, rải hoa, cúng dường thi thể của bà lão.

Ánh sáng của các vị thiên tử sáng rực cả khu rừng,

ông trưởng giả thấy ánh sáng kì lạ, gọi mọi người cùng nhau đến xem, tới nơi, thấy các vị thiên tử đang cúng dường thi thể của bà lão. Ông bèn hỏi:

- Mụ già này vừa hôi vừa bẩn, lúc còn sống chẳng ai muốn gặp mụ ấy, huống gì nay đã chết. Tại sao các ngài lại cúng dường cái xác chết này?

Vị thiên tử kể lại tường tận nhân duyên sanh thiên của bà lão cho mọi người nghe, rồi cùng mọi người đến đánh lễ Tôn giả Ca-chiên-diên.

Khi ấy, Tôn giả Ca-chiên-diên vì các vị thiên tử và mọi người mà dạy về pháp bố thí, trì giới, pháp sanh thiên, tham dục chính là pháp bất tịnh, chỉ có xuất ly tam giới mới là cái vui chân chánh.

Nghe xong, vị thiên tử cùng năm trăm quyền thuộc liền xa lìa trần cấu, đắc pháp thanh tịnh, từ tạ bay về cõi trời.

Những người còn lại chứng được sơ quả đến tứ quả, mọi người đều hoan hỉ, cung kính thọ trì, đánh lễ lui về.

Câu chuyện này kể về chuyện một bà lão xuất thân nghèo túng bần hàn, lại gặp phải chủ nhân tham lam độc ác, từ sáng đến tối làm việc cực nhọc, ăn không đủ

no, áo không đủ mặc, cuộc sống khốn khổ khôn lường. Nhân duyên lành, được gặp Tôn giả Ca-chiên-diên, được ngài dạy cho pháp bán nghèo.

Bà lão hỏi tôn giả:

- Cái nghèo làm sao mà bán đi được? Ai mà chịu mua lấy cái nghèo.

Tôn giả Ca-chiên-diên dạy bà lão tắm gội sạch sẽ, dùng tâm thanh tịnh mà bố thí, thọ trì trai giới, không khởi niệm ác, niệm sân hận, giữ tâm chánh niệm, chuyên tâm niệm Phật. Bà lão dùng tâm thanh tịnh cúng dường tôn giả, gieo trồng cội phúc cung kính, không khởi tâm niệm ác, sau khi chết được sanh lên cung trời Đao-lợi hưởng phước vui cõi trời.

Người sống ở đời, ai cũng muốn được giàu có, nhưng muốn được quả báo giàu có thì phải gieo trồng hạt giống giàu có. Theo đạo Phật, hưởng được phước báu giàu có là do nhân duyên gieo trồng công đức bố thí, nếu quá khứ đã gieo trồng hạt giống bố thí rồi, thì đời này phải nỗ lực làm việc đúng pháp, trợ duyên làm thêm lớn phước lành. Nhân duyên hội đủ mới có thể hưởng được phước báo. Hiện đời nếu làm việc phi pháp như lừa đảo, trộm cướp, bóc lột... thì phải biết rằng, ta đang gieo hạt giống khổ đau, sau này chắc

chấn sẽ nhận lấy quả báo khổ đau.

Đạo Phật chỉ rõ: Tài có hai loại, một là tiền tài vật chất, hai là pháp tài công đức. Tiền tài vật chất chỉ trợ duyên nuôi sống thân mạng, cải thiện cuộc sống của chúng ta. Pháp tài công đức nuôi dưỡng huệ mạng mới là trợ duyên cho hành giả đạt đến cứu cánh giải thoát. Vậy pháp tài công đức là những gì? Pháp tài công đức chính là tu tập giới định tuệ, là tư lương trên con đường tu tập giải thoát của mỗi hành giả.

Bồ thí gồm có hai loại: Tài thí và pháp thí. Thực hành tài thí thì sẽ được giàu có, thực hành pháp thí thì sẽ được pháp tài công đức. Việc hoằng dương chánh pháp hay hộ trì chánh pháp, làm cho chánh pháp được truyền bá rộng rãi, làm cho chánh pháp trụ lâu dài ở đời, những việc làm này chính là thực hành pháp thí. Muốn đạt được pháp tài công đức, tu tập giới định tuệ, thì chúng ta cần phải thân cận thiện tri thức, lắng nghe chánh pháp, suy nghĩ đúng pháp, thực hành đúng pháp, gieo trồng các căn lành như thế thì chắc chắn chúng ta sẽ gặt hái quả báo thù thắng.

Trên đây là những điều tôi muốn chia sẻ cùng đại chúng, mong chúng ta cùng nhau cố gắng.

*Lớp giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,  
ngày 16.04.2014*

## 11. GIEO RUỘNG PHƯỚC THÌ ĐƯỢC PHƯỚC ĐỨC, KHÔNG NÊN PHÂN BIỆT NGƯỜI GIÀ HAY TRẺ

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa quý Phật tử!

Hôm nay, tôi xin chia sẻ với quý vị một câu chuyện trong kinh điển. Câu chuyện này được trích từ *kinh Đại tạng nghiêm luận*, trong Đại Chánh tạng, quyển 4, trang 261a19-262c2, tên là ‘Gieo ruộng phước thì được phước đức, không nên phân biệt người già hay trẻ’.

Từng nghe rằng, trước đây có các thí chủ nhờ những vị tu hành mà họ quen biết, đến chùa cung thỉnh chư tăng về nhà, để cho họ được thành tâm cúng dường. Có điều, họ chỉ thỉnh những vị lớn tuổi, mà không mời những vị tăng trẻ tuổi. Trong lần được tín chủ cung thỉnh dự ứng cúng này, đúng ra là đến lượt các sa-di, nhưng ngặt nỗi, họ không được mời.

Các vị sa-di hỏi:

- Tại sao không mời những sa-di như chúng tôi?

Những vị tu hành đó trả lời:



- Đây là do tín chủ không mời, chứ không phải ý của chúng tôi.

Tiếp đó, các vị tu hành liền nói một đoạn kệ, đại ý như sau:

“Những vị tu hành lớn tuổi thường có đức hạnh: Đầu tóc bạc trắng, đầy nếp nhăn, lông mày dài, răng thì cái có cái không, lưng còng, chân tay thì chậm chạp. Các thí chủ họ thích những vị có diện mạo như vậy, chứ họ không muốn nhìn thấy những người trẻ tuổi”.

Lúc này, ở trong chùa có một nhóm sa-di đều đã chứng A-la-hán. Cũng giống như có người muốn chọc gan hùm, muốn leo lên lưng cọp, khiến cho nó gầm gừ dữ dội. Các vị sa-di đó liền nói:

- Vị thí chủ này đúng là ngu muội vô tri, không biết nghĩ đến phước đức cúng dường, chỉ chạy theo tướng mạo bên ngoài của các vị lớn tuổi.

Lúc này, những sa-di liền nói kệ rằng:

“Gọi là trưởng lão, không nhất định là những vị đầu bạc răng long, khuôn mặt toàn nếp nhăn, bởi vì những người như thế này có kẻ là ngu si, không có trí tuệ. Chính những vị có phước đức, đoạn trừ các ác nghiệp, phạm hạnh thanh tịnh, được người đời kính

trọng, các vị đó mới thật sự là bậc trưởng lão. Nếu như có người phỉ báng chúng ta, chúng ta cũng không nên khởi lên tâm xem thường họ. Nếu như có người tán dương chúng ta, chúng ta cũng không vì đó mà khởi lên tâm đặc biệt được cung kính, hoặc vui mừng. Thế nhưng, bởi vì chúng ta còn trẻ mà làm cho thí chủ khởi lên tâm khinh mạn, khiến cho thí chủ mang tội. Thí chủ lại đối với ruộng phước của tăng chúng mà khởi lên tâm phân biệt trên dưới, tốt xấu, rồi hủy báng. Chúng ta nên nhanh chóng đến để thức tỉnh thí chủ đó, đừng để vì chuyện này mà khiến cho họ phải đọa vào ác đạo”.

Các vị sa-di đó liền dùng thân thông biến dung mạo của mình thành những vị lớn tuổi, đầu bạc trắng, mặt đầy nếp nhăn, lông mày dài, răng cái có cái không, lưng còng, tay chống gậy, đi đến nhà của vị thí chủ đó. Vị thí chủ vừa nhìn thấy, lòng rất hoan hỷ, hạnh phúc, liền lên hương đèn, rải hoa để cung thỉnh các vị lớn tuổi an tọa. Chỉ được một lúc sau, những vị lớn tuổi đang an tọa ở trên ghế bồng chốc biến trở về diện mạo của các vị sa-di. Thí chủ nhìn thấy vô cùng kinh ngạc và lo sợ, lòng nghĩ: “Tại sao có thể như vậy được chứ? Chẳng lẽ các vị này uống được nước trời, nên bồng chốc dung mạo trẻ ra?”.

Lúc này, các vị sa-di liền nói:

- Chúng tôi không phải là dạ-xoa, cũng không phải là ác quỷ la-sát. Vì ông chỉ chọn cúng dường các vị lớn tuổi, có tâm phân biệt sang hèn, cao thấp đối với ruộng phước của tăng chúng, như thế sẽ thất tổn thiện căn của ông. Cho nên, chúng tôi mới biến hiện ra như vậy, hy vọng là có thể làm cho ông biết hối cải.

Rồi họ liền nói kệ rằng:

“Không thể dùng miệng của con muỗi để uống hết nước của biển cả; cũng vậy, ở thế gian này, không ai có thể đo lường được công đức của Tăng chúng. Tất cả mọi người ở thế gian này đều không thể đo đếm được công đức của Tăng chúng, huống hồ gì là một mình thí chủ. Vậy ông dám đứng ra làm cái việc đo lường công đức rộng lớn của tăng chúng.

Các sa-di nói tiếp:

- Bây giờ ông không nên so đo hình tướng bên ngoài lớn nhỏ, già trẻ của tăng chúng. Người học đạo, không nên xem hình tướng bên ngoài của người khác, mà nên xem trọng trí tuệ của họ. Có những người tuy tuổi còn trẻ, nhưng đã đoạn trừ được tất cả phiền não, đạt được thánh đạo. Ngược lại, có những vị tuổi tuy

lớn, nhưng lại phóng dật, giải đãi, không tinh tấn, những vị như vậy mới thực sự gọi là trẻ tuổi. Những suy nghĩ và hành động của ông không thỏa đáng chút nào, giống như muốn dùng bàn tay ngăn ngừa để mò tìm xuống tận đáy biển, là việc không thể nào làm được; ông cũng giống như vậy, muốn đem trí tuệ nông cạn của ông mà đo lường về phước điền, hi vọng biết được sự hơn kém về công đức của Tăng chúng. Chẳng lẽ ông chưa nghe qua lời dạy của Như Lai về bốn hạng người không được xem nhẹ hay sao? Đó là: Vị thái tử nhỏ, con rắn nhỏ, đóm lửa nhỏ, và chú sa-di nhỏ, tất cả đều không được xem thường. Thế Tôn cũng đã từng ví dụ về quả đào, có quả bên trong còn sống, nhưng bên ngoài nhìn thì đã chín, có quả nhìn bên ngoài thì sống, nhưng bên trong thì đã chín. Vì vậy, không được tùy tiện đo lường sự sang hèn hay cao thấp của tiền nhân. Chỉ trong vòng một niệm, có thể đắc đạo. Giờ ông đã phạm một sai lầm lớn, nếu mà còn có nghi vấn thì ông cứ nói ra. Từ nay về sau, không được có tâm phân biệt đối xử đối với ruộng phước của Tăng chúng.

Các vị sa-di liền nói kệ rằng:

“Công đức của tăng chúng như biển lớn, không ai có thể đo lường được, ngay đến đức Phật cũng còn khởi tâm hoan hỷ, tôn trọng đối với công đức của tăng

chúng, dùng trăm bài kệ để tán tụng, hướng hồ gì là chúng ta! Như vậy, làm sao chúng ta không xưng tụng và tán dương công đức của tăng chúng được chứ? Trong ruộng phước tốt lành rộng lớn của tăng chúng, gieo giống tuy ít, nhưng thu hoạch thì nhiều vô kể. Chúng Tăng, đệ tử của Phật là một trong Tam bảo, cho nên, chúng ta không nên lấy hình tướng bên ngoài mà nhìn người. Không thể chỉ dựa vào tên tuổi họ hàng, tướng mạo oai nghi, lời nói êm dịu, chưa xét được đức hạnh bên trong, mà chỉ xem vẻ bên ngoài rồi khởi lên tâm sùng kính và ngưỡng mộ.

Có nhiều người, nhìn bên ngoài tuy trẻ trung, nhưng thật ra, họ vô cùng thông minh, có trí tuệ hơn người, có phẩm hạnh cao tốt. Chưa biết được phẩm tính bên trong của họ như thế nào mà đã sinh tâm khinh mạn, như vậy thì không được. Cũng giống như trong rừng rậm, có hương thơm của cây sơn chi, thì cũng có mùi hôi nồng nặc của y lan. Giữa các loài cây còn có cao thấp, lớn nhỏ không đồng đều, nhưng nếu được gọi là ‘rừng’ thì không có khác biệt gì hết. Trong tăng đoàn, tuy có người lớn kẻ nhỏ, nhưng cũng không vì vậy mà sinh tâm phân biệt. Lúc ngài Ca-diếp muốn đi xuất gia, ngài đã vứt bỏ hết áo quần hoa lệ. Trước đó, ngài giàu có đến nỗi, nếu lấy một bộ y phục xấu nhất, tẻ nhất trong tủ áo quần của ngài, thì giá trị cũng đã vài

lượng vàng. Ruộng phước của tăng chúng cũng giống như vậy, dù cúng dường cho chúng Tăng một phần, thì cũng đạt được thiện quả gấp mười lần như vậy. Giống như biển lớn không dung chứa nổi một xác trôi, trong tăng chúng cũng vậy, không dung chứa những người hủy hoại cấm giới. Trong lớp phàm tăng, dù cho những người có thân phận thấp nhất, ít giữ gìn giới luật nhất, nhưng nếu có thể cung kính cúng dường cho họ, thì cũng đạt được công đức lớn. Cho nên, đối với tăng chúng, dù cho già trẻ, lớn nhỏ, chúng ta nên cúng dường bình đẳng, không nên khởi lên tâm phân biệt đối xử”.

Sau khi vị thí chủ nghe xong những lời này, toàn thân run rẩy, liền sụp xuống lễ lạy, cầu xin sám hối:

- Kẻ phàm phu ngu muội đã gây ra nhiều lỗi lầm, xin các ngài chấp nhận lời sám hối của con. Tất cả những nghi hoặc, xin các ngài giải đáp cho con.

Rồi ông liền nói kệ rằng:

“Các ngài có đại trí tuệ, có thể đoạn trừ tất cả những nghi hoặc mê lầm, nếu con không nhân cơ hội này mà thỉnh giáo, thì quả thật là thiếu trí tuệ”.

Lúc này, các vị sa-di liền trả lời:

- Thí chủ cứ hỏi, chúng tôi sẽ trả lời.

Thí chủ hỏi:

- Bạch Đại Đức! Kính tin Phật và kính tin tăng, cái nào là thù thắng hơn?

Sa-di đáp:

- Chẳng lẽ ông không biết có Tam bảo hay sao?

Thí chủ hỏi:

- Bây giờ con tuy biết Tam bảo, nhưng trong Tam bảo chẳng lẽ không có cái nào là thù thắng hơn cả sao?

Sa-di trả lời:

- Tôi không khởi tâm phân biệt đối với Phật bảo và tăng bảo!

Liên nói kệ rằng:

“Có một vị thuộc giai cấp Bà-la-môn, tên là Đột-la-xà, thường có những lời lẽ hủy báng hay tán thán Phật, nhưng Phật đối với hai việc trên không hề có một niệm lay động. Ông ấy dâng thức ăn lên cúng dường Như Lai, Như Lai đã không nhận, thì trong tam giới càng không có một chúng sanh nào có thể tiêu thụ

được. Phật bảo vị Bà-la-môn mang thức ăn cúng dường Như Lai vớt xuống dòng nước, lập tức, khói và lửa bốc lên ngàn ngạt. Di mẫu Kiều-đàm-di muốn dâng pháp y cúng dường Phật, Phật bảo hãy mang cúng dường cho tăng chúng. Vì câu chuyện này mà biết được Tam bảo là giống nhau, không hề sai khác.

Sau khi nghe xong, thí chủ liền nói:

- Nếu như Phật và tăng chúng không khác, vì sao lại mang thức ăn vớt xuống dòng nước mà không cúng dường cho tăng chúng?

Sa-di liền trả lời:

- Như Lai không hề có ý luyện tiếc thức ăn, là vì Ngài có ý làm như vậy để hiển bày ra sức công đức của tăng chúng. Vì sao như vậy? Phật quán xét thấy thức ăn cúng dường Như Lai này, trong tam giới không một chúng sanh nào có thể tiêu thụ được, vớt xuống dòng nước, nước phát ra lửa. Nếu Phật đổi sang bố thí cho tăng chúng, tăng chúng ăn vào mà không hề hấn gì, có thể tiêu thụ. Thế nhưng, bà Kiều-đàm-di đặc biệt chuẩn bị một pháp y để dâng cúng Phật, nhưng Phật lại muốn Kiều-đàm-di cúng lại cho tăng chúng, sau khi tăng chúng thọ nhận cũng không hề hấn gì. Vậy mới biết, tăng chúng có công đức lớn, có tiếng thơm lành, nên



Phật và tăng không hề sai khác.

Sau đó, thí chủ nói:

- Từ nay về sau, đối với tăng chúng, dù cho già trẻ lớn nhỏ, con đều cung kính như nhau, không khởi tâm phân biệt.

Sa-di đáp:

- Nếu ông có thể làm được như vậy, ngày thấy đạo của ông sẽ không còn xa.

Sau đó, các vị sa-di liền nói kệ rằng:

“Đa văn và trì giới, thiên định và trí tuệ, có thể hướng đến tam thừa Thanh văn, Duyên giác và Phật, có thể hướng đến đạo quả, đạt được đạo quả (Thanh văn có bốn hướng và bốn quả).

Giống như sông Tân-đầu chảy ra biển lớn, chư Hiền thánh cũng như vậy, cùng nhập vào biển lớn Tăng chúng.

Tỷ như trong núi Tuyết có đầy đủ các loại thảo dược, như trong ruộng tốt có thể làm cho các hạt giống được sinh trưởng và phát triển, cũng vậy, những bậc có trí tuệ đều được hun đúc từ trong Tăng chúng mà ra”.

Sau khi nói kệ xong, các vị sa-di liền nói tiếp:

- Này thí chủ! Chẳng lẽ ông chưa từng được nghe trong kinh có nói đến ba vị thiện nam tử là A-na-luật, Nan-đề, Kim-tì-la sao? Có vị đại tướng quý thần tên là Ca-phù bạch với đức Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Tất cả các thế giới, bất luận là trời, người, ma, Phạm, v.v., nếu lúc nào trong lòng cũng nghĩ đến ba vị thiện nam tử này, thì đều có thể đạt được lợi ích và an lạc. Trong tăng chúng chỉ cần nghĩ nhớ đến ba vị này thì đều đạt được lợi ích, hướng hồ là nghĩ nhớ đến đoàn thể tăng-già!”.

Sau khi nói xong, các sa-di lại nói tiếp kệ rằng:

“Bốn người trở lên mới được gọi là tăng, ba người thì cũng chưa được gọi là tăng-già, lòng nghĩ nhớ đến ba vị này thì đã được lợi ích, giống như vị đại tướng quý thần đã nói: “Chưa cần nghĩ nhớ đến đoàn thể tăng-già có bốn người trở lên, chỉ cần nghĩ nhớ đến ba người như A-na-luật thì đã có được lợi ích lớn, hướng hồ gì là nghĩ nhớ đến đoàn thể tăng-già có bốn người trở lên!”.

Cho nên, ông phải biết tất cả các công đức đều được bắt nguồn từ trong tăng chúng.

Cũng giống như rồng lớn làm mưa, chỉ có biển cả mới dung chứa nổi, tầng chúng cũng như vậy, có thể thừa tiếp được mưa chánh pháp.

Vì vậy, ông nên một lòng nghĩ nhớ đến tầng chúng, vì những tầng chúng như thế, chính là nơi tập hợp của tất cả những con người thiện, là một chúng đã đạt được giải thoát.

Tầng chúng giống như một đội quân hùng mạnh, có thể đánh dẹp tất cả các ác ma, oán tặc, kẻ địch. Những tầng chúng như thế, là nơi tập hợp của trí tuệ thù thắng.

Tất cả mọi điều lành, đều được làm ra trong tầng đoàn, hướng đến Thanh văn, Duyên giác và Phật thừa để được giải thoát, là bạn của kẻ chiến thắng phiền não ma quân”.

Sau khi sa-di nói kệ tán dương tầng chúng xong, thí chủ và quyến thuộc của ông ta trong lòng rất vui mừng và đều đạt được sơ quả Tu-đà-hoàn.

**Trong câu chuyện này, có vài chỗ đáng cho chúng ta thức tỉnh:**

Phật dạy: “Không được xem thường hoàng tử nhỏ, con rắn nhỏ, đóm lửa nhỏ, và chú sa-di nhỏ”. Nếu đắc

tội với vị hoàng tử nhỏ, hoặc bị con rắn nhỏ cắn, tất cả đều có khả năng dẫn đến mất mạng. Một đóm lửa nhỏ cũng có thể thiêu đốt cả cánh rừng, cũng như vậy, không được thấy vị sa-di nhỏ tuổi mà xem thường. Đối với tăng chúng, bất luận là già trẻ, lớn nhỏ, chúng ta cũng không được khởi lên tâm phân biệt, cần phải cúng dường một cách bình đẳng.

Đức Phật cũng đưa ra ví dụ về trái đào, có trái bên trong thì sống mà bên ngoài nhìn thì như đã chín, có trái bên trong tuy đã chín, nhưng bên ngoài thì như còn non. Tăng chúng cũng như vậy, có người trong tâm còn phiền não rất nhiều, nhưng bên ngoài thì vô cùng uy nghi; có người trong tâm thanh tịnh, đã thành tựu được tất cả các công đức, nhưng bên ngoài thì không được trang nghiêm. Cho nên, không được tùy tiện phê bình người khác, mà nên tôn trọng đức hạnh tu tập, chứ không nên chỉ nhìn bên ngoài mà phán đoán. Nếu nhìn bên ngoài mà phê bình này nọ, thì chỉ tự làm tổn đức mình, lỗi lầm sẽ ngày một thêm lên mà thôi!

Trong kinh có nói:

*Nếu có người có thể nghĩ nhớ đến ba vị tì-kheo: A-na-luật, Nan-đề và Kim-tì-la thì đạt được lợi ích an lạc.*

Vì sao đặc biệt nhắc đến ba vị tì-kheo này? Câu chuyện này xuất phát từ *kinh Ngưu giác Ta-la lâm* trong *Trung a-hàm*, nói về ba vị tì-kheo sống hòa hợp không bao giờ tranh cãi. Nếu như có người khát thực về trước, nhìn thấy chậu nước hết thì sẽ tự động đi múc, nếu có nhiều đồ ăn thì sẽ phân cho các tì-kheo khác cùng ăn.

Đức Phật hỏi họ:

- Cuộc sống của các vị an ổn chứ? Có thiếu thốn gì không?

Ba người đồng thanh trả lời:

- Thân, khẩu, ý của chúng con đều hướng về từ bi, nên cuộc sống rất an ổn, không thiếu thốn gì. Chúng con đều có thể làm chủ được bản thân, tùy thuận tất cả các hiền giả.

Vì ba tì-kheo này luôn tán thán các tì-kheo khác, hòa hợp không bao giờ có sự tranh cãi, tu tập cũng rất siêng năng, nên đều chứng được quả vị A-la-hán. Đức Phật dạy: “Bốn người trở lên mới được gọi là tăng. Chỉ cần nghĩ nhớ đến ba người A-na-luật thì có thể đạt được lợi ích lớn. Huống hồ là nghĩ nhớ đến đoàn thể tăng-già có bốn người trở lên”.

Chúng ta nghĩ mà xem, dốc toàn sức lực để tu hành chưa chắc đã thành tựu, huống hồ còn phân tâm đi tranh cãi, như vậy thì càng không có hy vọng.

Trong kinh còn nhắc đến câu chuyện Kiều-đàm-di muốn dâng ca-sa cúng dường Phật, Phật dạy bà mang đi cúng dường chúng Tăng. Kiều-đàm-di là di mẫu của đức Phật, mẹ của Ngài sau khi sinh Ngài ra thì bà đã vãng sanh, nên do một tay di mẫu Kiều-đàm-di nuôi dưỡng. Sau khi Thế Tôn thành Phật, Ngài trở về nơi chôn nhau cắt rốn để hóa độ cho dòng tộc Thích-ca. Di mẫu của Ngài vô cùng vui mừng, chuẩn bị trước một ca-sa bằng tơ vàng để dâng cúng dường Phật. Kết quả, Phật dạy mang dâng cúng cho chúng Tăng. Di mẫu buồn bã, bạch Phật rằng:

- Đây là chiếc áo mà tôi đặc biệt dâng lên cúng dường Ngài, vì sao Ngài không nhận?

Phật trả lời rằng:

- Ta biết di mẫu muốn tốt cho Ta, nhưng dùng tâm yêu thương ràng buộc để bố thí cúng dường, thì phước đức không được rộng lớn. Nếu di mẫu không dùng tâm yêu thương ràng buộc, mà dâng cúng dường chúng Tăng, thì phước đức sẽ rộng lớn hơn rất nhiều.

Những câu chuyện như vậy ở trong *luận Đại trí độ* cũng có nói đến, cụ thể là trong Đại Chánh tạng, quyển 25, trang 224a-225c.

*Luận Đại trí độ* ghi: Ngoài ‘niệm Phật, niệm pháp’ ra, cần phải ‘niệm tăng’, vì chúng Tăng là người dẫn đường và cũng là bạn của chúng ta trên con đường hướng đến niết-bàn. Trước đây, những người bầu bạn với ta thường là bạn ác, hoặc vợ, chồng, con cái, kết quả không hướng đến con đường niết-bàn giải thoát, mà là hướng đến ba ác đạo. Bây giờ có thể làm bạn với chúng Tăng, mọi người cùng nhau tu tập kiến hòa đồng giải, giới hòa đồng tu, có thể an ổn đạt được niết-bàn, nên phải nên hoan hỷ, vui mừng.

Trong kinh nói:

*Phật như vị lương y, pháp như liều thuốc hay,  
tăng như người chăm bệnh.*

Phật giống như vị y vương, pháp như liều thuốc hay, tăng là người hộ lý, hay nhân viên kỹ thuật. Tăng chúng như người chăm sóc bệnh nhân, có thể giúp đỡ chúng ta đoạn trừ tất cả bệnh phiền não, như thế cũng là một trợ duyên rất tốt, cho nên chúng ta phải trân trọng.

**【144】 — Phước huệ tập 7**

Từ câu chuyện trên, mong mọi người cùng nhau cố gắng.

*Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,  
ngày 09.01.2016*



## 12. ĐỒ TẼ CÚNG DƯỜNG PHẬT, THIỆN ÁC KHÔNG THỂ THAY NHAU LÃNH THỌ QUẢ BÁO

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa quý Phật tử!

Hôm nay tôi xin được chia sẻ cùng quý vị một câu chuyện Phật giáo, câu chuyện này được trích từ *kinh Pháp cú thí dụ*, trong Đại Chánh tạng, quyển 4, trang 593c6-594a2.

Vào thời quá khứ, lúc đức Phật ở tại nước Xá-vệ, có năm trăm vị Bà-la-môn thường muốn tìm cơ hội phỉ báng Phật.

Phật đã thành tựu ba loại trí tuệ là thiên nhãn minh, túc mạng minh, lậu tận minh, nên có khả năng nhìn thấy rõ tâm người khác. Phật mặc dù với tâm đại bi, muốn hóa độ những vị Bà-la-môn này, nhưng quả báo của họ còn chưa chín muồi, nhân duyên vẫn chưa đến. Khi thời gian kết thành quả của tất cả tội báo, phước báo đã đến, tương ứng với nghiệp nhân mà họ đã tạo, nhất định sẽ nhận lãnh tội báo hoặc phước báo. Những vị Bà-la-môn này trong quá khứ đã có một ít phước đức, nên có thể sẽ được hóa độ, bởi phước đức này sẽ

dẫn dắt họ khiến tạo nhân duyên tương ưng.

Năm trăm vị Bà-la-môn này cùng nhau thảo luận:

- Cần tìm một vị đồ tể, nhờ anh ta sát sanh, và rồi thỉnh mời Phật và chúng Tăng đến cúng dường. Phật nhất định sẽ nhận lời mời thỉnh và khen ngợi đồ tể, chúng ta sẽ đến trước mặt Phật để cười chê, phỉ báng Phật.

Bảy giờ, đồ tể liền nhận lời Bà-la-môn, thỉnh Phật đến cúng dường. Phật tiếp nhận lời mời, đồng thời nói với đồ tể rằng:

- Quả đã chín muối, tự nhiên sẽ rơi rụng; phước báo thành thực, tự nhiên sẽ được hóa độ.

Sau khi về nhà, đồ tể liền chuẩn bị đồ ăn thức uống cúng dường Phật. Đức Phật dẫn các vị đệ tử đến thôn đồ tể, vào trong nhà thí chủ.

Những vị Bà-la-môn này, lớn nhỏ hết thấy đều rất vui mừng, nghĩ: ‘Hôm nay, cơ hội thích hợp cuối cùng đã đến, chúng ta có thể cười chê, phỉ báng Phật rồi! Nếu Phật khen ngợi đồ tể có phước đức, chúng ta sẽ dẫn việc đồ tể từ trước đến nay sát sanh vô số, tạo rất nhiều nghiệp tội để che cười phỉ báng Phật. Nếu Phật nói về các tội ác của đồ tể từ trước đến nay, chúng ta sẽ

đem việc đồ tể cúng dường Phật có được phước đức để hỏi vặn Phật. Hai cách này này đều có thể dùng để cười chê, phỉ báng Phật. Hôm nay, cơ hội thích hợp cuối cùng đã đến’.

Đức Phật đến nhà thí chủ, sau khi Phật ngồi xuống, đồ tể rót nước mời Phật rửa tay, rồi đích thân dâng lên vật thực cúng dường Phật. Bấy giờ, Thế Tôn quán sát tâm niệm của đại chúng, biết được trong chúng có những người nào có thể hóa độ. Ngài bèn hiện tướng lưỡi rộng dài, dùng lưỡi có thể che trọn khuôn mặt, liếm đến lỗ tai, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp cả thành; tiếp đó dùng Phạm âm thanh tịnh nói một đoạn kệ tụng chúc phúc đại chúng, đại ý như sau:

‘Như lời Thánh nhân dạy, người xuất gia thực hành đạo chân chánh (tu hành, khát thực) để duy trì cuộc sống. Người ngu si lại khởi tâm đố kỵ, thấy người khác làm thiện, tu đạo lại muốn phá hoại.

Làm việc ác, tự nhận lãnh quả báo khổ; như trồng hạt giống đắng chát thì gặt lấy quả đắng chát. Làm việc ác, tự mình phải nhận lãnh tội báo; làm việc thiện, tự mình thọ hưởng phước báo.

Quả báo của tội này và phước này đều tự thành thực, nào ai có thể thay thế ai lãnh thọ. Làm việc thiện

được quả báo thiện, như trồng xuống hạt giống tốt thì được quả ngọt ngon’.

Sau khi Phật nói xong đoạn kệ tụng này, năm trăm vị Bà-la-môn khai mở tâm ý, bước về phía trước, năm vốc gieo sát đất đánh lễ đức Phật, chấp tay bạch Phật:

- Chúng con kém cỏi, ngu độn, không đủ trí huệ, chưa thể hiểu thấu lời Thế Tôn dạy. Xin Ngài thương xót giáo hóa chúng con, cho chúng con được theo Ngài xuất gia làm sa-môn.

Phật từ bi hứa khả, tiếp nhận các vị ấy làm sa-môn.

Người già trẻ trong thôn, thấy được thần thông biến hóa của Phật, đều rất ngạc nhiên, vui mừng; mọi người đều chứng được Kiến đạo<sup>8</sup>, được gọi là Hiền thánh, không còn làm nghề sát sanh, cũng không còn ai gọi là đồ tể.

Đức Phật dùng cơm xong, về lại tinh xá.

### **Câu chuyện này nhắc đến việc:**

Có người thấy người khác làm thiện tích đức, bản thân đã không tùy hỷ khen ngợi, mà lại thích thú phi

---

<sup>8</sup> Kiến đạo 見道: Đối với Thanh văn thừa, Kiến đạo tức là quả Tu-đà-hoàn; đối với Bồ-tát thừa, Kiến đạo là giai vị Chánh định tụ, tức Bồ-tát Sơ địa.

báng người khác. Như các vị Bà-la-môn trong câu chuyện này vốn không có ý tốt, tìm một vị đồ tể cúng dường Phật, mượn cơ hội này để hỏi vặn, muốn khiến Phật khó xử. Trong tâm các vị Bà-la-môn nghĩ: “Sau khi Phật tiếp nhận sự cúng dường của đồ tể, nếu Phật khen ngợi đồ tể có phước đức, thì chúng ta sẽ chê cười phỉ báng Phật rằng: ‘Đồ tể sát sanh vô số, vì sao có được phước đức chứ?’. Ngược lại, nếu Phật nói sát sanh là có tội, chúng ta sẽ hỏi vặn Phật: ‘Đồ tể tuy tạo nghiệp sát, nhưng hôm nay cúng dường Phật nên được phước chứ! Chẳng lẽ không có phước đức ư?’.

Sự trả lời của Phật vượt tầm suy tính của những vị Bà-la-môn này. Phật nói:

- Tạo nghiệp ác thì nhận lấy tội báo, tích tập nghiệp thiện thì thọ nhận phước báo; quả báo của tội và phước đều tự thành thực, không thể nào thay thế cho nhau. Giống như những loại hạt giống khác nhau được gieo xuống đất, tùy theo nhân ban đầu mà quả kết thành có sai biệt, hoặc đắng chát, hoặc ngọt ngon.

Nói cách khác, đồ tể tạo nghiệp sát sẽ nhận tội báo; nhưng đồ tể cúng dường Phật cũng có thể được phước báo; thiện ác và tội phước nên phân biệt rõ ràng.

Ngoài ra, *Lục tổ đàn kinh* cũng nói:

*Người mê tu phước không tu thiện,*

*Chỉ nói tu phước chính là đạo;*

*Bồ thí, cúng dường, phước vô biên,*

*Tâm khởi ba ác mãi gây tạo.*

*Nghĩ rằng tu phước tội sẽ tiêu,*

*Đòi sau được phước, tội vẫn theo.*

Ý của bài kinh trên muốn nói: Người ngu si chỉ biết tu phước, ngược lại chẳng hiểu cần phải tu đạo (không biết tu giới, định, huệ); cho rằng tu phước chính là tu đạo, hiểu nhầm rằng tu một ít phước đức có thể tránh trừ quả báo khổ của việc làm ác trong quá khứ. Thí như có người giết người khác, trong lòng nghĩ: “Tôi bồ thí một ít tiền của thì có thể lập công chuộc tội”. Thật sự chẳng biết rằng, bồ thí cúng dường tuy có thể được phước đức, nhưng mà người ngu si vẫn đầy ắp ba độc tham, sân, si, tạo rất nhiều nghiệp ác. Có người muốn tu phước để diệt trừ tội nghiệp đã tạo, đòi sau tuy được phước báo, nhưng tội nghiệp vẫn tồn tại, khi nhân duyên tụ hội vẫn phải chịu quả báo khổ. Quả báo được tạo nên của hai loại nghiệp thiện và ác có sự sai khác, không thể thay thế cho nhau.

Lúc Phật giáo bàn về nhân quả, nghiệp báo, cũng sẽ nhắc đến ‘dẫn nghiệp’ và ‘mãn nghiệp’.

‘Dẫn nghiệp’ là một loại nghiệp lực vô cùng mạnh mẽ, dẫn dắt chúng sanh nhận lấy quả báo nhất định ngay lúc lâm chung, thọ thân vào trong sáu cõi: Trời, người, a-tu-la, ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục. Năng lực của loại nghiệp này vô cùng mạnh mẽ, nên gọi gọi là ‘dẫn nghiệp’. Năng lực của ‘mãn nghiệp’ không mạnh mẽ như ‘dẫn nghiệp’, nhưng sẽ ảnh hưởng đến thân quả báo chiêu cảm có viên mãn hay không; thí như sáu căn có đầy đủ hay không, tướng mạo có trang nghiêm hay không, âm thanh có ưu mỹ hay không v.v., loại nghiệp này gọi là ‘mãn nghiệp’.

*Luận Câu xá* nêu một thí dụ, thí như có một họa sĩ, trước tiên dùng một màu đơn nhất phát thảo một hình trạng, sau khi hoàn thành phần ngoại hình sẽ thêm vào các sắc màu khác. ‘Dẫn nghiệp’ giống như dùng màu sắc đơn nhất, vẽ nên hình của một người hoặc một loài súc sanh; ‘mãn nghiệp’ giống như việc thêm vào các sắc màu khác nhau, tạo thành các sắc thái đẹp, xấu không giống nhau. Ngay cả mọi người cùng là thân người nhưng tướng mạo, âm thanh, thể lực, cho đến tính cách, tài năng của mỗi một người đều không giống nhau; đây là sự khác nhau do ‘mãn nghiệp’ tạo nên.

Cho nên, chúng ta cần lưu ý rằng tuy làm cùng một công việc, nhưng sự phát tâm, hành vi của thân và miệng, chỉ một sai khác rất nhỏ, đều sẽ chiêu cảm quả báo không giống nhau. Hi vọng mọi người đều có thể giữ gìn chánh niệm, chánh tri, thận trọng trong từng lời nói và việc làm.

Những điều trên đây, xin được chia sẻ cùng mọi người, chúng ta cùng nhau cố gắng!

*Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,  
ngày 16.05.2015*



### 13. KINH PHẬT THUYẾT VỀ BẢY NGƯỜI NỮ

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa quý Phật tử!

Hôm nay, tôi xin chia sẻ cùng với quý vị một câu chuyện Phật giáo. Câu chuyện này được rút ra từ *kinh Phật thuyết về bảy người nữ*, trong Đại Chánh tạng, quyển 14, trang 907c10-909b28.

Có một thời, đức Phật du hành ở trong vườn cây Phân-nho-đạt nước Câu-lưu, cùng với một nghìn vị A-la-hán, năm trăm vị Bồ-tát và chư thiên, rồng, quý thần.

Lúc đó, trong nước Câu-lưu có một vị Bà-la-môn tên là Ma-ha-mật rất tham lam keo kiệt, không tin Phật pháp. Ông ta rất giàu có, đủ cả các loại châu báu, trân bảo, trâu ngựa, ruộng vườn nhà cửa nhiều không thể tính đếm được. Do ông ta rất thông minh, không ai có thể sánh bằng, nên ông được làm thầy trong nước, thường xuyên có năm trăm đệ tử đi theo hầu cận, lại nhận được trọng đãi cung kính của các vị quốc vương, đại thần.

Vị Bà-la-môn này có bảy người nữ, mỗi người đều có tướng mạo đoan chánh, thông minh, lại có tài nói

năng lưu loát khéo léo. Các nàng này từ đầu đến chân đều đeo các loại trang sức kim ngân, châu ngọc, anh lạc trắng. Lúc nào cũng có năm trăm người nữ đi theo bên cạnh. Bảy người nữ này tính cách kiêu mạn, tự cao tự đại. Tự cho rằng bản thân mình đoan chánh, nên rất khinh thường người khác. Họ lại ỷ mình sinh trong nhà giàu có, tưởng là có thể sẽ được mãi mãi như vậy. Mỗi khi cùng họ với người dân trong nước tranh cãi đúng sai, thì lúc nào cũng được thắng.

Lúc đó, có một vị trưởng giả tên là Phân-nho-đạt, nghe những người nữ này rất xinh đẹp, đoan chánh, liền đến nhà Bà-la-môn nói :

- Các ông tự rêu rao khoe khoang trong nhà có người nữ rất đẹp, đoan chánh, tuy vậy, các ông phải nên dẫn các cô đó đi khắp cả nước để cho mọi người thấy. Nếu có người đứng dậy trách mắng những người nữ này, thì ông đưa cho tôi năm trăm lượng vàng. Nếu không có một người đứng dậy trách mắng, thì tôi sẽ đưa cho ông năm trăm lượng vàng.

Bà-la-môn trả lời :

- Được!

Sau đó, suốt chín mươi ngày, vị Bà-la-môn này đi

rao khắp cả nước, nhưng không một ai nói người nữ này xấu. Bà-la-môn Ma-ha-mật nhân đó liền nhận được năm trăm lượng vàng. Phân-nho-đạt bảo Ma-ha-mật:

- Hôm nay, đức Phật ở gần vườn Kỳ-thọ, Ngài có thể thấu suốt, thông hiểu tất cả sự việc của quá khứ, hiện tại và vị lai. Với đức tính cao thượng, tuyệt đối không nói lời hư dối của Ngài, chúng ta nên dẫn bảy người nữ này đến chỗ đức Phật xem sao.

Bà-la-môn Ma-ha-mật nghe xong liền nói:

- Tốt lắm!

Ngay sau đó, ông ta liền dẫn theo bảy nàng con gái này, cùng năm trăm quyền thuộc Bà-la-môn và năm trăm nữ quyền đi đến chỗ đức Phật.

Khi đó, đức Phật đang thuyết pháp cho hàng nghìn thánh chúng, mỗi người đều đến trước chỗ đức Phật, đánh lễ rồi ngồi qua một bên. Bà-la-môn đến trước đức Phật, bạch rằng :

- Thưa Cù Đàm! Ngài thường xuyên đi qua khắp các quốc gia, vậy Ngài có từng thấy qua người nữ nào có tướng đoan chánh bằng những người này không ?

Đức Phật bài bác và quở trách nói:

- Những người nữ này không đoan chánh xinh đẹp, tất cả đều rất xấu xí, không có chỗ nào đẹp cả.

Bà-la-môn bạch hỏi đức Phật rằng:

- Khắp trong cả nước, không ai nói những người nữ này xấu cả, vì sao hôm nay chỉ có một mình Ngài lại chê người nữ này xấu?

Bà-la-môn lại hỏi đức Phật:

- Nếu y theo lời nói của Ngài, thì người thế gian nên lấy gì làm đẹp chuẩn mực?

Đức Phật nói:

- Người thế gian nếu như mắt không tham đắm sắc đẹp, tai không nghe tiếng xấu ác, đó mới là tốt đẹp; mũi không tham đắm hương thơm, miệng không đắm trước mùi vị, đó mới là tốt đẹp; thân không tham đắm mịn màng trơn láng, tâm không còn những niệm xấu ác, đó mới là tốt đẹp; tay không trộm lấy tài vật của kẻ khác, miệng không nói chuyện ác của người khác, đó mới là tốt đẹp. Không kiêu mạn tự cao, không dùng lời nói nịnh hót đâm ô, biết được sanh là do từ đâu mà đến, chết sẽ đi về đâu, đó mới là tốt đẹp; tin tưởng bố thí thì

được phước báo, đó mới là tốt đẹp; tin Phật, tin pháp, tin từ-kheo tăng, đó mới là tốt đẹp.

Đức Phật lại bảo Bà-la-môn:

- Mặt mũi dù đẹp, nhưng cũng không phải là cái đẹp chân thật; vóc dáng dù đẹp, áo quần y phục đẹp, cũng không phải là cái đẹp chân thật; gây ra xích mích thị phi, nói lời đâm ô dua nịnh, cũng không phải là cái đẹp chân thật. Chỉ có giữ tâm đốn chánh, ý niệm thanh tịnh, đó mới là cái đẹp chân chánh.

Khi ấy, Phân-nho-đạt liền nhận lại năm trăm lượng vàng, lại còn được nhận thêm lợi nhuận.

Đức Phật lại bảo Bà-la-môn:

- Quá khứ có thành tên là Ba-la-nại, kể từ đức Phật quá khứ cho đến chư Phật vị lai đều ngồi ở chỗ này mà tu hành, hoằng pháp. Bấy giờ có vị quốc vương tên là Cơ-duy-ni, là một vị ưu-bà-tắc (nam cư sĩ) rất thông hiểu giáo lý Phật giáo, ông đã kiến tạo Tinh xá để cúng dường lên đức Phật. Các người con gái của quốc vương cũng là những ưu-bà-di (nữ cư sĩ) hết lòng cung kính phụng thờ Tam bảo. Những công chúa này đều rất thông minh, trí tuệ, có thể thông suốt giáo lý kinh điển, tướng mạo lại vô cùng xinh đẹp. Trên thân của họ đều

đeo những đồ trang sức bằng kim ngân, hồ phách, trân bảo, y phục mặc làm bằng chất liệu quý giá. Nàng thứ nhất tên là Tu-đam, nàng thứ hai tên là Tu-đam-ma, nàng thứ ba tên Tì-kheo-ni, nàng thứ tư tên Tì-kheo-la-tri, nàng thứ năm tên Sa-môn-ni, nàng thứ sáu tên Sa-môn-mật, nàng thứ bảy tên Tăng-đại-sa-đam. Các vị công chúa này luôn nương theo chánh pháp của đức Phật mà phụng trì trai giới, bố thí, cúng dường.

Một hôm, bảy công chúa cùng nhau đến cung điện của vua cha và thưa rằng:

- Chị em chúng con muốn cùng nhau đến nghĩa địa để tham quan.

Vua nói:

- Ở nghĩa địa rất đáng sợ, đầy cả thi hài xương cốt râu tóc của người chết phân tán rải vụn tản mát trên đất, ngoài ra, còn có rất nhiều những sự bi thương khốc lóc thảm thiết của người sống. Lại có rất nhiều loại cọp sói, kên kên, muông thú đều ở đó để ăn thịt và máu huyết của người chết. Vì sao các chị em con lại muốn đi đến nghĩa địa? Ở trong cung điện vua cha dựng lên công viên phong cảnh, ao tắm, trong đó có chim uyên ương cùng nhau bay nhảy hót múa líu lo. Bên cạnh đó còn có

đủ loại bông hoa khiến người xem tâm trạng vui mừng hớn hở, cỏ kiết tường linh chi, cây quý, đủ loại cây trái tươi mát, tùy ý các con hưởng dụng. Nhiều thứ có thể tham quan dạo chơi thế này, tại sao các con lại muốn vào trong nghĩa địa làm gì?

Các nàng trả lời:

- Thừa phụ vương! Trái cây, thức ăn ngon ngọt nào có ích gì? Chúng con nhận thấy mạng sống của con người trên thế gian này đều đang từng ngày đi dần về cái chết, tất cả mọi người sau khi sinh ra không ai mà không phải chết. Chúng con đã không còn nhỏ dại. Chúng con trước đây đã từng bị những thức ăn này làm cho mê hoặc, nhưng bây giờ sẽ không còn bị mê hoặc nữa! Phụ vương nếu thương xót chị em chúng con, nên cho phép chị em con ra ngoài thành để quán thầy người chết.

Sau ba lần các nàng thỉnh cầu như vậy, vua nói:

- Thật tốt lắm, vua cha cho phép các con đi.

Sau đó, bảy công chúa cùng năm trăm cung nữ chuẩn bị xe ngựa ra khỏi cung điện. Họ liền tháo bỏ chuỗi ngọc, đồ trang sức để lại trên đất. Nhân dân trong quốc gia đó nhìn thấy, bèn vui mừng nhộn nhịp

theo sau lượm lấy những trăn bảo này. Cả nghìn người lần lượt đến nghĩa địa ở bên ngoài thành, xa xa họ đã ngửi mùi tanh hôi, khi đến nơi, bày ra trước mắt mọi người đều là những thứ như ứ rải rác khắp nơi, chỉ nghe tiếng người khóc la. Các cung nữ và những người dân đi theo đều rất rùng rợn sợ hãi toát cả mồ hôi. Bấy công chúa này liền đi thẳng về phía trước để xem xét những thi thể người chết. Trong đó có người thì mất đầu, có người mất tay chân, có người mất mũi, tai, có người đã chết, cũng có người vẫn đang thở thoi thóp, có người để trong quan tài, có người quấn trong chiếu, có người bị trói bằng dây. Gia đình quyền thuộc của họ đang ở bên cạnh khóc lóc thảm thiết, muốn cho người chết của mình được giải thoát.

Bấy nàng nhìn xung quanh thấy nhiều người chết như vậy, lại có người mới chết từ các nơi khiêng đến, các loài chim thú xông đến giành nhau ăn tử thi. Thi thể của người chết sinh trướng, máu mủ tuôn ra, trong bụng lại có vô số vạ ức côn trùng lúc nhúc chui ra, tanh hôi không thể chịu nổi. Thế mà, các nàng công chúa này lại không bịt mũi, đi thẳng đến trước đó dạo quanh một vòng rồi cùng nhau nói rằng:

- Không bao lâu, thân thể chị em chúng ta cũng sẽ hôi thối và biến thành thế này.



Một nàng nói:

- Mỗi người chúng ta có thể làm một bài kệ tụng, để cứu giúp linh hồn người chết này được giải thoát chẳng?

Sáu công chúa còn lại đều đồng thuận:

- Hay lắm!

Nàng thứ nhất nói:

- Con người khi còn sống, thân thể mặc y phục tốt đẹp, dùng dầu thơm, hương thơm xoa thân, trang điểm tương mạo, rồi cố ý ở giữa đám đông, liếc mắt kiêu diễm, muốn dành sự chú ý của mọi người. Nhưng hôm nay chết đi, chỉ còn thi thể nằm trên đất, mặc cho gió táp mưa sa, bộ dạng yêu kiều khi xưa, bây giờ đã biến đi đâu?

Nàng thứ hai nói:

- Như con chim ở trong lồng, miệng lồng bị đóng kín, làm sao bay được. Nhưng nay lồng đã phá vỡ, chim bay đi, cuối cùng bay đến chỗ nào rồi?

Nàng thứ ba nói:

**【162】 — Phước huệ tập 7**

- Có người lái xe đi đến giữa đường thì bỏ xe, xe không thể tự chạy về phía trước, vậy người lái xe bây giờ ở đâu?

Nàng thứ tư nói:

- Giống như có người lên thuyền, chuyên chở được rất nhiều người cùng qua sông, sau khi qua sông đến được nơi rồi, thì mang thuyền cột bên bờ. Người sau khi xả bỏ thân thể này, cũng như qua sông bỏ lại thuyền vậy.

Nàng thứ năm nói:

- Có tòa thành hết sức kiên cố, trong thành có nhiều nhân dân, tất cả đều sinh sống ở trong thành, nay trong thành không có một người, vậy những người đó nay sống ở đâu?

Nàng thứ sáu nói:

- Người chết rồi thì nằm trên đất, y phục cũng giống như khi còn sống, từ đầu đến chân đều nguyên vẹn không có thiếu sót, nhưng nay người này không thể đi, không thể di chuyển được, vậy người đó cuối cùng đang ở đâu?

Nàng thứ bảy nói:

- Như có người sống một mình, khi rời khỏi căn nhà, trong nhà trống không có người trông coi giữ gìn, nhà sẽ dần dần hư hỏng tổn hại.

Khi bảy công chúa đang nói những lời này, thì tòa ngòai của Thích đề hoàn nhân là vua của tần trời Đạo Lợi thứ hai bỗng nhiên lay chuyển. Như trong khoảng thời gian vị lực sĩ duỗi cánh tay, Thích đề hoàn nhân lập tức liền từ cung trời xuống đến nhân gian, đến chỗ của bảy công chúa, tán thán rằng:

- Các nàng nói pháp rất hay! Các nàng muốn gì? Xin hãy nói ra nguyện vọng của mình, tôi có thể giúp cho các nàng được mãn nguyện.

Bảy công chúa cùng hỏi rằng:

- Xin hỏi ông là trời Đế Thích hay là Phạm thiên? Chúng tôi không thấy ông đến bằng cách nào, sao tự nhiên hiện ở trước mặt chúng tôi, xin cho chúng tôi biết ông là ai?

Thích đề hoàn nhân trả lời:

- Thưa các công nương! Tôi là Thích đề hoàn nhân, vì các nàng nói những lời thiện lành, cho nên tôi đặc biệt đến đây để lắng nghe.

Bảy nàng công chúa nói:

- Ông mới nói muốn làm cho chúng tôi được như sở nguyện. Ông là vị trời thứ hai trên cung trời Đao lợi, là vị thiên chủ tôn quý nhất, thì chắc chắn sẽ làm cho chúng tôi được như ước nguyện của mình, vậy xin cho chị em chúng tôi nói ra nguyện vọng trong tâm của mình.

Nàng thứ nhất nói:

- Tôi muốn được sống ở chỗ cây không có gốc rễ, không có cành lá, đó là sở nguyện của tôi.

Nàng thứ hai nói:

- Tôi muốn sống ở chỗ không có hình tướng, không có giới hạn của âm dương (trời đất, mặt trời mặt trăng).

Nàng thứ ba nói:

- Tôi muốn được sống trong núi sâu, đều nghe được âm thanh của tiếng kêu gào vang dội khắp bốn phương, nhưng không biết thân đang ở đâu.

Thích đề hoàn nơn nói:

- Khoan đã nào! Tôi không cách nào có thể đáp

ứng được nguyện vọng của các nàng. Nếu các nàng muốn làm Đế thích, Phạm thiên, Tứ thiên vương, tối tôn giữa trời đất, thì tôi còn có thể đáp ứng, chứ những điều mà các nàng vừa yêu cầu, thật sự là tôi không biết làm sao mới được!

Bảy công chúa nói rằng:

- Ông là vị thiên chủ rất được kính trọng, có sức oai thần như vậy, vì sao ông không thể làm cho chúng tôi được như sở nguyện? Vậy thì ông có khác nào một con trâu già, không thể kéo xe, không thể cày ruộng, đối với chủ nhân cũng không có lợi ích gì!

Thích đề hoàn nhơn nói:

- Tôi nghe có người đang nói pháp, nên đặc biệt đến đây nghe. Các nàng nói ra mong muốn của mình, nhưng tôi thật không thể đáp ứng cho các cô được như sở nguyện. Đã như vậy thì tôi đành phải xin từ biệt thôi.

Bảy công chúa nghe xong chỉ lặng lẽ không nói lời nào. Lúc đó, trong không trung có vị trời nói rằng:

- Nay có đức Phật Ca-diếp đang ở trong một khu núi gần bên nghĩa địa, sao các vị không đến đó hỏi Ngài?

Bảy công chúa nghe như vậy thì rất vui mừng, liền lập tức dẫn năm trăm cung nữ và những người dân cùng đi đến đó. Trong nghĩa địa lại có thêm năm trăm người của những gia đình đang có tang gia, đang bị thương khóc lóc, cũng phát tâm đi theo.

Khi đó, đức Phật Ca-diếp đang vì vô số người mà thuyết pháp, mọi người đều đến trước chỗ Phật Ca-diếp, đánh lễ đức Phật xong, lui ngồi một bên.

Thích đề hoàn nơn bạch đức Phật rằng:

- Con vừa mới nghe bảy công chúa con của quốc vương đang nói pháp, đặc biệt liền đến để nghe. Bảy công chúa này đề nghị với con những mong muốn của các nàng: “Tôi muốn được sống ở chỗ cây không có gốc rễ, không có cành lá; chỗ không có hình tướng; chỗ không có giới hạn của âm dương (mặt trời mặt trăng); ở trong núi sâu, âm thanh của tiếng gào thét vang dội khắp bốn phương đều nghe, nhưng không biết thân đang ở đâu”, nhưng lúc ấy, con không thể đáp ứng được, xin đức Phật vì bảy vị công chúa này mà giảng giải đạo lý trong đó.

Đức Phật Ca-diếp bảo:

- Những câu hỏi đó rất hay và cũng rất sâu sắc,

vượt xa những hiểu biết bình thường, những việc này, ngay cả hàng A-la-hán, Bích-chi-phật còn không thể biết, huống gì là ông!

Lúc đó, đức Phật Ca-diếp mỉm cười, ánh sáng năm màu từ trong miệng của Ngài phóng ra, chiếu khắp cõi Phật, trở lại nhiều quanh thân Ngài, rồi từ trên đánh đầu tiên vào. Thị giả đến trước quỳ gối chấp tay, thưa:

- Đức Phật không bao giờ cười vô cớ, con xin được nghe Ngài khai thị ý nghĩa đó.

Đức Phật Ca-diếp hỏi Tát-bà-la rằng:

- Ông có thấy những người nữ này không?

- Vâng ! Con có thấy.

- Bảy người nữ của quốc vương này cùng phát tâm Vô thượng bồ-đề, từ đó đến nay đã cúng dường năm trăm đức Phật, tương lai sẽ gặp vạn muôn đức Phật, sau khi trải qua mười kiếp số, tất cả đều sẽ thành Phật, đều đồng một hiệu là Phục-đà-la-bôn. Cõi nước của chư Phật đó tên là Thủ-đà-la, chư Phật đó thọ mạng đến ba vạn tuổi. Lúc đó, y phục đồ ăn thức uống của nhân dân cõi này đều giống như ở trên cõi trời Đao lợi thứ hai. Sau khi chư Phật này nhập Niết-bàn, giáo lý kinh điển lưu ở thế gian đến ba nghìn năm mới biến

mất. Khi chư Phật này thuyết pháp sẽ độ bảy mươi lăm ức vạn người, khiến cho họ đều đắc đạo A-la-hán và Bồ-tát.

Khi đức Phật Ca-diếp thọ ký cho bảy công chúa, các nàng đều rất vui mừng hoan hỉ, liền bay lên hư không, cách mặt đất khoảng hai mươi trượng, rồi từ không trung bay xuống mặt đất, tất cả những người nữ đó đều hóa thành thân nam, liền đắc quả bất thoái chuyển. Năm trăm cung nữ và một nghìn năm trăm vị trời và người nhìn thấy bảy người nữ này đều trở thành thân nam, họ cũng rất hân hoan, vui mừng cổ vũ. Mọi người đều phát tâm Vô thượng bồ-đề, một nghìn người xa lìa trần cấu, đều đắc pháp nhãn.

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nói với Bà-la-môn:

- Bảy người nữ của quốc vương này, cho dù sung túc an lạc, tướng mạo đoan chánh, địa vị cao quý, nhưng họ đều không ý lại, tự cho thân này là tốt đẹp để kiêu ngạo, vì sao? Bởi vì các cô ấy đã hiểu rõ được các pháp là vô thường, hiểu rõ sắc thân này không thể gìn giữ lâu dài. Tất cả người thế gian vì ngu si nên phải lưu chuyển trong vòng mười hai nhân duyên mà có sanh tử. Đời người đều vì tham ái nên từ sanh đến lão, từ lão đến bệnh, từ bệnh đến chết, vì chết nên khóc lóc bi thảm thống khổ. Con người tất cả đều vì tham ái mà ra,



cho nên cần phải tự quán chiếu thân mình và thân người, đi đứng nằm ngồi cần phải chánh niệm, trong thân chứa đầy những thứ bất tịnh hôi thối, nước miếng, đờm dãi nóng lạnh, nước mắt, nước mũi chảy ra. Không luận là loài nào, một khi thân thể bại hoại đều sẽ có nhiều côn trùng hóa ra để cắn rúc, ăn thịt thân thể, xương cốt tứ chi đều phân tán, biến thành tro đất. Quán lại thân mình: “Thân thể của ta sau khi chết cũng sẽ như vậy”. Không nên tự hào cho rằng thân này là tốt đẹp, mà nên cần phải chánh niệm, nhớ các pháp là vô thường. Nếu người bố thí hành thiện, không kiêu mạn tự cao, không nói lời nịnh hót dâm ô, thì sau khi chết đều được sanh lên cõi trời. Nếu người thường làm việc ác, khi chết sẽ đọa vào địa ngục, vì sao người nữ lại đọa trong địa ngục nhiều như vậy? Là đều vì họ có nhiều tính đố kỵ, ghen ghét, khoe khoang sắc đẹp mà ra.

Khi đức Phật nói pháp này, những người nữ Bà-la-môn rất vui mừng hoan hỷ, gỡ những châu báu trên thân, đem rải cúng dường bên chân đức Phật. Ngài dùng sức oai thần khiến những châu báu trụ giữa hư không hóa thành bảo cái, giữa hư không có tiếng nói rằng:

- Hay thay! Hay thay ! Như lời đức Phật nói không

có gì sai khác.

Lúc đó, đức Phật đang ngồi trên tòa, Ngài dùng sức oai thần ấn ngón chân xuống đất làm cho tam thiên đại thiên thế giới cõi Phật đều chấn động, ánh sáng chiếu khắp mười phương. Cây khô héo một trăm năm bỗng nhiên sanh ra hoa quả, các muông rãnh khô cạn tự nhiên có nước, các loại nhạc cụ không cần đánh mà tự kêu, những thứ đồ được người nữ trang sức trên thân tự động phát ra âm thanh, người mù được nhìn thấy, người điếc được nghe, người câm ngọng đều nói được, người lưng gù được đứng thẳng, người chân què có thể đi được, người tay chân có tật đều tự nhiên hết tật bệnh, người bị điên cuồng được hồi phục bình thường, người bị nhiễm độc, độc không thể làm hại, người bị bắt nhốt đều được thả tự do, trăm chim muông thú cùng nhau hòa vui múa hát. Bấy giờ, người dân trong nước Câu-lưu không phân nam nữ, hai bên đều rất vui mừng hòa hợp như đấng thiên định vậy.

Khi đức Phật biến hóa đủ thứ thần thông. Vua nước Câu-lưu cúng dường châu bảo vui mừng hoan hỷ cùng trăm vị đại thần, các nữ Bà-la-môn cùng với năm trăm quyến thuộc Bà-la-môn đều phát tâm Vô thượng bồ-đề. Lại có năm trăm vị tì-kheo đắc quả A-la-hán, năm trăm người trong nước đều chứng đắc quả Tu-đà-hoàn.

Sau khi đức Phật thuyết kinh này xong, Bồ-tát, ùi-kheo tăng, ưu-bà-di, ưu-bà-tắc, quốc vương, đại thần, trưởng giả, nhân dân, chư thiên, quý thần, rồng đều rất hoan hỷ, đến trước đức Phật cúi đầu đánh lễ Phật xong rồi lui ra.

### **Câu chuyện này nói đến việc:**

Bà-la-môn lấy làm tự hào về bảy người con gái xinh đẹp của mình. Người đời thường cho tướng mạo trang nghiêm, vóc dáng đoan chánh là đẹp đẽ, nhưng đức Phật nói: “Những người nữ đó đều rất xấu, không có một chút gì đẹp. Chỉ có mắt không tham sắc, tai không nghe tiếng ác, mũi không tham ngửi mùi thơm, miệng không tham vị ngon, không nói lỗi đúng sai của người, thân không tham ưa mịn màng trơn láng, tâm không còn ác ý, đó mới là tốt. Tin sâu nhân quả, tin Tam bảo, thân miệng ý thanh tịnh, đó mới thật sự là tốt”.

Lại nữa, bảy nàng công chúa, con gái của quốc vương, tuy tướng mạo đoan chánh, địa vị cao quý, nhưng không hề ỷ lại thân thể xinh đẹp mà kiêu ngạo. Họ còn đặc biệt đến nghĩa địa quán xem tử thi, tỏ ngộ lý vô thường.

Nghĩ lại mạng người thật ngắn ngủi, chúng ta đã

sắp xếp ổn thỏa những kế hoạch đã đề ra chưa? Ví dụ tiền tài của cải rất có hạn, chúng ta có nên yêu quý không? Có tùy ý lãng phí không? Có một kế hoạch quản lý tốt chưa? Phước đức trí tuệ tư lương của chúng ta đã có đủ chưa? Nếu chưa đủ thì sao lại lãng phí thời gian tranh đấu biện luận này kia, làm những việc tổn người lợi mình.

Cũng như công nhân chế tạo sản phẩm, cần phải qua việc kiểm soát chất lượng, để tránh sản xuất ra những sản phẩm không tốt. Cũng vậy, tâm niệm của chúng ta cũng cần phải nên trông nom coi sóc, nếu không trông nom tốt những suy nghĩ cảm xúc của mình thì chúng ta sẽ dễ dàng sanh khởi phiền não tham, sân, si, mạn, nghi, v.v., làm tổn hại pháp thân huệ mạng của chính mình mà thôi.

Mạng sống vô thường, thời gian thật rất quý báu, cho nên mong tất cả mọi người đối với đạo nghiệp tu tập cũng như sự nghiệp thế tục của chính mình đều nên lên kế hoạch một cách ổn thỏa tốt đẹp. Đồng thời, đem thời gian ngắn ngủi này sắp xếp áp dụng vào những việc làm hữu ích.

Qua câu chuyện trên, mong chúng ta cùng nhau cố gắng!

**Phước huệ tập 7 — 【173】**

*Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,  
ngày 03.10.2015*

## 14. HAI THẦY TÌ-KHEO NHỜ NGHE VỀ NỖI KHỔ CỦA LOÀI SÚC SANH MÀ NGỘ ĐẠO

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa quý Phật tử!

Hôm nay, tôi xin chia sẻ cùng với quý vị một câu chuyện Phật giáo. Câu chuyện này được trích từ *kinh Tạp bảo tạng*, trong Đại Chánh tạng, quyển 4, trang 483c18-484a10.

Trước đây, tại miền nam Ấn Độ có hai vị tì-kheo, vì nghe tôn giả Kì-dạ-đa có oai đức lớn, nên liền tìm đến trước Kế Tân ở miền bắc Ấn Độ để thăm hỏi chỗ ở tôn giả. Ở giữa đường, hai thầy nhìn thấy dưới gốc cây có một vị tì-kheo thân thể gầy yếu, sắc mặt tiều tụy, đang ngồi nhóm lửa. Hai thầy liền hỏi:

- Ngài có biết tôn giả Kì-dạ-đa không?

Vị kia trả lời:

- Tôi có biết!

- Xin hỏi tôn giả hiện đang ở đâu?

Đáp:

- Ở trên núi, trong hang động thứ ba.

Hai vị tì-kheo lập tức lên núi, tìm đến hang động, nhưng người mà họ nhìn thấy lại chính là vị tì-kheo lúc nãy.

“Rõ ràng, lúc nãy ở phía dưới kia, vị này đang ngồi nhóm lửa, sao bây chúng ta tìm đến hang động này, lại thấy ngài ở đây?”. Lúc đó, hai vị tì-kheo cảm thấy kỳ lạ, chẳng hiểu ra sao. Họ nghĩ: “Danh tiếng và đức hạnh của tôn giả đã vang xa như thế, ngài ấy cần gì có nãy, sao lại phải tự mình đi nhóm lửa như vậy?”.

Lúc đó, trong lòng hai vị tì-kheo đều thắc mắc không hiểu, một vị thưa:

- Kính bạch Tôn giả! Ngài đã có uy đức lớn như vậy, vì sao lại muốn tự mình nhóm lửa?

Tôn giả Kì-dạ-đa đáp:

- Tôi nhớ lại sự đau khổ thuở còn bị luân hồi trong sanh tử, nếu như đầu, tay, chân của tôi có thể dùng làm củi, thì tôi cũng mong sẽ đem chúng đốt lên để cúng dường cho chúng Tăng sưởi ấm, huống gì chỉ là việc nhóm lửa bình thường.

Hai vị tì-kheo liền thưa:

- Bạch tôn giả! Không biết trong thời luân hồi ở quá khứ, ngài đã gặp phải những sự đau khổ gì, mong ngài dạy cho chúng con rõ.

Tôn giả đáp:

- Tôi nhớ lại trong năm trăm đời về trước, tôi đã có lần sanh làm chó, thường ở trong cảnh khốn khổ đói khát. Chỉ có hai trường hợp có thể khiến cho tôi được ăn no đủ. Trường hợp thứ nhất là khi có người uống rượu say nôn mửa đầy trên đất, tôi có thể ăn những thứ nôn mửa này mà cảm thấy no và hạnh phúc. Trường hợp thứ hai là có một cặp vợ chồng sống chung với nhau, khi người chồng đi làm, người vợ ở nhà chuẩn bị thức ăn. Khi đó vì có công việc nên người vợ cần phải đi ra ngoài, tôi liền dụng cơ hội này, chạy vào nhà ăn vụng thức ăn. Nhưng vì miệng giỏ đựng thức ăn quá nhỏ, nên ban đầu có thể thò đầu vào ăn, sau lại rất khó rút đầu ra. Tuy tôi có thể ăn no một bữa, nhưng sau đó hậu quả phải chịu đựng đau khổ không thể trốn thoát. Khi ấy người chồng đi làm về, ông ta một dao chém tôi rút đầu vào trong chiếc giỏ đựng thức ăn.

Bấy giờ, hai vị từ-kheo nghe tôn giả thuyết pháp, chán ghét việc sanh tử, mà chứng đắc Sơ quả.

**Câu chuyện này có một vài chỗ đáng để chúng**



**ta suy ngẫm:**

Ở những kinh điển khác, nói tôn giả Kì-dạ-đa đã chứng đắc quả A-la-hán. Tuy ngài đã chứng đắc thánh quả, có oai đức lớn, danh tiếng truyền khắp, nhưng ngài không tự đại kiêu ngạo. Tôn giả thường tự hạ mình làm những công việc nặng nhọc để phục vụ Tăng chúng. Ngài không chỉ tu trí tuệ để đoạn trừ phiền não, mà còn tích cực tích lũy phước đức.

Tôn giả Kì-dạ-đa năm trăm đời về trước đã từng sanh làm chó, thường xuyên chịu khổ đói khát, chỉ có hai tình huống mới cảm thấy có chút hài lòng no đủ. Một là ăn thức ăn của người say rượu nôn mửa ra. Hai là ăn vụng thức ăn của người khác khi họ không có ở nhà, rút cuộc bị chủ nhà phát hiện chặt đầu và mất mạng.

Trong kinh, đức Phật có dạy: Nếu tập khí phiền não nặng nề, tạo ác nghiệp sẽ đọa làm súc sanh thọ khổ. Điều này đáng để làm bài học cảnh giác chúng ta! Hiện tại, chúng ta may mắn được làm thân người, nên cần phải trân quý, siêng năng tu tập tất cả các thiện pháp, tích lũy phước đức và trí tuệ làm để làm hành trang tu lương cho chính mình. Đời này không chịu độ thân này, thì đời đến đời nào mới độ đây?

**【178】 — Phước huệ tập 7**

Từ câu chuyện trên, mong mọi người cùng nhau cố gắng.

*Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,  
ngày 12.03.2016*

## 15. NGHĨ NHỚ CÔNG ĐỨC CỦA TĂNG BẢO, VOI TRẮNG SÁU NGÀ XẢ BỎ THÂN MẠNG, PHÁT KHỞI THIỆN TÂM

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa quý Phật tử!

Hôm nay, tôi xin chia sẻ cùng mọi người một câu chuyện trong kinh Phật. Câu chuyện này được trích từ *kinh Đại tạng nghiêm luận*, trong Đại Chánh tạng, quyển 4, trang 336b11-338a13.

Trong kinh nói, nếu có thể khéo quán chiếu, nghĩ nhớ công đức của tăng bảo thì mặc dù xả bỏ thân mạng, vẫn có thể phát khởi tâm thiện.

Thuở quá khứ, khi đức Phật Thích-ca Mâu-ni còn tu hạnh Bồ-tát, Ngài đã từng chuyển sanh làm voi trắng sáu ngà.

Lúc bấy giờ, phu nhân của Quốc vương rất oán hận voi trắng. Bà tuyển chọn thợ săn, đồng thời, chỉ nơi ở của voi và ra lệnh họ săn lấy ngà đem về cho bà. Lúc đó, người thợ săn được phái tới nơi ở của voi chúa thì nhìn thấy voi trắng sáu ngà có hình tướng giống như voi Y-la-bát. Voi trắng cùng với voi mẹ ở một nơi khác, cách xa đàn voi. Người thợ săn liền nói một đoạn kệ,

đại ý như sau:

“Như hoa sen Ưu-bát-la sinh trưởng trong hồ nước trong xanh rộng lớn, chỉ ở tại nơi này mới có thể thấy được con voi to lớn, khỏe mạnh như vậy.

Giống như hoa sen trắng, voi có hình dạng giống như tuyết, toàn là màu trắng, giống như ngọn núi trắng to lớn, bốn chân có thể cử động.

Màu da của con voi chúa này giống như ánh sáng của mặt trăng. Sáu cái ngà thật dài, mọc ra từ hai bên miệng của nó.

Ánh sáng của những chiếc ngà phát ra vô cùng trang nghiêm, giống như một đóa sen trắng xóa, nhìn gần thì thấy giống như màu trắng của củ sen”.

Lúc đó, người thợ săn mặc áo ca-sa, ngồi xổm, giữ cung tên, trốn sau gốc cây và từ từ lại gần voi chúa.

Lúc này, voi mẹ nhìn thấy người thợ săn ngồi xổm, tay cầm cung tên, liền nói với voi chúa:

- Người ấy có thể muốn đến hại chúng ta.

Voi chúa hỏi:

- Người đó mặc quần áo gì?

Voi mẹ trả lời:

-Người đó mặc ca-sa.

Voi chúa nói:

- Đã là người mặc ca-sa thì có gì mà phải lo sợ chứ?

Tiếp đó, voi chúa nói một bài kệ, đại ý như sau:

“Người mặc áo ca-sa, sẽ không làm hại các sinh mạng khác, bởi vì nội tâm họ luôn từ bi, lúc nào cũng luôn cứu độ, bảo vệ tất cả chúng sanh. Vì thế, đối với người mặc áo ca-sa, không cần phải lo lắng.

Nhìn thấy người mặc áo ca-sa, có thể được sự an ổn, thanh tịnh, nhờ đó, đạt được sự thù thắng. Giống như ánh sáng của mặt trăng chỉ đem lại sự mát mẻ chứ không bao giờ đem lại sự nóng bức”.

Voi mẹ nghe bài kệ xong thì không còn cảm giác lo lắng, nghi ngờ nữa.

Lúc đó, người thợ săn trốn trong bụi cây rậm ở gần đó, dùng mũi tên độc bắn vào voi chúa.

Voi mẹ nói với voi chúa rằng:

- Chẳng phải con nói, người mặc áo ca-sa tâm nhất định có từ bi sao? Vì sao bây giờ họ lại làm như vậy?

Lúc đó, voi chúa lại nói một bài kệ, đại ý như sau:

“Họ mặc y giải thoát mà vẫn dùng tên độc bản tôi, là do trong tâm phiền não, xa lìa tâm từ bi nên họ mới hành động như vậy, chứ chẳng phải là lỗi của chiếc y.

Giống như đồng được mạ bằng vàng thật, qua quá trình tinh luyện mới biết đó là đồng giả tạp, chứ không phải là vàng nguyên chất. Thứ đồng mạ vàng này là để lừa gạt những người bình thường (phàm phu) mê muội, nên người ngu vẫn cho rằng đó là vàng thật.

Người có trí tuệ mới có thể khéo biết rõ ràng, nó chỉ là lớp vàng phủ trên đồng chứ không phải là vàng nguyên chất; con người này khởi tâm ác, nên mới dùng cung tên sát hại tôi.

Áo ca-sa đại diện cho sự thanh tịnh, giải thoát, chỉ là người mặc áo ca-sa đó là một người có tâm ý xấu. Nếu có thể quán sát tốt thì áo ca-sa luôn là y phục giải thoát, lương thiện”.

Lúc đó, voi mẹ vô cùng tức giận nói với voi chúa

rằng:

- Mặc dù con nói rất hay, nhưng ta không thể nhẫn nại được, không thể nghe theo lời của con. Ta muốn bắt người thợ săn đó lại và lần lượt xé chân tay hắn ra.

Voi chúa nói với Voi mẹ rằng:

- Người nào không thể đối trị được phiền não thì tâm sẽ giống như vậy. Mẹ nghìn vạn lần không nên sân giận mà nói những lời như thế, không nên khởi tâm sân hận với người này.

Sau đó, voi chúa nói một bài kệ, đại ý như sau:

“Giống như một người bị ma quỷ dựa nên phát điên nhục mạ thầy thuốc. Thầy thuốc vốn trị loại bệnh này, nên sẽ không chỉ trích người bệnh đau khổ ấy.

Phiền não giống như loài quỷ, bị vô minh che lấp, có thể sinh khởi tham, sân, si. Ta chỉ cần lìa bỏ phiền não, có gì mà lại trách móc con người này chứ? Nếu như ta có thể thành Bồ-tát, danh tiếng của ta sẽ bao trùm khắp tam giới. Ta sẽ tinh tấn tu hành chánh niệm và thiền định để diệt trừ các phiền não dua nịnh, giả dối...

Ta sẽ dùng trí tuệ sắc bén để chặt đứt tất cả phiền

não, đốt cháy toàn bộ, nhất định khiến cho phiền não khô cạn, không còn lưu lại chút nào. Tương lai, ta chắc chắn sẽ trừ bỏ tất cả khổ não, không còn sót lại chút nào”.

Voi chúa nói bài kệ này xong, voi mẹ liền lặng thinh không nói.

Lúc này, đàn voi nhón nháo đi đến chỗ voi chúa. Voi chúa liền nghĩ thầm: “E rằng đàn voi này sẽ làm hại người thợ săn mất thôi”, nghĩ như vậy, nên voi chúa đi đến trước mặt người thợ săn, nói với người hấn rằng:

- Ông hãy nhanh chóng trốn xuống phía dưới bụng của ta, ta sẽ bảo vệ ông. Ta sợ rằng đàn voi này sẽ làm hại ông.

Sau đó, voi chúa bảo đàn voi rời đi, rồi nói với người thợ săn:

- Ông muốn cái gì, bây giờ có thể tùy ý đem đi!

Lúc ấy, người thợ săn nghe được những lời nói ấy liền nghĩ rằng: “Ôi! Hôm nay tôi đã không có tâm từ bi, thật sự tệ hơn một con voi”. Vì thế, người thợ săn không kiềm chế được nên gào khóc.



Voi chúa hỏi:

- Tại sao ông khóc?

Người thợ săn trả lời:

- Tôi vô cùng phiền não, cho nên tôi khóc.

Voi chúa nói:

- Bởi vì ta sợ đàn voi sẽ làm hại ông nên bảo ông trốn xuống phía dưới bụng của ta. Lẽ nào, thân thể ta đã làm ông bị thương rồi sao?

Người thợ săn trả lời:

- Không phải đâu, cơ thể của voi không làm tôi bị thương.

Voi chúa lại nói:

- Có phải do mẹ ta đã thốt ra những lời độc ác, làm ông phiền não, nên ông khóc phải không?

Người thợ săn trả lời:

- Tuyệt đối không phải những lời nói ác độc làm tôi phiền não, mà thực sự là bởi vì đức hạnh và tâm đại từ bi của voi đã làm tôi cảm động đến đau đớn mà khóc

thôi! Tôi do tâm ác mà đã dùng mũi tên độc làm hại voi, vậy mà voi vẫn dùng tâm từ bi lo lắng, sợ tôi sẽ bị đàn voi làm hại, lại cho tôi trốn xuống phía dưới bụng của voi nữa. Vì sự việc này, trong tâm tôi cảm thấy rất xót xa ân hận và sợ hãi, vì thế mới khóc.

Lúc đó, người thợ săn nói một bài kệ, đại ý như sau:

“Tôi đã dùng mũi tên độc làm hại thân thể voi chúa, còn voi lại dùng tâm từ bi, đức hạnh cao thượng làm tổn thương trái tim tôi (làm tôi cảm nhận được sự đau khổ, buồn bã, vì chính mình đã làm việc xấu ác).

Voi chúa làm cho trái tim tôi tổn thương, vết thương này có thể trị lành, nhưng tôi đã làm tổn thương đức tính cao thượng của voi, loại tổn thương ngu ngốc này rất khó chữa lành (Mặc dù voi làm trái tim tôi tổn thương, nhưng voi không có tội, loại vết thương này rất dễ trị lành; nhưng cái tâm ngu ngốc của tôi đã làm tổn thương đức tính cao thượng của voi, cái vết thương ngu ngốc của tôi tạo ra giờ rất khó trị lành!).

Đức hạnh của voi rộng lớn như đại dương, ai có thể nói hết được điều đó? Tôi làm hại sinh mệnh của voi, voi vẫn dùng tâm từ bi an ủi và bảo vệ tôi. Thật ra, mặc dù ngoại hình tôi là con người, nhưng hoàn toàn chẳng

có tâm từ bi nhân đức; thân người tuy hơn thân thú vật, nhưng tôi chỉ như là một bộ xương khô trống rỗng mà thôi; mặc dù tướng mạo tôi giống con người, nhưng trên thực tế, tôi tạo nghiệp ác còn nhiều hơn loài súc sanh nữa!

Mặc dù voi sinh ra mang thân thể là một loài thú, nhưng đạo đức mãi mãi vượt hơn loài người; hình tướng của voi mặc dù không phải người, nhưng trên thực tế có đức hạnh của một con người chân chính”.

Voi chúa hỏi người thợ săn:

- Ông mau nói cho ta biết, rốt cuộc vì lẽ gì mà ông muốn giết hại ta?

Người thợ săn trả lời:

- Do quốc vương phái tôi đến, muốn lấy một vật trên thân thể voi, chứ không phải tự tôi muốn đến làm hại voi đâu.

Voi chúa trả lời:

- Nếu ông muốn gì thì mau lấy và đem đi đi!

Lúc bấy giờ, voi chúa nói đoạn kệ, đại ý như sau:

“Ông cần điều gì, nhanh chóng đem đi đi! Từ lúc ta phát tâm Bồ-tát đến nay, ta chưa từng tham đắm, bủn xỉn với những gì mình có.

Tùy theo ý muốn của ông, toàn bộ ta đều bố thí cho ông, cần ngà voi thì cho ông ngà, ông hãy lấy nó và mang đi đi.

Ta vì muốn cứu độ chúng sanh, cho nên sinh làm thân voi, có tất cả những gì, ta đều bố thí; chúng sanh muốn điều gì, đều có thể tùy ý đến lấy.

Ta vì lợi ích của chính mình, muốn mau chóng đạt đến niết-bàn; vì những chúng sanh đang thọ thân trong tam giới: dục giới, sắc giới, vô sắc giới; vì muốn đầy đủ Nhất thiết chủng trí của Phật, nên ta trồng nhân từ bi cứu độ chúng sanh, hy vọng tương lai đắc quả Nhất thiết trí”.

Người thợ săn rất hối hận, lúng túng nói rằng:

- Tôi bị nhà vua phái đến lấy ngà của voi.

Voi chúa trả lời:

- Ông tùy ý lấy đem đi đi, không cần do dự gì nữa.

Người thợ săn trả lời:

- Bây giờ tôi không thể lấy ngà của voi được.

Tiếp đó, người thợ săn nói một đoạn kệ, đại ý như sau:

“Lòng từ bi của ngài đầy khắp, ngài thật sự là đệ tử của Phật, tôi kính sợ Phật-đà là đấng từ phụ của ngài, nếu lấy ngà của ngài, tay của tôi nhất định sẽ gãy”.

Lúc bấy giờ, voi chúa nói với người thợ săn:

- Nếu ông sợ hãi, thì tôi sẽ nhổ cho ông vậy.

Nói xong, voi chúa dùng vòi để tự nhổ cái ngà của mình, nhưng vì ngà của voi rất dài và rất sâu, nhổ rất lâu mới ra được, nên máu tươi của voi phun ra. Voi chúa nói một đoạn kệ, đại ý như sau:

“Ngay chỗ cái ngà được nhổ ra, máu tươi từ trên vai chảy xuống không ngừng. Voi chúa có phước đức rất lớn, thân thể màu trắng như búp hoa sen, lại giống như tảng đá lớn trên núi được bao phủ bởi tuyết trắng; vậy mà hiện giờ, máu tươi chảy đỏ giống như một con suối chảy từ trên đỉnh cao của núi chảy xuống vậy”.

Lúc bấy giờ, voi chúa cảm thấy vô cùng đau đớn, thân thể không ngừng run rẩy, nhưng vẫn không ngừng an ủi chính mình.

Lúc đó, có một vị thiên nhân nhìn thấy cảnh ấy, bèn nói một đoạn kệ, đại ý như sau:

“Tâm ý nhất định phải kiên cường an định, nghìn vạn lần không nên vì ngu si mà cảm thấy phiền não, buồn rầu. Tốt nhất nên quan sát chúng sanh đang khổ não, nên quán tưởng làm cách nào mới có thể giải cứu cho họ (Không nên nghĩ đến cái khổ của chính mình, mà nên quán sát chúng sanh khổ não).

Trên thế giới tất cả chúng sanh đều sẽ phải chết, ông nên vì cứu độ chúng sanh mà kiên trì củng cố ý chí của chính mình, nghìn vạn lần không nên sanh khởi tâm sầu khổ”.

Lúc ấy, thiên nhân, a-tu-la, càn-thát-bà, dạ-xoa, biến khắp cả hư không mà tán thán rằng: “Đây là việc khó làm mà có thể làm, quá khứ chưa từng có”.

Vị thần nói:

- Quá khứ cho đến nay, có thể làm được việc khó làm, vô cùng hiếm có, đó là voi tự nhổ cái ngà của mình, vô cùng đau đớn. Hiện tại tuy chịu đựng sự đau khổ, nhưng nội tâm kiên định hướng về bồ-đề, lập chí truy cầu đạo quả thù thắng, từ lúc ban đầu cho đến cuối cùng đều không khởi tâm niệm thoái chuyển.

Có một thiên thần nói với thiên nhân rằng:

- Bò-tát như vậy, cho đến cuối cùng, tâm cũng không thoái chuyển.

Rồi nói một đoạn kệ, đại ý như sau:

“Biết rằng Bò-tát nhờ cái ngà thì rất đau đớn, nhưng vẫn từ bi nghĩ nhớ đến chúng sanh đang bị đọa trong địa ngục”.

Voi chúa nhờ lấy ngà xong, an tịnh không động.

Lúc bấy giờ, người thợ săn nghĩ: “Voi chúa nhờ cái ngà xong bỏ trên mặt đất chẳng lẽ là hối hận về việc mình làm rồi sao? Tại sao không đưa cho tôi?”.

Voi chúa biết được ý nghĩ của người thợ săn, vì muốn an ủi người thợ săn, nên voi nói đoạn kệ, đại ý như sau:

“Ngà voi giống như bông hoa sen trắng, cũng giống màu trắng của củ sen, tất cả sáu cái ngà đều cho ông. Đây là loại ngà tốt nhất trong tất cả các loại ngà, bố thí cho ông, hy vọng ông được an vui.

Trước tiên hãy để ta nghỉ ngơi một lúc, điều phục nội tâm, nghỉ ngơi dần dần dịu bớt cơn đau, để lúc ta

đổi mặt với ông, có thể dùng tâm kính trọng để tiếp đãi.

Nếu trong tâm ông nghĩ: “Tôi là một người thợ săn độc ác; giết hại, trộm cắp, dâm dục, lừa gạt voi chúa, đầy sự xảo trá và cùng nhiều việc làm xấu ác khác”, thì hãy lắng nghe ta trả lời những suy nghĩ của ông. Ông mặc dù khởi tâm ác, dùng tên độc bắn ta, nhưng những việc làm ác của ông, ta đều quên cả, cũng không suy nghĩ tới. Ta chỉ có ý niệm cung kính áo ca-sa, nhìn thấy nó, ta khởi tín tâm cung kính.

Người bố thí và người nhận sự bố thí, có kẻ thanh tịnh, có kẻ không thanh tịnh; hiện tại ta là người bố thí, tất cả đều thanh tịnh.

Chờ ta điều phục tâm mình xong, quả báo có thể càng rộng lớn hơn, lúc đó lại bố thí cho ông”.

Lúc đó, voi chúa lại nói với người thợ săn:

- Chiếc áo ca-sa biểu thị cho sự ly dục, ta dùng tâm tôn trọng, cung kính nhìn nó.

Nói xong, voi dùng vòi để đưa những chiếc ngà cho người thợ săn, đồng thời, voi nói một đoạn kệ, đại ý như sau:



“Hiện tại, ta nói những lời chân thật, mũi tên độc đang cắm vào thân thể ta, mà ta không hề khởi tâm tức giận hay muốn báo thù ông.

Do ta nói những lời chân thật, nên có thể sớm ngày chứng đắc vô thượng bồ đề, độ thoát tất cả chúng sanh khổ não”.

Sau khi nói kệ xong, voi liền đưa ngài bố thí cho người thợ săn.

Do nhân duyên gì mà dẫn dụng lời khai thị này? Thời quá khứ, trong vô lượng trăm nghìn thân, Bồ-tát thường làm việc bố thí khó làm như vậy. Quá khứ đã từng phát nguyện, mong được thành tựu đạo quả, muốn cho tất cả chúng sanh đang bị khổ não đều được giải thoát, muốn khiến chúng sanh từ tà đạo chuyển nhập chánh đạo, muốn giúp cho mọi người hiểu rõ để tự bản thân họ giữ gìn giới hạnh thanh tịnh, tâm sinh tín ngưỡng cung kính, cho nên mới nói thí dụ này.

**Câu chuyện này có một vài chỗ chúng ta cần suy ngẫm:**

Con voi trắng sáu ngà chính là tiền thân đức Thích Tôn của chúng ta. Trong quá khứ, Ngài đã từng tu hạnh Bồ-tát, thường từ bi nghĩ nhớ chúng sanh. Người

thợ săn vì muốn lấy ngà voi, đã dùng mũi tên độc bắn voi chúa; voi chúa vì sợ đàn voi sẽ làm hại người thợ săn, nên đã từ bi bảo vệ người thợ săn. Người thợ săn cảm thấy rất xấu hổ, ông ta nói: “Tôi đã dùng mũi tên độc làm hại thân thể ngài, nhưng ngài lại dùng tâm từ bi làm trái tim tôi tổn thương. Có lẽ, bản thân ngài cũng cảm thấy đau đớn, khó nhằn, nhưng sự đau đớn của ngài rất dễ chữa lành; mà đức hạnh của ngài cao cả như vậy, tôi lại dùng mũi tên độc làm hại ngài, vết thương ngu si này của tôi rất khó chữa lành”.

Các vị đã từng trải nghiệm qua việc nhổ răng chưa? Ở đây, chúng ta có một vị nha sĩ chuyên giúp mọi người nhổ răng. Chúng ta bị nhổ răng, có thấy đau không? Đương nhiên là rất đau rồi! Lúc voi chúa nhổ cái ngà chắc chắn cũng rất đau đớn, nhưng voi chúa không hề đoái hoài về cơn đau của bản thân, mà vẫn từ bi nghĩ nhớ đến chúng sanh chịu khổ bị đọa lạc trong ba đường ác; voi chúa không vì sự đau đớn của bản thân mà cảm thấy ưu sầu, mà nghĩ rằng chúng sanh ngu si như vậy, mới thật đáng ưu sầu, phải làm như thế nào để cứu độ họ, việc này mới là việc đáng để ưu sầu.

Sau khi voi chúa nhổ cái ngà xong, đem sáu cái ngà cung kính cúng dường người thợ săn và phát nguyện: “Hôm nay ông đã nhổ sáu cái ngà của ta,

tương lai ta thành Phật rồi, sẽ nhờ tam độc cho ông, và cũng sẽ nhờ tam độc cho tất cả chúng sanh”. Tam độc là gì? Chính là những hạt giống độc tham, sân, si.

Lúc chúng ta thọ nhận sự đau khổ, đừng nên chỉ vì đau khổ của hiện tại mà phiền não; nên biết rằng, nếu thân, khẩu, ý không thanh tịnh thì tương lai có thể tự đọa vào ba đường ác, thế thì khổ đau lại càng nhiều hơn! Ngoài ra, lúc bản thân chúng ta chịu đau khổ, tâm chúng ta có suy nghĩ cho người khác không? Thật ra, còn có rất nhiều chúng sanh cũng đang chịu khổ! Phải chăng, chúng ta cũng nên phát tâm từ bi để cứu khổ giúp chúng sanh sao?

Ngoài ra, voi chúa đối với áo ca-sa vô cùng kính trọng, voi nói với người thợ săn rằng: “Mặc dù ông khởi tâm độc ác dùng mũi tên độc bắn ta, nhưng ta một chút cũng không nghĩ nhớ đến việc làm ác đó, tâm ta chỉ cung kính áo ca-sa mà thôi”.

Voi chúa cho rằng, áo ca-sa là biểu tượng của sự tịch tĩnh giải thoát, chỉ là người mặc áo lại không có ý tốt mà thôi, chứ bản thân ca-sa vốn dĩ không có lỗi lầm gì.

Mong quý Phật tử chúng ta thường tôn kính Tăng bảo, như ngài Ấn Thuận có nói trong quyển *Con*

*đường thành Phật:*

*Kính Tăng, chớ mắng Tăng,*

*Cũng chớ đánh giá Tăng,*

*Người tu hành theo Phật,*

*Chánh pháp phải giữ gìn.*

Đoàn thể tăng già cũng như đại hải, có rồng lớn, mà cũng có cá tôm; có rong biển cũng có châu báu. Tăng chúng tuy có cao thấp, tốt xấu, phàm thánh khác nhau, nhưng hợp lại với nhau mới thành một tăng đoàn có sức mạnh, mới có thể duy trì chánh pháp của Như Lai. Hơn nữa, thuở ban sơ chúng ta khởi tín tâm đối với Phật pháp, cũng không nhất định là do Hiền thánh tăng mà phát tâm. Ngoài ra, trong luật, đức Phật có khai thị cho tín chúng: Dù cho tăng chúng có một số vị không xứng đáng, thì chúng ta cũng không nên tùy tiện phê bình, những tăng chúng này đều là Tăng bảo không ngừng truy cầu Phật pháp, chúng ta phải hộ trì bình đẳng. Cũng giống như một sợi dây chuyền bằng vàng ròng, kết thành một chuỗi rất đẹp, chẳng may bị đứt thành ba đoạn, thì đoạn nào cũng đều là vàng cả. Nó không thể biến thành vàng, bạc, đồng, sắt, thiếc khác nhau. Vì vậy, mong rằng quý vị tín chúng không

nên tùy tiện phê bình Tăng chúng, mà nên hộ trì bình đẳng.

Còn người xuất gia chúng ta cũng nên lưu ý, chúng ta mặc áo ca-sa thanh tịnh, cao thượng, nhưng nội tâm có còn mang những tâm niệm xấu hay không, cần nên tự mình phản tỉnh. Chúng ta đã được ánh sáng của Tam bảo soi chiếu, thì càng nên cung kính hòa hợp với Tăng đoàn, không nên vì những hành vi phi pháp của chính mình mà làm cho người khác khởi lòng chê bai, hiềm nghi đối với Tăng đoàn thanh tịnh, như thế là không nên.

Từ câu chuyện trên, mong mọi người cùng nhau cố gắng.

*Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm  
Ngày 17.10.2015*

## 16. NGƯỜI NGU KHÔNG NHÃN ĐƯỢC SỰ MẮNG CHỬI PHỈ BÁNG, THÌ CHẴNG KHÁC NÀO TRONG MẮT CÓ HAI DẪM ĐÁ

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa quý Phật tử!

Hôm nay, tôi xin chia sẻ với quý vị một câu chuyện trong kinh Phật. Câu chuyện này được trích từ *kinh Tap bảo tạng*, trong Đại Chánh tạng, quyển 4, trang 461b29-463c12.

Lúc đức Phật ở tại thành Xá-vệ, Đề-bà-đạt-đa đến trước đức Phật, nói những lời thô ác, tùy ý chửi bới lung tung.

A-nan nghe xong vô cùng tức giận, nhanh chóng đuổi Đề-bà-đạt-đa đi. Tôn giả nói với ông ta:

- Nếu thầy còn đến nữa, tôi sẽ làm cho thầy rất đau khổ.

Các vị tì-kheo nhìn thấy như vậy, liền bạch với đức Phật:

- Thế Tôn, thật sự là rất hiếm có ạ! Như Lai thường dùng tâm từ bi, thương xót đối với Đề-bà-đạt-đa,

nhưng Đề-bà-đạt-đa luôn luôn chất chứa những ý niệm độc ác đối với Như Lai. Thầy A-nan rất giận nên đã đuổi Đề-bà-đạt-đa đi rồi.

Đức Phật nói:

- Không phải là hiện tại, mà cả trong quá khứ cũng đều như vậy. Thuở xưa, tại nước Ca-thi, lúc bấy giờ có hai anh em Long vương, anh trai tên là Đại Đạt, em trai tên là Ưu-bà Đại Đạt. Trong quốc gia ấy, mưa hòa gió thuận, nên cỏ cây sinh trưởng rất tốt, mùa màng bội thu, động vật được ăn uống no đủ nên đều to béo và khỏe mạnh, bò và dê sinh trưởng thành bầy.

Vào lúc ấy, nhà vua đã giết số lượng rất lớn bò và dê rồi đem đến chỗ ở của rồng, làm vật hiến tế cho rồng.

Rồng hiện thân nói với vua rằng:

- Ta không ăn loại thức ăn này, tại sao vì hiến tế cho ta mà sát sanh vậy?

Nói mấy lần như vậy, nhà vua vẫn không thay đổi, hai anh em long vương bèn bàn luận với nhau, quyết định đi khỏi nơi này, chuyển đến một nơi khác, nơi ấy có một con rồng nhỏ đang sinh sống ở đó, tên là Truân-độ-tì.

Rồng Truân-độ-tì, không kể là ngày hay đêm đều nóng giận, thường dùng lời thô ác chửi mắng.

Đại Đạt nói:

- Bạn không nên sân giận! Chúng ta sẽ thuận theo ý bạn, bây giờ sẽ quay trở về chỗ cũ.

Nhưng em trai là Ưu-bà Đại Đạt thì vô cùng phần nộ đối với rồng nhỏ Truân-độ-tì, rồng em mắng:

- Mi chẳng qua chỉ là một con rồng nhỏ chỉ biết ăn ếch nhái mà thôi, nếu ta phun ra một hơi độc vào quyển thuộc của ngươi, lập tức sẽ khiến cho lũ các ngươi biến mất.

Đại Đạt khuyên em trai:

- Em không nên nóng nảy! Bây giờ chúng ta sẽ trở về chỗ cũ, vua nước Ca-thi đang mong chờ chúng ta đó!

Lúc bấy giờ, vua nước Ca-thi cầu nguyện rằng:

- Nếu hai con rồng trở về, ta sẽ tùy thuận theo ý muốn của chúng, dùng sữa đặc để cúng tế, tuyệt đối không sát sanh nữa.



Vua rồng nghe được và quay trở lại chôn cũ. Rồi rồng Đại Đạt nói một đoạn kệ, đại ý như sau:

“Mọi người hòa hợp dùng tâm thanh tịnh nhất để chuyên chú mà lắng nghe, việc này có liên quan đến việc nhân duyên bốn sanh của BỒ-tát. Hiện tại, Phật khai thị bài kệ tụng của quá khứ.

Lúc đức Thế Tôn Chánh biến tri Nhất thiết Pháp, Như Lai còn ở tại thế gian, các tì-kheo thường nói lời ác độc, ác ý phỉ báng lẫn nhau. Phật-đà từ bi nhìn thấy sự việc ấy, đồng thời nghe thấy những lời ấy, Ngài tập hợp các thầy tì-kheo lại và dạy:

Các vị tì-kheo theo Ta xuất gia, những việc không hợp pháp thì không nên làm, vậy mà các ông nói những lời độc ác với nhau, lại phỉ báng nhau, như vậy chỉ làm tổn hại chính mình.

Các ông chẳng lẽ chưa từng nghe rằng, tìm cầu giác ngộ, nên tu tập tâm từ bi, nhẫn nại, tu những điều khổ hạnh, khó làm hay sao? Nếu các ông muốn nương tựa Phật pháp tu học, phải nên phụng hành lục hòa kính, đó là: “Kiến hòa đồng giải”, “Giới hòa đồng tu”, “Lợi hòa đồng chia”, “Ý hòa đồng vui”, “Thân hòa đồng trụ”, “Miệng hòa không tranh”, cũng chính là thân, khẩu, ý đều vô cùng hòa hợp; vả lại, cái thấy cái

biết của mọi người cũng đều giống nhau, tất cả mọi người hộ trì giới luật cũng đều giống nhau, có lợi ích gì, mọi người đều chia sẻ bình đẳng.

Người có trí tuệ nghe pháp trong niềm vui, tu học theo con đường của Phật, vì lợi ích an vui của chúng sanh, đối với tất cả chúng sanh không nào hại; tu tập, lắng nghe chánh pháp, phải xa lìa tất cả hành vi ác.

Người xuất gia tranh luận trong oán hận, thì giống như trong nước đá mà sinh ra lửa vậy; nếu muốn tùy thuận pháp xuất gia, phải nên đoạn trừ tâm sân hận ưa tranh luận, làm những điều phù hợp với chánh pháp.

Vào thời quá khứ, Ta (Như Lai) đã từng làm thân long vương, có hai anh em chung sống cùng nhau, anh trai tên là Đại Đạt, em trai tên là Ưu-bà Đại Đạt, hai anh em đều không sát sanh, giữ giới thanh tịnh, có uy đức lớn, chán ghét thân hình của rồng, nhất tâm theo con đường thiện, hy vọng có thể làm thân người.

Nếu gặp sa-môn, Bà-la-môn có tu trì giới luật thanh tịnh, học rộng nghe nhiều, thì ta biến thành thân người để đi đến cúng dường cho họ, thường xuyên gần gũi. Mỗi lần đến ngày mùng tám, mười bốn, mười lăm, thì thọ giới bát quan trai, giữ gìn tâm niệm, rời khỏi nơi ở của mình đi đến những nơi khác để tịnh tu.

Có một con rồng nhỏ tên là Truân-độ-tì, nhìn thấy hai con rồng chúng tôi có uy đức lớn, nó tự biết chính mình mãi mãi không được như chúng tôi nên sinh tâm ghen ghét, sân giận thường dùng những lời nói thô lỗ chửi mắng.

Nó giương hàm, há miệng phun khí, tâm vô cùng sân hận, toàn thân giương lên, miệng dùng những lời ác độc mà phỉ báng. Nó dùng những lời lẽ ngu muội, giả dối sai sự thật để xúc phạm, bức bách chúng tôi.

Nghe những lời nhục mạ của con rồng ấy, em trai Ưu-bà Đại Đạt vô cùng phẫn nộ đã thỉnh cầu anh trai Đại Đạt rằng:

- Con rồng ấy dám dùng những lời độc ác phỉ báng chúng ta! Cái thứ sống cạnh bờ suối, thường ngày ăn nuốt các thứ ếch nhái hạ tiện, mà dám chửi mắng ta sao? Con rồng này nếu sống ở dưới nước thì sẽ làm nã hại các loài chúng sanh dưới nước, nếu sống trên đất liền thì sẽ làm hại con người.

Phải nghe những lời ác độc thực sự rất khó nhẫn. Bây giờ, chúng ta nên tiêu diệt con rồng ấy và cả quyến thuộc của nó, sau đó chúng ta sẽ trở lại chỗ cũ của chúng ta.

Anh trai Đại Đạt long vương nghe em trai nói như thế, thì liền nói một đoạn kệ rất vi diệu, ngay cả bậc trí giả cũng hết lòng tán thán, đại ý như sau:

“Nếu ngủ trọ tại một nơi nào đó, dầu chỉ được chút tiện nghi nhỏ nhoi, chỉ cần có thể yên tâm ngủ ngon là được, không nên sinh khởi những ý nghĩ không tốt, nên nhớ tri ân báo ân, đó mới là việc mà các bậc Thánh nhân ca ngợi.

Nếu nghỉ ngơi dưới gốc cây, dù chỉ nhận được chút bóng râm của cây, cũng không nên làm tổn hại cành lá và hoa quả; nếu như có người đối với người mình thương yêu mà làm một chút việc ác, thì con người này từ nay về sau sẽ không thể có được an lạc.

Nhận ân huệ cúng dường thức ăn của người khác nhưng lại đáp trả bằng việc làm độc ác, đây là người ác chẳng biết tri ân báo ân, người ác như vậy sẽ không thể có được quả báo lành, dù có được một chút, rồi cũng lập tức tiêu tan; đối với những người đã thi ân, nếu bị người khác dùng việc ác để đáp trả, thì giống như những cành nhánh của rừng rậm bị thiêu cháy, ngày sau sẽ nảy mầm, hồi phục trở lại như xưa.

Con người vong ơn bội nghĩa thì không thể sanh thiện pháp, nếu dùng trăm loại thực phẩm cúng dường

người ác, họ cũng không có ý nghĩ biết cảm ơn, còn dùng oán hận để đáp trả.

Thí như có một con voi mẹ sống bên cạnh một vị tiên nhân tu đạo. Sau khi voi mẹ sanh con xong thì chết, vị tiên nhân thương xót voi con, nên rất quan tâm chăm sóc cho nó. Nuôi từ nhỏ đến lớn, sau đó, có một ngày nó chạy nhảy điên cuồng, dẫm chết vị tiên đã nuôi dưỡng nó bấy lâu nay, còn dẫm nát hết cây cối và nhà cửa; con người độc ác vong ơn bội nghĩa cũng như vậy.

Sự phù phiếm và kích động bên trong nội tâm không dừng lại, giống như cái cây bị cuốn trong vòng xoáy quay cuồng không ngừng lay động; kẻ không tu hành, đối với người thân không biết báo ơn, thì giống như lấy mực đỏ mà nhuộm lên trên tấm vải trắng làm nó nhiễm ô vậy.

Nên dùng tâm lương thiện mà đáp trả thù hận, không nên dùng tâm độc ác mà đáp trả, làm hại người khác. Người có trí tuệ luôn dùng tâm từ bi để đáp trả thù hận, thậm chí là gánh trời đất hay gánh núi biển, họ đều cảm thấy nhẹ nhàng; ngược lại, nếu vong ơn bội nghĩa thì sẽ cảm thấy nặng nề vạn phần.

Đối với tất cả chúng sanh đều từ bi và bình đẳng, là

sự an lạc thù thắng nhất; giống như bến phà bằng phẳng để giúp người qua sông, cũng vậy, từ bi mang lại hai loại niềm vui là không làm hại người thân và tiêu diệt được tập tính kiêu ngạo của mình.

Người mà nội tâm không có một chút đức hạnh thì thường có biểu hiện ngang ngược, dâm dật; trên thực tế, người không có trí tuệ thì thường kiêu ngạo, thích tranh luận với mọi người, gằn gỏi những người bạn ác, như vậy không những làm tổn hại danh tiếng mà còn bị mang tiếng xấu.

Người cô đơn không nơi nương tựa, trẻ nhỏ, người già và người bệnh, người vừa bị mất tiền của, người gầy gò, nghèo khổ không có tài sản, người sống trong đất nước không có sự che chở của quốc vương, người đơn độc không có ai để nương tựa... Đối với những trường hợp khốn khổ, nguy nan như trên, nếu chúng ta không sanh khởi tâm từ bi thì không phải là con người tử tế.

Nếu đến một đất nước không có người thân quen, chịu những lời nói thô ác, nhưng vẫn có thể dựa vào an định, nhẫn nhục mà cảm thấy vui vẻ, như vậy có thể ngăn lại tất cả những việc ác, ngừng việc tranh đấu.

Thà rằng ở đất nước khác không quen biết ai, cũng

không muốn ở tại đất nước mình mà bị người khác khinh thường; nếu ở đất nước khác nhận được sự cung kính, mọi người đều gần gũi nhau mà không có sự phần nộ, tranh cãi, thì có thể nói rằng, người ở nước đó cũng giống như người thân của chính quê hương mình.

Phú quý và hạnh phúc ở thế gian rất ít, sự suy tàn và khổ đau thì rất nhiều. Nếu quán chiếu thấy chúng sanh đều đang thoái thất, mà bản thân chúng ta lại không đủ khả năng giúp họ, thì hãy im lặng và chờ đợi nhân duyên thích hợp.

Sức mạnh của kẻ thù rất lớn mà bản thân ta thì yếu ớt, bạn bè thân thiết thì ít ỏi, không có ai để nương tựa; quán chiếu mình đang ở trong tình huống này, thì nên giữ tâm yên định và an lạc.

Người sống trái với pháp luật, tâm tham lam, bủn xỉn, không có lòng tin, không biết xấu hổ, không tiếp nhận những lời khuyên bảo của người khác; khi ở trước mặt những người như vậy, nên giữ im lặng, an định và nhẫn nhịn.

Tâm sân hận sâu nặng, tàn nhẫn và độc ác, chỉ thích làm hại người khác; ở gần những người như vậy, nên giữ im lặng và tu hạnh an định nhẫn nhịn.

Không có niềm tin, hung bạo dữ tợn, tự cho mình là tài ba, điên đảo thị phi, nịnh hót, giả dối, xảo trá, mê hoặc lòng người; đối với hạng người này, không nên nói mà phải giữ im lặng, tu hành hạnh an lạc và nhẫn nhịn.

Phá giới, làm việc ác, chưa bao giờ xem xét đến việc chịu nhục chịu khổ, thực hiện những hành vi bất hợp pháp lừa đảo; ở trước hạng người ấy, không nên nói gì mà phải giữ im lặng.

Nói dối không biết xấu hổ, thích trêu chọc chia rẽ, tà kiến, miệng nói lời độc ác hoặc nói những lời không có ích, kiêu mạn, tự cao, chấp trước rất nặng, vô cùng bủn xỉn, tâm thì tham lam, luôn ganh tỵ với người khác; ở trước hạng người này, không nên nói gì mà nên giữ im lặng.

Nếu đến những nơi khác, mặc dù những người ở đó không quen biết mình, cũng không biết thân phận, đức hạnh của mình, thì cũng không nên tự cho mình là đúng, sinh khởi tâm kiêu ngạo, ngã mạn.

Đến cư ngụ tạm thời ở một nước khác, bất luận y phục, thức ăn đều nương nhờ vào người khác, không được tùy tiện theo ý muốn, nếu bị tổn hại và xúc phạm đều nên an trú nhẫn nhịn.



Cư trú tại đất nước của họ, nương nhờ vào sự cúng dường y phục và thức ăn của họ, nếu vì gia đình yên ổn lập nghiệp, muốn có được an vui, phải nên tu hạnh nhẫn nhịn như trước đã nói.

Cư ngụ ở đất nước họ, nương nhờ vào sự cúng dường y phục và thức ăn, cho đến nếu gặp người hạ tiện đến khinh thị chính mình, người có trí tuệ chỉ nên nhẫn thọ.

Cư ngụ ở đất nước họ, gặp phải người bạn xấu, kẻ tiểu nhân, ngu si, muốn sống chung với ta, người có trí tuệ sẽ che giấu thân phận, giống như che chắn cho ngọn lửa vậy.

Giống như cơn gió mạnh thổi bùng ngọn lửa nơi đồng trống, một khi bị ngọn lửa lan tới, toàn bộ cánh đồng sẽ bị thiêu rụi; tâm sân giận cũng giống như ngọn lửa vậy, đốt cháy chính mình và người khác, đây là sự hủy diệt mãnh liệt nhất; người có trí tuệ luôn đoạn trừ tâm sân si, tham lam; dùng tâm từ bi khiến cho tâm sân hận dần bị dập tắt.

Cần phải gần gũi và sống chung mới biết được người thiện hay người ác, mặc dù không sống chung nhưng lại gần họ và nói họ lương thiện; thường gần gũi kẻ ác, thì đây là người ngu si; không xem xét nguyên

do trong quá khứ của họ mà lại ruồng bỏ họ, nếu làm những việc như trên thì được xem như người không có trí tuệ.

Nếu không có sự ngu si thì trí tuệ không được biểu hiện, giống như con chim không thể bay khi nó gãy cánh; người có trí tuệ cũng giống như vậy, nếu như không có nhiều kẻ tiểu nhân ngu si và không có người có trí giúp đỡ thì không thể nào nhận ra và hiểu rõ được sức mạnh của trí tuệ như thế nào.

Bởi vì đạo lý này, người sáng suốt có trí tuệ học rộng nghe nhiều, vui vẻ tự tại trong đời sống; người có trí tuệ đạt được lợi ích không sanh tâm ngạo mạn; thậm chí lúc mất đi phần lợi, họ cũng sẽ không cảm thấy tuyệt vọng, họ sẽ không có những suy nghĩ ngu si.

Nghĩa lý được lý giải như thật, những lời được nói ra là để ngăn chặn những việc làm ác, vì sự an vui và lợi ích của chúng sanh mà tuyên thuyết, biện luận, vì muốn cho họ hiểu rõ nên mới nói những lời này.

Người có trí tuệ nghe đến việc gì đó thì sẽ không vội vàng hành động, mà sẽ tư duy, phân tích rõ ràng sự thật, hiểu rõ đạo lý rồi mới hành động, như vậy mới đem lại lợi ích cho mình và cho người.

Người có trí tuệ sẽ không bao giờ vì sự sống của bản thân mà tạo tác những nghiệp ác, không hợp lý; không vì sự khổ vui nhất thời mà làm trái chánh pháp, tuyệt đối không vì bản thân mà từ bỏ chánh hạnh.

Người có trí tuệ sẽ không bủn xỉn, cũng không đố kỵ, sân hận, không hung ác, cũng chẳng ngu si, ngay cả khi đối mặt với nguy hại, họ cũng không căng thẳng sợ hãi, tuyệt đối không bao giờ vì lợi ích riêng tư mà vu cáo làm hại người khác.

Đã không uy mãnh cũng không có yếu đuối; không thấp hèn, thô tục, mà cư xử đúng với trung đạo, có những phẩm hạnh như thế là đặc điểm của người có trí tuệ. Người quá hung dữ, khó khăn thì sẽ làm cho người ta chán ghét; người quá nhu nhược thì sẽ bị khinh rẻ xem thường; người có trí tuệ biết xả bỏ hai hạng người trên, dựa vào trung đạo mà làm.

Có lúc không nói im lặng giống như người câm, có lúc tuyên giảng, dẫn dắt giống như quốc vương, có lúc lạnh lùng giống như băng tuyết, có lúc biểu hiện nhiệt tình như lửa cháy.

Có lúc hiện rõ khí thế cao hùng như ngọn núi Tu-di, có lúc hiện rõ sự hèn mọn thấp kém giống như ngọn cỏ, có lúc hiện rõ sự dũng mãnh như ông vua, có lúc lặng

yên tịch tĩnh giống như giải thoát.

Có lúc có thể chịu đựng được cái khổ đau của sự đói khát, có lúc có thể chịu đựng được các việc vui sướng và khổ đau; nhìn của báu giống như đồng phân đơ bản, có thể tùy tâm điều phục tâm sân hận.

Có lúc vui vẻ thưởng thức âm nhạc và nhảy múa, có lúc xem dường như hoảng loạn sợ hãi giống như một con nai con, có lúc uy mãnh như hổ sói. Quan sát thời cơ nào thích hợp, thời cơ nào không thích hợp, biết lúc nào nên biểu hiện tài năng, lúc nào nên che dấu tài năng

Có thể quan sát thấy phú quý và sự suy bại, có thể nhận được những việc mà người bình thường không nhận được, mới chính là nhận chân chánh; việc nên nhận nhận mà có thể nhận được, đó chỉ là sự nhận bình thường thôi; đối với người yếu ớt cũng phải nhận.

Người đối với những người giàu có, mạnh mẽ thường khiêm tốn, nhẫn nhục, có thể nhận được những việc mà người bình thường không nhận, đó mới là nhận chân chánh; không nên ghét bỏ người ác, sống với những người hay tức giận, thường phải giữ tâm thanh tịnh.

Nhìn thấy người làm việc ác, tự mình không làm; đối với người chiến thắng mình mà có thể nhẫn nại, đây là nhẫn trước sự sợ hãi, bởi vì cảm thấy sợ hãi nên không thể không nhẫn nhục; đối với người có năng lực tương đương với mình mà có thể nhẫn, là vì sợ sanh khởi đấu tranh, đây chỉ là cái nhẫn bình thường; nếu đối với người yếu kém hơn mình mà có thể an nhẫn, đây mới là đại nhẫn nhục.

*Người ngu si khi bị người khác mắng chửi, phỉ báng thì cảm thấy giống như hai cục đá ở trong mắt không thể nhẫn nhịn; người trí có thể nhẫn nhịn những lời chửi mắng độc ác và phỉ báng nặng nề, giống như rải hoa trên thân voi, như chẳng có việc gì xảy ra vậy.*

*Bị nghe những lời mắng chửi độc ác và phỉ báng nặng nề, người hiểu rõ sự lý, có con mắt trí tuệ có thể an nhẫn, giống như trận mưa lớn xối xuống tảng đá to, tảng đá không vì điều ấy mà bị tổn hại hay bị hủy diệt; bất luận là ác ngữ, thiện ngữ cho đến những việc khổ vui, người có trí có thể an nhẫn cũng giống như tảng đá to vậy.*

Nếu là sự thật mà bị nhục mạ, nên tư duy lời nói thành thật của người ấy, không nên tức giận; nếu là việc giả dối mà bị nhục mạ, biết rằng đối phương dối trá thì lời nói đó giống như gió vậy; vì vậy, bất luận

nhục mạ là chân thật hay giả dối, người có trí tuệ biết rõ ràng, đều sẽ không tức giận.

Nếu vì tài sản và các loại lợi ích, phải nhẫn thọ khổ vui, lời chửi rửa độc ác và phỉ báng; nếu không vì tài sản lợi ích, mà có được trăm ngàn châu báu cũng nên lập tức rời xa người ác.

Cành cây bị chặt xong thì không thể nối liền với gốc, người mà đã mất đi nhân tâm thì không nên gần gũi, phải thật sớm chia ra mỗi người một đường mà rời đi thật xa, trong thế gian này còn nhiều người bạn có thể gần gũi.

Người ngu đối với người khác trước mặt thì cung kính, sau lưng thì lại khởi tâm khinh thường, phỉ báng, không cung kính, không tán thán người có đức; người trí thì giống như con thiên nga trắng nhẹ nhàng mà bay đi, xa hẳn những người ngu si này.

Những người thích tranh đấu, tâm ý bất chánh, hòa theo nịnh hót; người thích nhìn lỗi lầm của người khác, kích động sự bất hòa, chia rẽ, nói lời hoang đường, miệng thốt ra lời độc ác, nói những lời không có ý nghĩa; người khinh khi, phỉ báng, nhục mạ chúng sanh, nói những lời tổn thương lòng người, không hộ trì ba nghiệp: thân, khẩu, ý, những người như vậy, người có

trí tuệ sẽ nhanh chóng rời bỏ họ và đi đến nơi khác.

Người ganh ghét làm người khác tổn thương, không có tâm thiện, nhìn thấy người khác có được lợi ích, an vui và danh tiếng thì sanh tâm buồn khổ, tuy miệng thốt ra lời mềm mỏng tốt đẹp, nhưng trên thực tế thì tâm vô cùng ác độc, người như vậy chỉ có người có trí mới có thể hiểu rõ, liền ngay lập tức rời xa, đi đến nơi khác.

Người thích thú những điều không thiện, tham danh tiếng, lợi dưỡng, a dua nịnh hót, tham cầu không biết chán; người không biết xấu hổ, nội tâm không thanh tịnh, biểu hiện ra bên ngoài cũng sẽ như vậy, người có trí tuệ phải nhanh chóng xa lìa, đi đến nơi khác.

Nếu người không có tâm cung kính, kiêu ngạo tự đại, không hợp theo pháp để làm lợi ích chúng sanh, hơn nữa, lại tự khoe khoang là có trí tuệ, nhưng trên thực tế, họ là một người ngu ngốc, người có trí tuệ sẽ sớm xa lìa, đi đến nơi khác.

Ở đây nhận thức ăn, ngoạn cụ, y phục và những vật dụng, nhờ vậy mà thọ mạng được duy trì, nên tư duy, cảm niệm ân đức ấy; người giúp đỡ này cũng giống như người mẹ từ bi, bảo bọc đưa con duy nhất vậy.

Tham ái làm sanh khởi tất cả khổ, trước tiên nên đoạn trừ tham ái mà xa lìa tâm sân hận, tham ái và sân giận đều có thể dẫn dắt con người đọa lạc vào đường ác; cống cao, ngã mạn toàn bộ đều nên xả bỏ.

Khi người khác giàu có thì gần gũi, nhưng khi người ta nghèo đói thì rời xa, người bạn như thế nên nhanh chóng rời xa.

Vì một gia đình mà chấp nhận từ bỏ một người; vì một thôn làng mà chấp nhận từ bỏ một gia đình; vì một đất nước mà chấp nhận từ bỏ một thôn làng; vì bản thân mà chấp nhận từ bỏ thiên hạ, vì chánh pháp mà chấp nhận từ bỏ bản thân.

Vì một ngón tay chấp nhận từ bỏ tài sản hiện có, vì mạng sống mà chấp nhận từ bỏ tay chân, vì chánh pháp mà chấp nhận từ bỏ tất cả.

Chánh pháp giống như một mái nhà có thể che chở mưa gió, người tu hành Phật pháp có thể đạt được sự che chở và bảo hộ của Phật pháp; nhờ sức tu hành Phật pháp mà có thể đoạn trừ ác đạo, giống giữa trưa nắng nóng mà có được bóng râm mát mẻ.

Người tu hành Phật pháp cũng như thế, khi họ cùng một mục tiêu với các bậc hiền nhân, trí giả, thì dù có



đắc vô lượng tài bảo, họ sẽ không cảm thấy vui thích; nếu mất đi châu báu trân quý, họ cũng không cảm thấy lo lắng ưu sầu, thường ngày sẽ chẳng khổ sở để tìm cầu miếng ăn; đây chính là một đại trượng phu kiên định chân thực.

Bồ thí tài sản cho người khác mà vô cùng hoan hỷ, tận lực, nhanh chóng rời bỏ các việc ác ở thế gian, bản thân an nhiên còn hơn biển sâu, đây chính là một đại trượng phu chân chính, dũng mãnh, kiên cường, thù thắng.

Nếu có thể thâm nhập hiểu rõ nghĩa lý, xử lý mọi việc một cách khéo léo, vì người khác mà tâm mềm mỏng, ý vui vẻ đem lại niềm vui, lợi ích cho người khác, mọi người đều tán thán đó là người đại trượng phu có đức hạnh.

Người em trai là Ưu-bà Đại Đạt nói:

- Bây giờ em càng kính trọng, tin tưởng anh, giả sử gặp phải cảnh khổ đau vô cùng, em tuyệt đối sẽ không tiếp tục làm các việc ác.

Bất luận là chết hay là sống, có được tài sản hay mất đi tài sản cũng sẽ không làm việc ác. Bây giờ anh biết rằng em sẽ nghe theo lời chỉ dạy của anh, thà hộ trì

giới thanh tịnh mà chết, chứ tuyệt đối sẽ không phạm giới tùy tiện trộm cắp.

Sao lại đem cuộc đời hết sức ngắn ngủi này mà buông lung, tạo tác ác hạnh? Trong sanh tử luân hồi, nhất thiết không nên buông lung. Ta ở trong sanh tử luân hồi làm những việc không lành, gặp phải những người bạn ác, làm việc phi pháp cho đến ngày nay, khi gặp được bạn tốt mới có thể đoạn trừ”.

Phật có túc mệnh thông, biết nhân duyên bốn sinh ở quá khứ, nên Ngài nói với các vị tì-kheo bài kệ như vậy.

- Lúc đó con rồng Đại Đạt chính là Ta, em trai Ưu-bà Đại Đạt chính là A-nan; con rồng nhỏ Truân-độ-tì lúc đó, nay chính là Đề-bà-đạt-đa.

Các vị tì-kheo nên biết, phải cố gắng tu học, đây là Ta tập hợp những điều liên quan đến giáo pháp rồi dùng kệ tụng tóm gọn mà nói ra. Các vị tì-kheo tăng! Các vị nên thâm nhập hiểu rõ, mọi nơi chốn phải chú ý hành vi của chính mình, nên cung kính, cố gắng tu học cái thiện pháp này.

**Câu chuyện này nhắc nhở chúng ta:**

Phải tu hạnh nhẫn nhục, phải biết ơn và báo ơn.

Người ngu si khi bị nghe những lời chửi mắng, chê bai, thì giống như có hai cục đá ở trong hai con mắt vậy, không cách gì chịu đựng nổi; còn người có trí tuệ, dù cho có nghe những lời chửi rửa độc ác và phỉ báng nặng nề, họ vẫn có thể an nhiên, giống như đem hoa rải lên thân con voi to lớn, như chẳng có việc gì xảy ra vậy.

Ngoài ra, còn một ví dụ cũng rất hay. Bị người khác nhục mạ, phỉ báng, người có trí tuệ biết biện biệt sự lý, nên có thể an nhĩn, giống như cơn mưa to xối trên tảng đá lớn, tảng đá sẽ không bị tổn hoại; người trí tuệ có thể an nhĩn giống như tảng đá vậy.

Một người biết ơn, thì dù chỉ nhận được một chút bóng mát khi đứng dưới gốc cây, họ cũng biết cảm ơn. Còn người vong ơn bội nghĩa thì thường lấy oán báo ơn, những người này sẽ không sanh khởi được thiện pháp, sẽ không có được quả báo lành.

Từ câu chuyện trên, mong mọi người cùng nhau cố gắng.

*Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm  
Ngày 23.04.2016*